



BÁO CÁO

TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN VIỆT NAM VÀ NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI VÀ Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 56/2020/NĐ-CP NGÀY 25/5/2020 CỦA CHÍNH PHỦ

I. Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN VIỆT NAM

Trên cơ sở đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4097/BKHĐT-KTĐN ngày 28 tháng 6 năm 2021, đến nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được ý kiến góp ý cho Dự thảo Nghị định của 31 Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, 55 địa phương, 03 Ban Quản lý dự án và 03 Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và giải trình các ý kiến góp ý này.

Về cơ bản các cơ quan nhất trí về sự cần thiết của việc ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Các ý kiến cho rằng bố cục và nội dung của Dự thảo Nghị định đã đáp ứng được tinh thần và ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cập nhật được các định hướng, chính sách, chủ trương mới của Đảng và Nhà nước trong thời gian gần đây, chính sách hợp tác phát triển của nhà tài trợ trong bối cảnh mới, đề huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài hỗ trợ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, giải quyết được những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.

Tuy nhiên, vẫn còn có một số quan điểm, ý kiến khác nhau của các cơ quan về một số nội dung, quy định của Dự thảo Nghị định, cụ thể:

1. Quy định phân biệt “chi đầu tư” và “chi thường xuyên”:

Một số ý kiến cho rằng nên trích dẫn nguyên định nghĩa trong Luật Ngân sách nhà nước, một số ý kiến khác đề nghị quy định chi tiết các hạng mục chi đầu tư và chi thường xuyên. Về ý kiến này tại điểm a, Khoản 2, Điều 6 Dự thảo Nghị định đã quy định về mặt nguyên tắc theo phương án loại trừ để giải quyết vướng mắc hiện nay trong việc thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc



không sử dụng vốn vay cho chi thường xuyên do Bộ Tài chính chưa cung cấp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hướng dẫn phân biệt chi đầu tư và chi thường xuyên

2. Mô hình quản lý chương trình, dự án:

Một số ý kiến cho rằng đối với chương trình, dự án có nhiều cơ quan chủ quản tham gia vẫn cần có một cơ quan chủ quản quản lý, điều phối chung. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng mô hình này tương tự như dự án ô trước đây song lại không rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan đối mối nên không nhất trí bổ sung mô hình quản lý này trong Dự thảo Nghị định.

3. Một số khái niệm từ ngữ có cách hiểu khác nhau:

Một số ý kiến đề nghị giải thích rõ ràng, cụ thể các khái niệm, từ ngữ như “vốn đối ứng”, “thời gian thực hiện dự án”, “thời gian bắt đầu dự án”, “vốn dư”, “giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài”, “tỷ giá nhận nợ và tỷ giá thanh toán cho nhà thầu quốc tế”,.... Về vấn đề này Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đặc biệt của Bộ Tài chính (đối với lĩnh vực tài chính) và đã chuẩn hóa tối đa các khái niệm này trong phần giải thích từ ngữ và trong các quy định của Dự thảo Nghị định.

4. Hỗ trợ ngân sách chung và hỗ trợ ngân sách có mục tiêu:

Bộ Tài chính đề nghị chỉ áp dụng hình thức hỗ trợ ngân sách chung cho ngân sách trung ương, theo quy định của Luật NSNN, không theo quy trình của Luật Đầu tư công. Đối với hỗ trợ ngân sách có mục tiêu, chỉ áp dụng cho các chương trình mục tiêu quốc gia, không áp dụng hỗ trợ ngân sách có mục tiêu cho bộ, ngành, địa phương, quy trình, thủ tục thực hiện theo Luật Đầu tư công. Bộ Kế hoạch và Đầu tư không nhất trí với quan điểm này vì vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên (đặc biệt trong trường hợp hòa đồng vào ngân sách nhà nước). Chính vì vậy, việc sử dụng hỗ trợ ngân sách phải theo quy định của Luật Đầu tư công.

5. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt Đề xuất dự án, Chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư:

Một số ý kiến đề nghị bỏ khâu Đề xuất dự án như áp dụng với các dự án đầu tư công trong nước; tinh giản hơn nữa quy trình, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư; giao cơ quan chủ quản thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại Nhóm B,... Bộ Kế hoạch và Đầu tư

thấy rằng trong Dự thảo Nghị định đã thể hiện tinh thần đơn giản hóa quy trình, thủ tục và xem xét kỹ vấn đề phân cấp song vẫn phải đảm bảo tính nhất quán với các văn bản pháp quy hiện hành, đặc biệt Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.

5. Các hoạt động thực hiện trước:

Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định cho phép lập đồng thời Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và Báo cáo nghiên cứu khả thi trong một Hợp đồng tư vấn để thuận lợi trong việc triển khai đầy nhanh tiến độ ký kết Hiệp định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng quy định này không phù hợp với Luật Đầu tư công và Luật Đấu thầu.

6. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

Bộ Ngoại giao và Bộ Tài chính về cơ bản nhất trí với việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 30 của Dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp đề nghị tiếp tục sử dụng quy định tại Điều 30 Nghị định số 56/2020/NĐ-CP, nếu đề xuất những sửa đổi phải đảm bảo phù hợp với Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

7. Về điều chỉnh chủ trương đầu tư:

Một số ý kiến cho rằng quy định hiện nay trong Dự thảo Nghị định khác với quy định của pháp luật về đầu tư công (chỉ vượt tổng mức đầu tư mới phải điều chỉnh chủ trương đầu tư) trong khi với nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài thay đổi các nội dung chính của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư phải điều chỉnh với trình tự, thủ tục như lần đầu. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng vướng mắc trong thời gian qua liên quan đến điều chỉnh chủ trương đầu tư chủ yếu là vấn đề gia hạn thời gian thực hiện dự án và gia hạn hiệp định và đã có quy định nhằm đơn giản hóa quy trình, thủ tục này. Ngoài ra, quy định những trường hợp không cần điều chỉnh chủ trương đầu tư như thay đổi tỷ giá, giảm vốn ODA, vốn vay ưu đãi và không dẫn đến thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, sử dụng vốn dư để phát huy hiệu quả và không dẫn đến thay đổi mục tiêu chính tại Quyết định chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đang thực hiện.

8. Về thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch tổng thể và kế hoạch hằng năm của chương trình dự án:

Một số ý kiến đề nghị phân cấp cho chủ dự án thay vì cơ quan chủ quản như hiện nay để đảm bảo việc điều chỉnh kế hoạch thực hiện được chủ động và linh hoạt.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch hàng năm của chương trình, dự án thuộc về cơ quan chủ quản sẽ đảm bảo việc thực hiện chương trình, dự án đúng với tiến độ cam kết và việc bố trí vốn trong kế hoạch sát với thực tế.

9. Về giải ngân dự án có nguồn vốn hỗn hợp (vừa cấp phát vừa cho vay lại):

Một số ý kiến đề nghị có quyết định giao vốn và giải ngân chung cho cả 02 nguồn vốn, một số ý kiến khác đề nghị giải ngân độc lập theo từng nguồn vốn. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến này trong Dự thảo Nghị định cho phép không bắt buộc giải ngân đồng thời 02 nguồn vốn này song khi kết thúc kế hoạch hàng năm phải đảm bảo đúng tỷ lệ cấp phát và cho vay lại trừ trường hợp chưa ký được hợp đồng cho vay lại với Bộ Tài chính và cơ quan được ủy quyền cho vay lại.

10. Về quy định cho doanh nghiệp nhà nước vay lại toàn bộ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài:

Một số ý kiến cho rằng vì quy định trong Dự thảo Nghị định liên quan đến nhiều luật khác nhau nên cần quy định cụ thể, chi tiết khi trích dẫn đến các văn bản pháp luật về đầu tư, quản lý nợ công, quản lý vốn tại doanh nghiệp nhà nước,... Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng quy định ở mức độ chi tiết như Dự thảo Nghị định hiện nay là phù hợp.

Về việc Bộ Tài chính đề nghị là cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ Đề xuất chương trình, dự án cho doanh nghiệp nhà nước vay lại toàn bộ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không nhất trí vì các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nhằm phục vụ mục tiêu đầu tư phát triển không chỉ đơn thuần là cung cấp vốn vay nên Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án trên cơ sở tổng hợp ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

11. Về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan:

Bộ Tài chính đề nghị bỏ khoản 10 và khoản 12 Điều 91 của Dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không nhất trí với đề nghị này vì các chức năng, nhiệm vụ này của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã được quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị định số 86/2017/NĐ-CP của Chính phủ về chức năng và nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời Bộ Tài chính đề nghị bỏ các khoản 2, 4, 5 Điều 93 về chức năng và nhiệm vụ của Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam với lý do không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Về đề xuất này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị trình Chính phủ xem xét, quyết định.

12. Về điều khoản chuyển tiếp:

Đa số các ý kiến đề nghị đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục, ký kết điều ước quốc tế, thoản thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi tiếp tục thực hiện theo các điều ước, thoả thuận đã ký kết để giải quyết vướng mắc trong thời gian qua.

Đối với điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án cho doanh nghiệp nhà nước vay lại toàn bộ vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, đa số các ý kiến lựa chọn Phương án 1 có điều chỉnh trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính: *“Đối với những dự án cho doanh nghiệp nhà nước vay lại toàn bộ vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục tài trợ hoặc chủ trương đầu tư dự án trước khi Nghị định này có hiệu lực: Thực hiện theo quy định của Nghị định này trên nguyên tắc cơ quan đề xuất, phê duyệt trước đây là cơ quan đề xuất, phê duyệt điều chỉnh các dự án này.”*

II. Ý KIẾN CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ

Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển (NHPT) đánh giá cao việc Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP và đề nghị Nghị định mới phải tạo thuận lợi tối đa cho việc huy động và sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Về Dự thảo Nghị định, các nhà tài trợ đưa ra một số kiến nghị cụ thể. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có ý kiến tiếp thu, giải trình tại **Phụ định 6.3**.

Dưới đây là những đề xuất, kiến nghị chủ yếu của Nhóm 6 NHPT:

2.1. Lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi:

Các nhà tài trợ đề nghị Chính phủ xem xét ưu tiên sử dụng vốn vay ưu đãi được ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, y tế, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng theo Dự thảo Nghị định, các lĩnh vực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, y tế, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi của NSNN ưu tiên sử dụng vốn vay ODA vì khả năng thu hồi vốn trực tiếp không cao là phù hợp. Đối với vốn vay ưu đãi nên ưu tiên cho các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng (phần cứng), đặc biệt những dự án quy mô lớn, liên

ngành, liên vùng, có tác động lan tỏa, có khả năng hoàn vốn trực tiếp Chính phủ sử dụng vì chi phí vốn vay cao.

2.2. Mô hình dự án đa thành phần:

Các nhà tài trợ đề nghị quy định về mô hình dự án đa thành phần áp dụng một cơ chế, quy trình riêng, đơn giản hơn, rõ ràng về chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm giải trình của các cơ quan liên quan và các bên tham gia dự án đa thành phần.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng việc quy định mô hình dự án đa thành phần sẽ dẫn đến mô hình dự án ô trước đây do không rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan đầu mối và các cơ quan tham gia.

2.3. Doanh nghiệp nhà nước sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi:

Các nhà tài trợ đề nghị quy định lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi của doanh nghiệp nhà nước, việc doanh nghiệp nhà nước thực hiện vai trò cơ quan chủ quản, được tiếp nhận và sử dụng vốn ODA không hoàn lại.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng đề xuất này không phù hợp vì theo quy định của Luật Quản lý nợ công, doanh nghiệp nhà nước phải gửi Đề xuất dự án cho các Bộ, ngành, địa phương (cơ quan chủ quản) để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Vì vậy, doanh nghiệp nhà nước không có vai trò làm cơ quan chủ quản.

Về việc doanh nghiệp nhà nước được tiếp nhận và sử dụng vốn ODA không hoàn lại, tại điểm c, khoản 1 Điều 51 Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định: “*Doanh nghiệp nhà nước chấp nhận ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với vốn viện trợ không hoàn lại đi kèm khoản vay ODA (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư.*”

2.4. Quy trình, thủ tục:

Các nhà tài trợ đề nghị đơn giản hóa nội dung Đề xuất chương trình, dự án; thực hiện đồng thời các khâu Đề xuất dự án, xây dựng Báo cáo chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi; thực hiện các hoạt động trước; ký kết, sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về ODA, vay ưu đãi; tinh giản quy trình, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, đặc biệt gia hạn thời gian thực hiện, quyết toán dự án; bố trí kế hoạch hằng năm, quản lý tài chính,... Về

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu và thấy rằng giữ nguyên nội dung quy định tại các điều từ 12 - 17 do khâu lựa chọn Đề xuất dự án trình Thủ tướng Chính phủ đóng vai trò quan trọng, tránh tình trạng sau này chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi không được phê duyệt sẽ gây tổn thất. Việc phân bổ vốn để thuê

tư vấn thuê tư vấn chuẩn bị dự án (xây dựng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và nghiên cứu khả thi) và tư vấn đấu thầu có thể triển khai trước khi Đề xuất dự án được phê duyệt không phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công.

Đối với các điều 18 và 19, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng:

- Việc quy định rõ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chủ trương đầu tư trong trường hợp tổng mức đầu tư dự án vượt 15% so với mức đã duyệt ban đầu không phù hợp với Luật Đầu tư công.

- Đề xuất ủy quyền cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hoặc cơ quan chủ quản phê duyệt các thay đổi không trọng yếu khác (ví dụ như kéo dài thời gian, sử dụng vốn dư/vốn tiết kiệm) sau đó thông báo cho các Bộ ngành trung ương khác và báo cáo Thủ tướng Chính phủ không khả thi vì Luật Đầu tư công quy định cấp nào phê duyệt thì cấp đó điều chỉnh.

- Về viện trợ khẩn cấp sử dụng vốn ODA không hoàn lại, Điểm a, khoản 2 Điều 8 Dự thảo Nghị định quy định viện trợ khẩn cấp sử dụng vốn ODA không hoàn lại không yêu cầu phải phê duyệt Đề xuất dự án, Chủ trương đầu tư.

Về quy trình, thủ tục, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng Dự thảo Nghị định đã tinh giản tối đa quy trình, thủ tục điều chỉnh chủ trương, đầu tư trong khung thể chế hiện hành. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang đề xuất với Chính phủ việc sửa đổi Luật Đầu tư công theo hướng một luật sửa nhiều luật để báo cáo Quốc hội xem xét, theo đó đề nghị phân cấp cho cơ quan chủ quản phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn vay Nhóm B, C, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại Nhóm B và dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư.

2.5. Quy định cụ thể về chi đầu tư và chi thường xuyên:

Các nhà tài trợ đề nghị quy định cụ thể, rõ ràng về chi đầu tư và chi thường xuyên trong các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài. Về đề nghị này tại điểm a, Khoản 2, Điều 6 Dự thảo Nghị định đã quy định về mặt nguyên tắc theo phương án loại trừ để giải quyết vướng mắc hiện nay trong việc thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc không sử dụng vốn vay cho chi thường xuyên do Bộ Tài chính chưa cung cấp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hướng dẫn phân biệt chi đầu tư và chi thường xuyên./.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN GÓP Ý KIẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 56/2020/NĐ-CP NGÀY 25/5/2020 CỦA CHÍNH PHỦ (Cập nhật đến ngày 09/8/2021)

I. CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

- 1 Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 2 Bộ Ngoại giao
- 3 Bộ Tài chính
- 4 Bộ Tư pháp
- 5 Bộ Giao thông vận tải
- 6 Bộ Công Thương
- 7 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- 8 Bộ Khoa học và Công nghệ
- 9 Bộ Quốc phòng
- 10 Bộ Công an
- 11 Bộ Thông tin và Truyền thông
- 12 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- 13 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- 14 Bộ Y tế
- 15 Bộ Tài nguyên và Môi trường
- 16 Bộ Xây dựng
- 17 Bộ Nội vụ
- 18 Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
- 19 Văn phòng Chủ tịch nước
- 20 Văn phòng Quốc hội
- 21 Thanh tra Chính phủ

- 22 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 23 Kiểm toán nhà nước
- 24 Văn phòng Trung ương Đảng
- 25 Ủy ban dân tộc
- 26 Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ
- 27 Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh
- 28 Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
- 29 Đài Truyền hình Việt Nam
- 30 Thông tấn xã Việt Nam
- 31 Bảo hiểm xã hội Việt Nam

II. CÁC ĐỊA PHƯƠNG

- 1 Sở KHĐT tỉnh An Giang
- 2 Sở KHĐT tỉnh Bình Phước
- 3 Sở KHĐT tỉnh Nam Định
- 4 Sở KHĐT tỉnh Ninh Bình
- 5 Sở KHĐT tỉnh Quảng Ngãi
- 6 Sở KHĐT tỉnh Yên Bái
- 7 Sở KHĐT tỉnh Bắc Kạn
- 8 Sở KHĐT tỉnh Bình Định
- 9 Sở KHĐT tỉnh Bình Dương
- 10 Sở KHĐT tỉnh Hà Tĩnh
- 11 Sở KHĐT tỉnh Hậu Giang
- 12 Sở KHĐT tỉnh Phú Thọ
- 13 Sở KHĐT tỉnh Thái Bình
- 14 Sở KHĐT tỉnh Lào Cai
- 15 Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên

- 16 Sở KHĐT tỉnh Tiền Giang
- 17 Sở KHĐT tỉnh Kiên Giang
- 18 Sở KHĐT tỉnh Đắk Lắk
- 19 UBND tỉnh Đồng Tháp
- 20 UBND tỉnh Lạng Sơn
- 21 Sở KHĐT tỉnh Vĩnh Phúc
- 22 UBND tỉnh Cà Mau
- 23 Sở KHĐT tỉnh Lai Châu
- 24 Sở KHĐT tỉnh Ninh Thuận
- 25 Sở KHĐT tỉnh Sơn La
- 26 Sở KHĐT tỉnh Trà Vinh
- 27 Sở KHĐT tỉnh Tuyên Quang
- 28 Sở KHĐT tỉnh Bến Tre
- 29 Sở KHĐT tỉnh Gia Lai
- 30 Sở KHĐT tỉnh Hải Dương
- 31 UBND tỉnh Khánh Hòa
- 32 Sở KHĐT tỉnh Lâm Đồng
- 33 Sở KHĐT tỉnh Sóc Trăng
- 34 UBND tỉnh Điện Biên
- 35 Sở KHĐT TP. Cần Thơ
- 36 UBND tỉnh Tây Ninh
- 37 Sở KHĐT tỉnh Long An
- 38 UBND tỉnh Kon Tum
- 39 Sở KHĐT tỉnh Hưng Yên
- 40 UBND tỉnh Quảng Bình
- 41 Sở KHĐT TP. Đà Nẵng

- 42 UBND tỉnh Hòa Bình
- 43 UBND tỉnh Đồng Nai
- 44 Sở KHĐT tỉnh Quảng Trị
- 45 UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
- 46 Sở KHĐT tỉnh Quảng Nam
- 47 UBND tỉnh Đồng Nai
- 48 UBND tỉnh Cao Bằng
- 49 Sở KHĐT tỉnh Quảng Ninh
- 50 UBND tỉnh Vĩnh Long
- 51 UBND TP. Hải Phòng
- 52 UBND tỉnh Thanh Hóa
- 53 UBND Thành phố Hà Nội
- 54 UBND Thành phố Hồ Chí Minh
- 55 Hà Nam

III. CÁC TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC

- 1. Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)
- 2. Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)
- 3. Tổng công ty phát triển hạ tầng và đầu tư tài chính Việt Nam (VIDIFI)

II. CÁC BAN QLDA

- 1. Ban QLCT đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (Bộ Y tế)
- 2. Ban quản lý trung ương các dự án thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và PTNT)
- 3. Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN VÀ Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ
NGHỊ ĐỊNH SỐ 56/2020/NĐ-CP NGÀY 25/5/2020 CỦA CHÍNH PHỦ**

STT	CƠ QUAN	Ý KIẾN GÓP Ý	Ý KIẾN CỦA BỘ KHĐT
	I. CÁC CƠ QUAN		
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Về định nghĩa khái niệm “chi đầu tư phát triển” và chi thường xuyên” tại dự thảo: Khoản 4 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước 2015 quy định: “Chi đầu tư phát triển là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên Luật NSNN và các văn bản pháp quy khác không định nghĩa thế nào là “một số nhiệm vụ chi đầu tư khác” và các lần sửa đổi, thay thế Nghị định về quản lý vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài cũng chưa quy định, làm rõ khái niệm “chi đầu tư phát triển” và “chi thường xuyên”, dẫn đến cách hiểu khác nhau khi vận dụng, triển khai đối với một số lĩnh vực có tính chất đặc thù như GDĐT. Trên thực tế, một số các chương trình, dự án sử dụng vốn nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của Bộ GDĐT được cấp có thẩm quyền ký kết Hiệp định vay cấp Chính phủ (thời điểm trước năm 2017) và phê duyệt dự án, bố trí kinh phí hàng	Đề nghị Bộ Tài chính cung cấp quy định phân biệt “chi đầu tư phát triển” và “chi thường xuyên” trong các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để bổ sung vào Nghị định.

năm từ cả 2 nguồn: chi đầu tư phát triển (bao gồm cả hoạt động xây lắp, mua sắm trang thiết bị, thuế phí liên quan,...) và chi hành chính sự nghiệp (bao gồm các hoạt động mua sắm trang thiết bị đối với nhóm dự án do JICA tài trợ; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, giảng viên; nghiên cứu, chuyên gia, tư vấn...). Khoản 1 Điều 61 Hiến pháp 2013 quy định: “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài” nên các hoạt động đầu tư cho dự án giáo dục phải bao gồm cả đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị (chi từ vốn đầu tư phát triển) và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, tăng cường năng lực nghiên cứu,... (chi từ vốn hành chính sự nghiệp).

Theo quy định tại Điều 17 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, “đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển”. Trong thời gian qua, Bộ GDĐT đã có nhiều văn bản trao đổi với Bộ KHĐT, Bộ Tài chính về việc cần linh hoạt phân biệt khái niệm “chi đầu tư phát triển”, “chi thường xuyên” hoặc “chi hành chính sự nghiệp” đối với lĩnh vực GDĐT theo đúng quy định tại Luật Giáo dục, tuy nhiên chưa được xem xét, giải quyết tại các lần ban hành Nghị định sửa đổi về quản lý vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, dẫn đến việc các cơ quan trong quá trình thẩm định phương án tái cấu trúc hoặc mở mới dự án thường vận dụng cứng nhắc quy định về “đầu tư phát

		triển” nên không thẩm định, bố trí các hoạt động chỉ hành chính sự nghiệp (tuy nhiên thuộc đầu tư	
		Về thẩm quyền phê duyệt dự án: Khoản 4,5 Điều 17 Luật Đầu tư công và dự thảo Nghị định mới quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án ODA vay nhóm A,B,C và dự án ODA không hoàn lại nhóm A,B là Thủ tướng Chính phủ. Người đứng đầu cơ quan chủ quản chỉ có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư với dự án ODA không hoàn lại nhóm C. Đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu, chỉnh sửa quy định tại Luật Đầu tư công và dự thảo Nghị định mới theo hướng tăng cường phân cấp cho người đứng đầu cơ quan chủ quản được phê duyệt dự án vay và viện trợ nhóm A, B để giảm thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án. Căn cứ quyết định phê duyệt dự án của cơ quan chủ quản, Bộ Tài chính, Bộ KHĐT thực hiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền đàm phán, ký kết Hiệp định vay với các nhà tài trợ.	Đề nghị giữ nguyên thẩm quyền như Nghị định vì Nghị định không thể trái với quy định của Luật Đầu tư công.
		Về vướng mắc trong quy trình, thủ tục điều chỉnh dự án và sử dụng vốn dự: Khoản 1 Điều 34 Luật Đầu tư công quy định: “Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình”. Theo quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị định 56, thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án sử dụng	Khoản 5 Điều 53 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài áp dụng quy định tại Nghị định này và quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của

vốn vay của nhóm A, B, C thuộc thẩm quyền của TTCP nên khi điều chỉnh thì phải thực hiện lại thủ tục trình TTCP (thông qua cơ quan đầu mối là Bộ KHĐT, Bộ Tài chính thẩm định) như một dự án mới. Tuy nhiên, trên thực tế quy định này đang rất vướng mắc do thời gian thẩm định thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh Hiệp định vay kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, triển khai dự án.

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đầu tư công, chỉ yêu cầu thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư duy nhất với trường hợp “tăng tổng mức đầu tư” trước khi điều chỉnh dự án (Điều 22 Khoản 1). Do đó, với các chương trình, dự án ODA, đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu, đơn giản hóa thủ tục quy định điều chỉnh dự án nhóm B, C theo 2 loại:

Loại 1: Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhưng không làm thay đổi tổng mức đầu tư, nội dung đầu tư dự án: Phân cấp cho người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt, quyết định điều chỉnh dự án. Trong trường hợp này, cơ quan chủ quản có Công văn báo cáo TTCP xin chủ trương điều chỉnh dự án và TTCP có văn bản chấp thuận, đồng ý (nếu khả thi), giảm thiểu được thủ tục thẩm định chủ trương đầu tư điều chỉnh của các bộ ngành liên quan. Đề xuất Hiệp định vay của dự án không phải điều chỉnh đối với trường hợp này.

nhà tài trợ nước ngoài. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một nội dung áp dụng quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài”. Việc quy định về quy trình, thủ tục, điều chỉnh dự án của Nghị định phù hợp với Luật đầu tư công và không trái với quy định của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

		Loại 2: Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án làm thay đổi tổng mức đầu tư, nội dung đầu tư dự án: Thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công.	
		Về điều kiện ký kết Hiệp định vay dự án: Nội dung dự thảo Nghị định chưa giải quyết được vướng mắc của điều kiện ký kết Hiệp định vay dự án, theo đó vẫn quy định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án được phê duyệt và quyết định đầu tư chương trình, dự án là cơ sở để đề xuất ký kết Hiệp định vay (tại Điểm a Khoản 2 Điều 28). Trong khi đó, điều kiện để phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án là phải được cơ quan quản lý xây dựng thẩm định, phê duyệt thiết kế cơ sở, trên thực tế thủ tục này mất rất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án của cơ quan chủ quản và tiến độ đàm phán hiệp định tài trợ của Bộ Tài chính, Bộ KHĐT. Đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung tại dự thảo Nghị định theo hướng cơ quan chủ quản phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án mà không cần phải có thiết kế cơ sở do cơ quan quản lý xây dựng thẩm định, phê duyệt. Việc phê duyệt thiết kế cơ sở chương trình, dự án được thực hiện sau khi dự án được ký kết Hiệp định vay và lập dự án đầu tư theo quy trình trong nước.	Không nhất trí vì đối với dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng phải tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng.

	Về sự cần thiết phải quy định rõ thời hạn bổ sung dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn sau khi Hiệp định vay được ký kết; Đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về việc bổ sung chương trình, dự án vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn như sau: Sau khi dự án được TTCP phê duyệt chủ trương đầu tư, Bộ KHĐT thực hiện thủ tục bổ sung sơ bộ dự án vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn và sẽ chuẩn xác danh mục, tổng mức đầu tư dự án sau khi Hiệp định vay dự án được ký kết; Quy định cụ thể mốc thời hạn dự án được bổ sung và kế hoạch đầu tư công trung hạn, phương thức giao vốn đầu tư theo hướng bảo đảm giao kịp thời và đủ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn theo Hiệp định vay đã ký kết, đặc biệt đối với vốn dự phòng chung, vốn đối ứng cho các dự án ODA mới có đủ điều kiện giải ngân. Về lâu dài, đề nghị báo cáo TTCP xem xét, báo cáo Quốc hội để giao vốn theo vòng đời dự án, theo kế hoạch trung hạn (không giao vốn hằng năm).	Nội dung này đã được quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ.
	Về việc lập, phê duyệt kế hoạch của chương trình, dự án: Đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu chỉnh sửa dự thảo Nghị định mới theo hướng chỉ cần cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch tổng thể của chương trình, dự án; tăng cường phân cấp gắn với trách	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì việc phê duyệt kế hoạch tổng thể và kế hoạch hằng năm của chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của cơ quan chủ quản sẽ giúp cơ quan chủ

		nhiệm thực hiện của chủ dự án/chủ đầu tư; đơn giản hóa thủ tục phê duyệt kế hoạch của chương trình, dự án sử dụng vốn nước ngoài để đảm bảo phù hợp với quy định của chương trình, dự án, đề án sử dụng vốn trong nước.	quản có cơ sở xây dựng kế hoạch trung hạn, hằng năm và giám sát tình hình thực hiện chương trình, dự án.
		Về quy trình thẩm định và phê duyệt dự án, phi dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản: Nghị định 56 quy định cơ quan chủ quản phê duyệt Văn kiện dự án trước, sau đó gửi Bộ KHĐT để có thông báo chính thức cho nhà tài trợ. Tuy nhiên, quy định này có vướng mắc khi triển khai thực tế như sau: Khoản 4, Điều 26 Dự thảo quy định một trong những nội dung tại Quyết định phê duyệt văn kiện dự án của cơ quan chủ quản là phải bao gồm tổng mức và cơ cấu nguồn vốn (ODA, đối ứng). Trong khi đó, một số nhóm nhà tài trợ (đặc biệt là KOICA, JICA) không cung cấp cụ thể thông tin vốn viện trợ dự kiến tài trợ cho chương trình, dự án trong giai đoạn đề xuất (do phải thực hiện khảo sát thì mới xác định được vốn viện trợ dự kiến sau khi Bộ KHĐT có công hàm chính thức), dẫn đến vướng mắc 70% là quan chủ quản khi thẩm định, phê duyệt Văn kiện dự án hoặc làm phát sinh thêm thủ tục điều chỉnh dự án không cần thiết sau khi nhà tài trợ xác định và thông báo chính thức với phía VN hạn mức tài trợ. Đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu, chỉnh sửa	Vì đây chỉ là những trường hợp cá biệt và trên thực tế đã xử lý được như đối với nhà tài trợ KOICA nên đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		quy định tại Nghị định mới theo hướng cơ quan chủ quản chỉ cần gửi văn bản đề xuất dự án với Bộ KHĐT để có công hàm chính thức trao đổi với nhà tài trợ (chưa cần phê duyệt Văn kiện dự án). Văn kiện dự án sẽ được cơ quan chủ quản phê duyệt sau khi có thông báo chính thức tài trợ từ phía nhà tài trợ để đơn giản hóa thủ tục phía VN và hài hòa thủ tục với các nhà tài trợ.	
		Về thủ tục rút vốn, tạm ứng đối với vốn vay: Hiện nay, do Bộ Tài chính chưa ban hành thông tư hướng dẫn ND 56 nên việc quản lý tài chính, rút vốn, hạch toán vốn ODA, vốn vay ưu đãi vẫn thực hiện theo Thông tư 111/2016/TT-BTC. Đề nghị Bộ KHĐT phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, chỉnh sửa quy định tại Nghị định mới theo hướng quy định rõ thẩm quyền, vai trò chủ trì/phối hợp của cơ quan chủ quản, chủ dự án, Ban quản lý dự án trong việc phối hợp với Bộ Tài chính rút vốn; không hạn chế và cho phép các chủ dự án, Ban quản lý dự án được rút 100% dự toán đã được cơ quan chủ quản giao trong năm.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề nghị này.
		Về quản lý tài chính vốn ODA không hoàn lại: Theo quy định tại dự thảo Nghị định, vốn ODA không hoàn lại thuộc nguồn thu NSNN được dự toán, kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu, ghi chi, quyết toán; trường hợp phát sinh mới chưa tổng hợp trong dự toán được cấp có thẩm quyền phân bổ và giao kế hoạch, chủ dự án lập dự toán bổ sung theo quy định của pháp luật về quản lý nhà	Bộ Tài chính đã quy định trong Dự thảo Nghị định.

		nước và pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, quy định này trong thực tiễn triển khai gặp rất nhiều vướng mắc. Đề nghị Bộ KHĐT phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, quy định về quản lý tài chính vốn ODA không hoàn lại theo hướng bỏ quy định giao dự toán đối với viện trợ thuộc nguồn thu NSNN. Đơn vị tiếp nhận viện trợ thông qua tài khoản ở tại ngân hàng thương mại và Bộ Tài chính ghi thu, ghi chi NSNN và quyết toán ngân sách hàng năm.	
		Về việc ưu tiên áp dụng phương thức cung cấp ODA, vốn vay ưu đãi theo cơ chế hòa vào ngân sách nhà nước: Việc áp dụng phương thức cung cấp ODA, vốn vay ưu đãi theo cơ chế hòa vào ngân sách nhà nước sẽ tăng hiệu quả đầu tư, quản lý chương trình, dự án, giảm thiểu sự can thiệp của nhà tài trợ, đồng thời chủ dự án được chủ động hơn trong quá trình triển khai, thực hiện. Do đó, đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu, chỉnh sửa dự thảo Nghị định theo hướng ưu tiên cơ chế hòa vào NSNN đối với phương thức cung cấp ODA, vốn vay ưu đãi với cá lĩnh vực có tính chất đặc thù như GDĐT	Không nhất trí vì cách hiểu khác về cơ chế hòa trộn.
		Khoản 21 Điều 3: Đề nghị bổ sung nội dung giải thích từ ngữ đối với cụm từ “hỗ trợ tăng cường năng lực kỹ thuật và tài chính bằng các hình thức khác nhau” đối với vốn theo cơ chế hòa trộn để có cơ sở áp dụng khi triển khai thực tế.	Không nhất trí vì cách hiểu khác về cơ chế hòa trộn.

		Khoản 22 Điều 3: Trên thực tế, vốn dư của chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài là khoảng đôi dư từ các hạng mục, hoạt động sau khi triển khai thực tế so với tổng mức đầu tư đã phê duyệt của chương trình, dự án. Vốn dư gồm: dư sau đấu thầu, chênh lệch tỷ giá, dự phòng không sử dụng hết, các hoạt động không thực hiện hoặc thực hiện tiết kiệm, cắt giảm theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền,...Ngoài ra vốn dự không chỉ hình thành từ khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài phát sinh trong quá trình thực hiện, mà còn cả các khoản từ vốn đối ứng. Để đảm bảo tính hợp lý, bao trùm đúng khái niệm của vốn dư, đề nghị Ban soạn thảo chỉnh sửa khái niệm như sau: “Vốn dư là khoản vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài và vốn đối ứng đôi dư trong quá trình thực hiện chương trình, dự án”.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì phạm vi sử dụng vốn dư chỉ giới hạn ở vốn ODA, vốn vay ưu đãi để tận dụng tối đa số vốn nước ngoài đã ký kết trong điều ước quốc tế, thỏa thuận vay.
		Khoản 23 Điều 3: Quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai hiện đã được chính phủ ban hành tại ND 50/2020/ND-CP ngày 20/4/2020, theo đó đã quy định rõ bên viện trợ bao gồm Chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức được Chính phủ nước ngoài ủy quyền, tổ chức phi Chính phủ, tổ chức và cá nhân nước ngoài khác cung cấp trực tiếp viện trợ khẩn cấp không hoàn lại nhằm cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai (nghĩa là đã bao gồm cả ODA viện	Đề nghị giữ nguyên như Nghị định vì phạm vi của Nghị định chỉ giới hạn ở vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cung cấp theo hình thức viện trợ khẩn cấp.

		trợ). Do đó, trường hợp dự thảo quy định trường hợp khác so với quy định hiện hành về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ ODA quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại NDD50, đề nghị Ban soạn thảo nêu rõ phạm vi, trường hợp cụ thể tại dự thảo Nghị định để cơ sở phân biệt, vận dụng đúng khi triển khai thực tế.	
		Khoản 24, Điều 3: Đề nghị chỉnh sửa như sau: “Thời gian thực hiện chương trình, dự án được xác định trong quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư điều chỉnh dự án, quyết định phê duyệt văn kiện điều chỉnh dự án, phi dự án”.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định để đảm bảo chương trình, dự án thực hiện trong khung khổ thời gian được phép theo quy định của pháp luật, đặc biệt Luật Đầu tư công.
		Khoản 25 Điều 3: Việc quy định “thời gian bắt đầu dự án là thời điểm dự án được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch, bố trí vốn lần đầu tiên để thực hiện dự án” không hợp lý do trong một số trường hợp, Hiện định vay dự án đã có hiệu lực, tuy nhiên chưa được cấp có thẩm quyền bổ sung dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và chưa được giao vốn đầu tư, tuy nhiên những hoạt động chuẩn bị dự án sử dụng vốn đối ứng chỉ hành chính sự nghiệp của chủ đầu tư vẫn phải tiến hành, thực hiện theo cam kết với nhà tài trợ tại Hiệp định. Việc quy định thời gian bắt đầu dự án tại dự thảo Nghị định là không cần thiết và chưa đảm bảo phù hợp với Hiệp định vay ký kết với nhà tài trợ	Đề nghị giữ nguyên như Nghị định vì phù hợp với Luật Đầu tư công.

		Tại Điều 5: Khoản 2 Điều 61 Hiến pháp 2013 quy định “Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục”, do đó đề nghị Ban soạn thảo bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo là một trong các lĩnh vực được ưu tiên sử dụng vốn ODA không hoàn lại tại Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định	Tại Điều 5: Khoản 2 Điều 61 Hiến pháp 2013 quy định “Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục”, do đó đề nghị Ban soạn thảo bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo là một trong các lĩnh vực được ưu tiên sử dụng vốn ODA không hoàn lại tại Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định
		Tại Điều 6: Điểm a Khoản 2: Đề nghị sửa như sau: “Vốn vay ODA, vay ưu đãi được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Không sử dụng vốn vay nước ngoài 120% để hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực trường hợp phục vụ chuyển giao công nghệ, kỹ năng vận hành trang thiết bị, máy móc, <u>giáo dục và đào tạo,...</u>; chi phí hoạt động và <u>nhân sự làm việc</u> tại các Ban quản lý dự án”. Điểm e Khoản 2: Đề nghị bổ sung, quy định rõ thế nào là các “khoản mục chi đầu tư phát triển”.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì đã đã bao quát đầy đủ các nội dung.
		Tại Điều 12: Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại nhóm A,B là TTCP. Riêng đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại, thẩm quyền phê duyệt văn kiện dự án (không cần qua bước phê duyệt chủ trương đầu tư) là người đứng đầu cơ quan chủ quản. Tuy	Vấn đề này đã được quy định tại Điều 3 về giải thích thuật ngữ “Dự án hỗ trợ kỹ thuật” và đã bổ sung nội dung phân loại dự án tại Khoản 10 Điều 3 của Nghị định.

		nhiên, đối với các dự án giáo dục, việc xác định, phân loại khái niệm “dự án đầu tư” và “dự án hỗ trợ kỹ thuật” gặp vướng mắc do phần lớn các dự án được tài trợ cho hoạt động chuyên môn của ngành hoặc dự án hỗn hợp (có đầu tư, mua sắm trang thiết bị bên cạnh hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ). Đề nghị nghiên cứu, làm rõ khái niệm “dự án đầu tư”, “dự án hỗ trợ kỹ thuật”, “dự án hỗn hợp”.	
		Điều 17: Khoản 2 Điều 17 quy định một trong các hoạt động được thực hiện trước trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn chuẩn bị đầu tư bao gồm “lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu”. Tuy nhiên nội dung này cần phải đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 34 Luật đấu thầu số 43/2012/QH13.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.
		Tại Điều 19: Đề nghị quy định rõ trường hợp “điều chỉnh thời gian thực hiện dự án không làm thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư” tại Điểm a Khoản 3 có bao gồm việc được phép sử dụng vốn dự trong thời gian gia hạn dự án (vẫn đảm bảo tổng mức đầu tư không đổi so với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư ban đầu) hay không. Bên cạnh đó, đề nghị quy định rõ “cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định” là đối tượng nào; các cơ quan liên quan có tham gia vào quá trình xem xét, thẩm	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì việc sử dụng vốn dự đã có quy định riêng trong Dự thảo Nghị định.

		định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án hay không. Trong trường hợp giữ nguyên nội dung như dự thảo tại điểm a, Khoản 3, Điều 19, quy trình điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đối với việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án về bản chất không khác biệt với quy định tại ND 56, chưa đơn giản hóa được thủ tục, chứ atawng cường phân cấp cho người đứng đầu cơ quan chủ quản.	
		Tại Điều 39: Đề nghị phân biệt rõ quy định “kết thúc chương trình, dự án” là thời điểm kết thúc Hiệp định vay của chương trình, dự án hay thời điểm dự án hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ quyết toán tài chính, thuế, khoản vay... theo quy định tại Nghị định 163/2016/NĐ-CP và quy định của nhà tài trợ. Tại khoản b: Đề nghị làm rõ kinh phí cho các hoạt động bố trí cho các Ban Quản lý dự án để thanh quyết toán và hoàn thành thủ tục đóng cửa dự án trong trường hợp được cơ quan chủ quản “ban hành quyết định cho phép gia hạn hoạt động” có được tính vào tổng mức đầu tư của dự án hay không? Trường hợp bố trí vốn đối ứng trong thời gian gia hạn để thực hiện hoạt động như quy định tại Khoản b Điều 39, tuy nhiên làm vượt tổng mức đầu tư dự án (liên quan đến thẩm quyền điều chỉnh dự án) thì sẽ được giải quyết như thế nào?	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định và không sử dụng vốn đối ứng cho giai đoạn này của chương trình, dự án (vì chương trình, dự án đã kết thúc).

		Tại Điều 42, 43 đề nghị bỏ quy định về việc lập và phê duyệt kế hoạch năm, kế hoạch quý của chương trình, dự án.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Tại Điều 44: Quy định tại Điểm b Khoản 4 về việc “chủ dự án tự bố trí vốn đối ứng hoặc trình cơ quan chủ quản quyết định để đảm bảo đủ vốn đối ứng cho chương trình, dự án theo quy định trước khi ký hợp đồng vay lại” chưa đảm bảo phù hợp do việc quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ODA vay và vay ưu đãi (trong đó có nội dung tổng mức đầu tư dự án, cơ chế tài chính áp dụng cấp phát, vay lại,...) thuộc thẩm quyền của TTCP.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Tại Điều 65: Trường hợp chỉnh sửa Điều 42, 43 tại dự thảo Nghị định theo hướng chỉ có 01 loại kế hoạch tổng thể thì cũng không cần quy định việc lập và phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm. Kế hoạch tổng thể của cả vòng đời chương trình, dự án sẽ bao gồm đầy đủ kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính, kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tổng thể) của chương trình, dự án.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Tại Điều 60: Đề nghị thay thế nội dung tại Điểm b Khoản 1 như sau: “Chủ dự án mở tài khoản nguồn vốn của dự án tại Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ để tiếp nhận nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi chỉ cho các hoạt động của chương trình, dự án. Trường hợp chủ dự án là doanh nghiệp nhà nước mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ để tiếp nhận nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu	Bộ Tài chính đã quy định trong Dự thảo Nghị định.

		đãi chi cho các hoạt động của chương trình, dự án”.	
		Tại Điều 72: Đề nghị quy định, giải thích khái niệm “đơn báo cáo chi tiêu” tại Khoản 1 Điều 72 để có cơ sở vận dụng, thực hiện khi triển khai thực tế, đồng thời nghiên cứu theo hướng đơn giản hóa, không phát sinh thêm thủ tục so với NĐ 56.	Bộ Tài chính đã quy định trong Dự thảo Nghị định.
		Tại Chương VIII: Đề nghị đơn giản hóa thủ tục giao dự toán, tạm ứng, hoàn ứng, ghi 160il à 16 chỉ vốn viện trợ thuộc nguồn thu NSNN.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề nghị này.
2	Bộ Ngoại giao	Điều 30, Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi (trang 28,29), tại Khoản 1 và Khoản 2, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa theo hướng quy định riêng trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn đối với điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ và điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước (điều ước quốc tế về ODA, vốn vay ưu đãi bao gồm điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước và điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ theo quy định tại Khoản 6 Điều 29 Luật Quản lý nợ công năm 2019) do: Theo quy định tại Điều 70 Luật Điều ước quốc tế năm 2016, (i) trình tự, thủ tục của điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ về vay nợ nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công; (ii) trình tự, thủ tục của điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước thực hiện theo quy định Luật Điều ước quốc tế năm 2016	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

3	Bộ Nội vụ	Tại khoản 5 Điều 3: Đề nghị bỏ điểm b do trùng nội dung tại điểm a.	
		Tại khoản 1 Điều 5: Đề nghị bổ sung nội dung "... giảm nhẹ rủi ro thiên tai..." thành "... giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thảm họa, dịch bệnh...".	Đã tiếp thu và bổ sung trong Nghị định.
		Tại khoản 1 Điều 39: Đề nghị điều chỉnh thời hạn "Giám đốc Ban quản lý dự án trình cơ quan chủ quản hoặc chủ dự án" nhằm đảm bảo quy định về thời gian phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động Ban quản lý dự án quy định tại khoản 5 Điều 35.	Không nhất trí vì chủ dự án được cơ quan chủ quản ủy quyền khác chủ dự án thông thường.
		Tại Điều 89 Dự thảo Nghị định quy định về kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu, ghi chi vốn ODA không hoàn lại bằng tiền: Đề nghị quy định cụ thể quy trình, thủ tục và thời gian thực hiện nội dung này để đảm bảo phù hợp và hài hòa kế hoạch giải ngân của Dự án và quy định của Nhà tài trợ.	Bộ Tài chính đã quy định trong Dự thảo Nghị định.
4	Bộ Lao động, Thương binh - Xã hội	Đề nghị quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các dự án vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đang triển khai thực hiện (đã phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi) mà nội dung dự án đã được phê duyệt không phù hợp với nội dung về nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước về vốn ODA, vốn vay ưu đãi được điều chỉnh tại Khoản 2, Điều 6, Dự thảo Nghị định thì không phải điều chỉnh theo Nghị định này.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp trong Nghị định.
5	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét bổ sung nội dung "nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ"	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì các lĩnh vực ưu tiên này (nếu có) sẽ nằm trong Định

		như sau “Vốn ODA không hoàn lại được ưu tiên sử dụng để thực hiện chương trình, dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; tăng cường năng lực...”.	hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo từng thời kỳ của Chính phủ.
		Tại Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét bổ sung nội dung “tiếp thu, chuyển giao và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới” như sau “Vốn vay ODA được ưu tiên sử dụng cho các chương trình, dự án trong lĩnh vực y tế; giáo dục; tiếp thu, chuyển giao và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới ...”.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì các lĩnh vực ưu tiên này (nếu có) sẽ nằm trong Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo từng thời kỳ của Chính phủ.
		Tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét bổ sung nội dung như sau “Không sử dụng vốn vay nước ngoài cho các hoạt động...; tham quan khảo sát trừ trường hợp tham quan khảo sát chuyên môn sâu về công nghệ, học tập bí quyết để làm chủ công nghệ”.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì đề xuất bổ sung này đã nằm trong hoạt động chuyển giao công nghệ.
		Tại Khoản 6 Điều 14 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân nhắc giao Bộ chủ quản thông báo cho nhà tài trợ về quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án và đề nghị xem xét, tài trợ.	Không nhất trí vì Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài. Việc Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ này nhằm đảm bảo vai trò điều phối chung.
		Tại Điều 21 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm rõ khái niệm “hài hòa quy	Không nhất trí vì vẫn phải lấy mẫu theo quy định của Việt Nam

		trình thủ tục giữa Việt Nam và nhà tài trợ”, nên quy định trong trường hợp có sự khác biệt thì sử dụng theo mẫu quy định của nhà tài trợ.	làm gốc, bổ sung thêm các nội dung hoặc điều chỉnh theo mẫu nhà tài trợ yêu cầu.
		Tại Điều 88 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung quy định về lập kế hoạch tài chính vốn ODA không hoàn lại do nhà tài trợ trực tiếp quản lý để thống nhất với các văn bản hướng dẫn hiện hành.	B Bộ Tài chính đã quy định trong Dự thảo Nghị định.
		Tại Điều 90 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét bổ sung điều khoản quy định về hàng hóa dịch vụ là hàng viện trợ được coi là đối tượng không chịu thuế.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
6	Bộ Quốc phòng	Tại Khoản 5 Điều 3 “Giải thích từ ngữ”: đề nghị gộp điểm a, b vì trùng nội dung.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp trong Nghị định.
		Tại Khoản 1 Điều 15 “Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi”: Đề nghị nghiên cứu bỏ <i>Tờ trình thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi</i> gửi cơ quan chủ trì thẩm định để thống nhất quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.	Khoản 5 Điều 53 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài áp dụng quy định tại Nghị định này và quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một nội dung áp dụng quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và

			vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài”.
		Tại Khoản 7 Điều 18 “Nội dung chính của Quyết định chủ trương đầu tư”: Với tổng mức đầu tư dự án đề nghị nghiên cứu không quy đổi ra đồng Việt Nam mà ghi theo cơ cấu từng nguồn vốn (vốn ODA, vay ưu đãi theo nguyên tệ; vốn đối ứng theo đồng Việt Nam) để tránh phải điều chỉnh tổng mức đầu tư do thay đổi tỷ giá. Hiện nay, các dự án sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài thực hiện trong thời gian dài (trên 3-5 năm) do biến động tỷ giá nên thường dẫn tới thay đổi tổng mức đầu tư, gây khó khăn trong quá trình lập kế hoạch, ghi thu ghi chi vốn nước ngoài.	Theo quy định của Luật Đầu tư công, tổng mức đầu tư phải quy đổi sang tiền Đồng Việt Nam để hạch toán vào NSNN. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 19 của Dự thảo Nghị định: “Trường hợp chương trình, dự án có điều chỉnh tổng mức đầu tư do thay đổi tỷ giá; giảm vốn ODA, vốn vay ưu đãi và không dẫn đến thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư được quy định tại Điều 18 của Nghị định này, cơ quan chủ quản không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này.”
		Tại Điều 19 “Điều chỉnh chủ trương đầu tư”: Tại Điểm a Khoản 3: Đề nghị trích dẫn theo đúng quy định tại Điều 34 Luật Đầu tư công về “điều chỉnh chủ trương đầu tư”; Tại điều 34 Luật Đầu tư công giao “Chính phủ quy định về hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án”; do đó, đề nghị dự thảo Nghị định bổ sung nội dung này. Để giảm bớt thủ tục hành chính, đề	Điểm a Khoản 3 Điều 19 của Dự thảo Nghị định đã quy định “Trường hợp điều chỉnh thời gian thực hiện dự án không làm thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Cơ quan chủ quản báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại

		ngập nghiên cứu với “trường hợp dự án chỉ điều chỉnh thời gian thực hiện, các nội dung khác không thay đổi so với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư” thì hồ sơ và quy trình không nhất thiết phải thực hiện như với dự án khởi công mới.	khoản 2 Điều 34 của Luật Đầu tư công, phê duyệt điều chỉnh quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Đầu tư công sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.”
		Tại Chương VIII “Quản lý tài chính vốn ODA không hoàn lại”: đề nghị bổ sung nguyên tắc xác định vốn ODA không hoàn lại chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển. Hiện nay, việc phân biệt giữa chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển của các dự án/phi dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại còn chưa rõ ràng. Một số khoản viện trợ để tăng cường năng lực huấn luyện, đào tạo; các gói hỗ trợ kỹ thuật;...chưa được quy định thuộc nội dung chi thường xuyên hay chi đầu tư phát triển.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Tại Điều 86 “Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn ODA không hoàn lại” có nêu: (i) Vốn ODA không hoàn lại thuộc nguồn thu NSNN phải được dự toán, kiểm soát chi, hoạch toán ghi thu, ghi chi và quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; (ii) Vốn ODA không hoàn lại do nhà tài trợ trực tiếp quản lý, thực hiện thì quản lý theo điều ước quốc tế, thỏa thuận ký kết với nhà tài trợ, văn kiện dự án, các quy định về	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		kế toán và thuế...nhưng không thực hiện kiểm soát chi và hạch toán ghi thu, ghi chi vào NSNN. Tuy nhiên, một số dự án/phi dự án hiện nay bao gồm cả vốn ODA thuộc thu NSNN và một phần vốn ODA do nhà tài trợ quản lý. Như vậy, nếu thực hiện ghi thu, ghi chi theo nguyên tắc trên thì tổng giá trị hạch toán ghi thu, ghi chi khi kết thúc dự án sẽ không khớp đúng với tổng mức viện trợ tại Quyết định phê duyệt dự án.	
		Tại Điều 88 “Lập kế hoạch tài chính vốn ODA không hoàn lại”: đề nghị làm rõ việc Chủ dự án lập kế hoạch tài chính với vốn ODA không hoàn lại thuộc nguồn thu NSNN có bao gồm vốn ODA không hoàn lại do nhà tài trợ quản lý hay không? Nếu bao gồm vốn ODA không hoàn lại do nhà tài trợ quản lý thì khi thực hiện quyết toán năm, tổng giá trị ghi thu, ghi chi sẽ thấp hơn dự toán được giao đầu năm do vốn ODA thuộc quản lý của nhà tài trợ không được hạch toán ghi thu, ghi chi dẫn đến cuối năm phải hủy dự toán; nếu không bao gồm vốn ODA không hoàn lại do nhà tài trợ quản lý thì khó khăn cho Chủ dự án trong việc lập kế hoạch tài chính, do nhà tài trợ thường chỉ thông báo tổng giá trị giải ngân trong năm kế hoạch cho Chủ dự án, không phân biệt được khoản viện trợ thuộc nguồn thu NSNN với khoản viện trợ không thuộc nguồn thu NSNN.	Bộ Tài chính đã quy định trong Dự thảo Nghị định.
		Tại Điều 90 “Tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại bằng hàng hóa, dịch vụ”:	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		Dự thảo mới quy định về tiếp nhận vốn ODA bằng hàng hóa, do đó đề nghị bổ sung quy định về tiếp nhận vốn ODA bằng dịch vụ (đào tạo, huấn luyện, chuyên gia...) Tại Khoản 4: đề nghị bổ sung hướng dẫn việc hạch toán ghi thu, ghi chi vào NSNN trong trường hợp không xác định được giá trị của hàng hóa, hiện vật.	
		Tại Điểm 10 Mục I Phần thứ hai Phụ lục IVc: đề nghị nghiên cứu chưa quy định rõ việc phân kỳ đầu tư do: (i) Ở bước phê duyệt chủ trương đầu tư, việc xác định với đối tác nước ngoài về phân kỳ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi rất khó khăn, do niên độ tài chính của các nước không trùng với Việt Nam; (ii) Thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư chưa đủ cơ sở để xác định phân kỳ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi do chưa ký kết Thỏa thuận vay.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.
7	Bộ Thông tin và Truyền thông	Điều 17 của Dự thảo: Theo quy định tại Điều 34 Luật Đấu thầu thì kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập sau khi có quyết định phê duyệt dự án hoặc đồng thời với quá trình lập dự án hoặc trước khi có quyết định phê duyệt dự án đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, nghĩa là sẽ có ba trường hợp xảy ra khi lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong khi đó, việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được quy định tại Điều này thuộc giai đoạn chuẩn bị đầu tư nên chỉ	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.

		được thực hiện đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án. Do đó, đề nghị xem xét, sửa đổi khoản 2 Điều này thành: “ <u>Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án</u> ”.	
		Điều 19 của Dự thảo: Sửa lỗi chính tả tại điểm b khoản 3 do dẫn chiếu nhầm đến <u>điểm a khoản 2 Điều này</u> thành <u>điểm a khoản 3 Điều này</u> .	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Nghị định.
		Điều 34 của Dự thảo: Đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại bằng hiện vật thì các chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với Nhà tài trợ để triển khai dự án, tiếp nhận, quản lý và khai thác các trang thiết bị được tài trợ theo đúng quy định nên không nhất thiết phải thành lập Ban quản lý dự án, tránh làm tăng thủ tục hành chính. Do đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều này như sau: Cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện hoặc giao cho một đơn vị thuộc thẩm quyền làm chủ dự án trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện chương trình, dự án, phi dự án. <u>Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại bằng tiền từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống hoặc vốn ODA không hoàn lại bằng hiện vật, cơ quan chủ quản, chủ dự án không bắt buộc phải lập Ban quản lý dự án mà có thể sử dụng bộ máy</u>	Không nhất trí vì có trường hợp dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại bằng hiện vật có giá trị lớn, được cung cấp theo hình thức đầu tư không có cấu phần xây dựng.

		<i>chuyên môn của mình để quản lý, điều hành thực hiện dự án, phi dự án.</i>	
		Điều 88 của Dự thảo: <i>Đề nghị bổ sung thêm quy định về việc lập kế hoạch tài chính, giao vốn ODA không hoàn lại đối với các dự án được tài trợ bằng hiện vật. Đồng thời, do việc tiếp nhận tài trợ bằng hiện vật (bao gồm cả tài sản, hàng hóa và các dịch vụ tư vấn, phi tư vấn) phải phụ thuộc hoàn toàn vào tiến độ cung cấp của nhà tài trợ nên khi bổ sung quy định này cần nêu rõ: Đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn bằng hiện vật chỉ phải lập kế hoạch, quyết định giao dự toán hoặc dự toán điều chỉnh bổ sung trong năm của cấp có thẩm quyền trong trường hợp xác định được giá trị của tài sản, hàng hóa viện trợ (trừ các dịch vụ tư vấn, phi tư vấn) để phù hợp với quy định tại điểm d khoản 4 Điều 90 của Dự thảo.</i>	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Điều 98 của Dự thảo: Đề nghị lựa chọn Phương án 2 để đảm bảo tính kế thừa và liên tục, đồng thời bỏ tham chiếu đến Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 và Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài do đã hết hạn, cụ thể như sau: <i>Đối với những dự án cho doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp</i>	Không nhất trí vì Nghị định số 56/2020/NĐ-CP không quy định trường hợp cho doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

		<i>có thẩm quyền phê duyệt danh mục tài trợ hoặc chủ trương đầu tư dự án trước khi Nghị định này có hiệu lực: Tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.</i>	
8	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Điều 3. Giải thích từ ngữ Bổ sung định nghĩa “Giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi”	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.
		Điều 3: Giải thích từ ngữ Khoản 23: Đề nghị bỏ các khoản vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi khỏi danh mục “Viện trợ khẩn cấp” (Không thể coi các khoản vay này là khoản viện trợ khẩn cấp). Khoản 24. Thời gian thực hiện chương trình, dự án là khoảng thời gian từ khi Hiệp định vay, Hiệp định viện trợ không hoàn lại có hiệu lực đến ngày đóng khoản vay. Khoản 25. Thời gian bắt đầu dự án là thời điểm Hiệp định vay, Hiệp định viện trợ không hoàn lại có hiệu lực.	Khoản 23: Không nhất trí vì thực tế có những khoản viện trợ khẩn cấp sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài. Khoản 24: Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định. Khoản 25: Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		2. Về phân biệt chỉ đầu tư phát triển và chi thường xuyên (điểm a khoản 2 Điều 6): đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Tài chính liệt kê cụ thể, đầy đủ tên các khoản chi thường xuyên và khẳng định các khoản chi còn lại không được	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		liệt kê là chi đầu tư phát triển để thống nhất trong áp dụng, tuân thủ.	
		Điều 17: Các hoạt động thực hiện trước trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn chuẩn bị đầu tư, bao gồm: 1. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt khung chính sách về môi trường và xã hội theo yêu cầu của Nhà tài trợ trong quá trình thẩm định văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì việc xây dựng khung chính sách về môi trường và xã hội chỉ thực hiện khi nhà tài trợ cam kết tài trợ chương trình, dự án.
		Tại Điều 18: Cần làm rõ hơn thuật ngữ “Quy mô”, có thể diễn giải thuật ngữ này trong Điều 3. Vì trên thực tế, khi thực hiện điều chỉnh dự án có thể hiểu thuật ngữ này khác nhau như: Quy mô về vốn, quy mô về phạm vi thực hiện, quy mô về kết quả chính/đầu ra của dự án, vv...	Trong Luật Đầu tư công, quy mô được hiểu là quy mô đầu tư.
		Điều 19: Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi 3. Đối với các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: b)điểm a khoản 3 Điều này: 5. ... tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Nghị định.
		Đề nghị không phải điều chỉnh chủ trương đầu tư trong các trường hợp: (i) Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án trong phạm vi thời gian bố trí vốn thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật đầu tư công 2019; (ii) Điều chỉnh	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		cơ cấu nguồn vốn của dự án nhưng không làm tăng tổng mức đầu tư và tăng nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và (iii) Sử dụng vốn dự để đầu tư hoàn thiện, phát huy hiệu quả và không dẫn đến thay đổi mục tiêu chính tại Quyết định chủ trương đầu tư.	
		Điều 36: Khoản 3: Đề nghị bỏ nhiệm vụ “phê duyệt kế hoạch hàng năm thực hiện chương trình, dự án” của Cơ quan chủ quản trong khoản 3.	Không nhất trí vì thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch hàng năm của chương trình, dự án thuộc về cơ quan chủ quản sẽ đảm bảo việc thực hiện chương trình, dự án đúng với tiến độ cam kết và việc bố trí vốn trong kế hoạch sát với thực tế.
		Tại khoản 1, Điều 39: Đề xuất điều chỉnh tăng từ 15 ngày lên 30 ngày để Ban quản lý dự án có thêm thời gian hoàn thiện quy chế tổ chức thực hiện dự án. 3. Đối với chương trình, dự án khác, b) ..., trong đó Giám đốc, <i>Phó giám đốc</i> và Kế toán trưởng hoặc Phụ trách kế toán Ban quản lý dự án phải là cán bộ thuộc biên chế của chủ dự án hoặc cơ quan chủ quản,	Không nhất trí với Đề xuất này vì thời hạn như vậy đủ đáp ứng yêu cầu. 3. Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Điều 44. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình dự án 2. Vốn đối ứng được sử dụng cho các khoản chi phí sau:	Không nhất trí bổ sung trong Dự thảo Nghị định vì quy định phương tiện làm việc đã bao gồm thiết bị làm việc.

		a) Chi phí hoạt động cho Ban quản lý dự án (lương, thưởng, phụ cấp, văn phòng, phương tiện và <i>thiết bị</i> làm việc, chi phí hành chính); l) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, <i>tái định cư và các chi phí được quy định trong khung chính sách về môi trường và xã hội.</i>	Về chi phí khung chính sách về môi trường và xã hội không quy định cụ thể trong Dự thảo Nghị định mà sử dụng từ các chi phí khác của vốn đối ứng.
		Điều 48. Vốn dư: Khoản 1. <i>Vốn dư chỉ được sử dụng</i> sau khi đã bố trí đầy đủ vốn để hoàn thành các mục tiêu của dự án Đề nghị giải thích nghĩa và nội hàm của khoản này (Vốn dư đã được định nghĩa rõ ở Điều 3 là kết dư sau đấu thầu, do thay đổi tỷ giá, dự phòng còn dư). Khoản 2: Đề nghị nghiên cứu, đơn giản hóa thủ tục theo 2 trường hợp sau: - Dự án chưa hoàn thành các mục tiêu đề ra, cần tiếp tục sử dụng vốn dư để hoàn thành. - Dự án đã hoàn thành các mục tiêu, sử dụng vốn dư để làm tăng hiệu quả đầu tư dự án trong phạm vi của QĐ chủ trương đầu tư đã duyệt.	Đề nghị giữ nguyên trong Dự thảo Nghị định để đảm bảo nguyên tắc Vốn dư chỉ được sử dụng sau khi đã bố trí đầy đủ vốn để hoàn thành các mục tiêu của dự án.
		Điều 60. Mở tài khoản thanh toán 1. Tài khoản nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi: b) Chủ dự án vốn ngân sách nhà nước mở tài khoản nguồn vốn của dự án tại Kho bạc Nhà nước <i>hoặc ngân hàng phục vụ để tiếp nhận nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi chỉ cho các</i>	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.

		hoạt động của chương trình, dự án. Chủ dự án là doanh nghiệp nhà nước...	
		Về rút vốn ODA tại điều 73: Nghị định đã bổ sung về sử dụng phương thức điện tử cho các hồ sơ rút vốn, điều này sẽ rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ thanh toán. Nghị định cần quy định cụ thể hơn hoặc giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể hơn về hình thức rút vốn về tài khoản tạm ứng. Đây là nội dung có nhiều vướng mắc của các BQLDA khi lập đơn rút vốn ban đầu và rút vốn bổ sung về tài khoản tạm ứng. Do đó, đề nghị cần có quy định khung về nội dung này gồm: (i) Chủ dự án hoặc BQLDA khi rút vốn ODA lần đầu và rút vốn ODA bổ sung về tài khoản tạm ứng phải xây dựng kế hoạch sử dụng vốn ODA trong một khoảng thời gian nhất định nào đó (tối thiểu là 01 tháng hoặc tối đa là 03 tháng); (ii) quy định tỷ giá quy đổi từ đồng Việt Nam sang ngoại tệ tại thời điểm lập đơn rút vốn (theo tỷ giá Bộ Tài chính hoặc theo tỷ giá ngân hàng phục vụ công bố tại thời điểm lập đơn rút vốn). Việc có quy định khung này, các bên sẽ chủ động được thời gian và dòng tiền để kiểm soát chi và thanh toán cho nhà thầu cũng như theo dõi, đánh giá kế hoạch giải ngân của các cơ quan liên quan!	Bộ Tài chính đã quy định trong Dự thảo Nghị định.
		Điều 85. Các quy định quản lý tài chính 5. Dự án có tính chất chi thường xuyên áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Dự án hỗn	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.

		hợp chi đầu tư và chi thường xuyên, chủ dự án báo cáo cơ quan chủ quản quyết định vận dụng chế độ kế toán phù hợp <i>theo nguyên tắc mỗi đơn vị kế toán chỉ áp dụng một chế độ kế toán.</i>	
		Điều 98. Xử lý chuyển tiếp Đề nghị quy định đối với các dự án có Hiệp định đã ký kết, giải ngân từ năm 2017 trở về trước thì thực hiện các quy định về sử dụng vốn, giải ngân vốn theo chủ trương đầu tư được duyệt và hiệp định đã ký kết.	Đã tiếp thu trong Dự thảo Nghị định.
9	Bộ Y tế	Khoản 15 Điều 3 nêu tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng phục vụ “căn cứ ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” và “Ngân hàng đủ tiêu chuẩn là ngân hàng phục vụ”. Nhưng tại Khoản 2 Điều 87 có nêu chọn ngân hàng phục vụ trên cơ sở thống nhất với Nhà tài trợ. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước ban hành danh mục các Ngân hàng thương mại đủ tiêu chuẩn phục vụ, làm cơ sở cho các chủ dự án trao đổi và thống nhất với nhà tài trợ chọn ra 01 ngân hàng trong danh mục. Mặt khác, nên quy định trình tự mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ (đề xuất của Chủ dự án, Ngân hàng Nhà nước ra văn bản chỉ định ngân hàng phục vụ hay chủ dự án được phép trực tiếp lựa chọn ngân hàng phục vụ sau đó báo cáo Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước).	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với NHNNVN về đề xuất này.

		Khoản 25 Điều 3 định nghĩa “thời gian bắt đầu dự án là thời điểm dự án được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch, bố trí vốn lần đầu tiên để thực hiện dự án”. Điều 43 hướng dẫn về việc lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm. Theo nội dung của những điều này thì tiến độ của chương trình, dự án sẽ phụ thuộc vào thời điểm chương trình, dự án được bố trí vốn trong khi việc dự toán ngân sách hàng năm được Quốc hội xem xét và phê duyệt theo kỳ chứ không cấp bổ sung sau khi dự án chương trình được cấp thẩm quyền phê duyệt, như vậy tiến độ của dự án, chương trình sẽ chậm hơn tiến độ trong văn kiện được phê duyệt cũng như cam kết với nhà tài trợ. Đề nghị có hướng dẫn mở hơn để cấp vốn bổ sung kịp thời đối với nguồn vốn ODA không hoàn lại, đặc biệt các dự án viện trợ khẩn cấp, các dự án viện trợ cho công tác phòng, chống dịch bệnh.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo.
		Khoản 1 Điều 5: Đề nghị ưu tiên vốn ODA không hoàn lại cho lĩnh vực y tế, phòng chống dịch, bệnh nguy hiểm.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.
		Khoản 1 Điều 23 đề cập đến “hàng hóa thuộc diện Thủ tướng Chính phủ cho phép” nhưng	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

		không dẫn căn cứ quy định nào hoặc cần nêu cụ thể tại thời điểm xây dựng dự án.	
		Điều 45 quy định về thuế và phí đối với chương trình, dự án cần làm rõ những loại thuế nào trong số các loại thuế (như thuế thu nhập cá nhân, thuế GTGT, thuế nhập khẩu...) được chi trả từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại.	Thuế và phí áp dụng đối với chương trình, dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế và phí, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
		Điều 78 về tỷ giá: Nên có quy định cụ thể về tỷ giá khi ký hợp đồng và thanh toán trong trường hợp: Đấu thầu quốc tế, nhà thầu trúng thầu là nhà thầu Việt Nam, nếu hàng hóa mua trong nước sẽ được ký hợp đồng và thanh toán với đồng tiền Việt Nam theo tỷ giá mua vào đầu ngày của ngày ký hợp đồng của ngân hàng phục vụ Dự án.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.
		Khoản 3 Điều 84 nên sửa: giá trị hợp đồng kiểm toán của năm cuối cùng thanh toán từ vốn đối ứng.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.
		Điều 89 - Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn ODA không hoàn lại: Đề nghị bổ sung hình thức kiểm soát chi sau đối với các khoản chi vào cuối năm ngân sách để đảm bảo quy định về việc giải ngân của nhà tài trợ (ví dụ: Quỹ toàn cầu chỉ cho phép giải ngân của năm ngân sách trước ngày 31/12 của năm đó, nếu các khoản chi của năm trước phải chuyển sang thanh	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.

	toán vào năm sau sẽ làm giảm ngân sách tài trợ của năm sau). Đề nghị Kho bạc nhà nước xem xét, cho phép tạm ứng chi hoạt động cho cá nhân bằng chuyển khoản để phù hợp với quy định của nhà tài trợ là không được phép sử dụng tiền mặt. Đề nghị xem xét không kiểm soát chi với các chương trình, dự án mở tài khoản và thanh toán qua kho bạc nhà nước; Bổ sung điểm b, khoản 2 Điều 87 như sau: “b. Kho bạc Nhà nước tổ chức việc kiểm soát, thanh toán cho dự án từ nguồn vốn ODA đối với các dự án mở tài khoản tiếp nhận dự án tại Ngân hàng thương mại”.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.
	Cần có hướng dẫn cụ thể về quyết toán dự án đối với các dự án có tài khoản tạm ứng cấp II (Dự án có cấp trung ương và các đơn vị thực hiện dự án tại địa phương, hàng năm các đơn vị thực hiện dự án tại địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán vốn vay ODA và vốn đối ứng, được kho bạc tỉnh kiểm soát và ghi thu, ghi chi. Trường hợp này, việc phê duyệt dự án hoàn thành được thực hiện theo từng cấp: tại từng địa phương đối với phần kinh phí được nhận và thực hiện, hay được tổng hợp phê duyệt tại trung ương). Trường hợp	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.

		không ban hành thông tư hướng dẫn chi tiết thi Nghị định cần hướng dẫn chi tiết về nội dung này.	
		Việc điều chỉnh chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi trong quá trình triển khai thực hiện đang được quy định theo Luật Đầu tư công, nhìn chung khá phức tạp. Ví dụ: việc gia hạn dự án phải tiến hành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư (dựa trên báo cáo nghiên cứu tiền khả thi). Tuy nhiên, những dự án đã được phê duyệt danh mục theo các quy định quản lý ODA trước đây không yêu cầu lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi nên gây khó khăn cho cả chủ dự án, cơ quan chủ quản và các cơ quan thẩm định. Vì vậy, Bộ Y tế đề nghị xem xét việc phân cấp thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi dựa trên kinh nghiệm của các Nghị định về quản lý ODA trước đây. Quy trình thẩm định, phê duyệt đối với các chương trình, dự án ODA không hoàn lại, dự án hỗ trợ kỹ thuật quy mô nhỏ cần có quy định theo hướng đơn giản hóa thủ tục.	Nội dung này đã quy định tại điều khoản chuyển tiếp. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Mô hình tổ chức quản lý và thực hiện dự án gặp một số bất cập trong quá trình triển khai thực hiện theo Nghị định 56, cụ thể:	Dự thảo Nghị định đã bỏ mô hình dự án ô.

Một số nhà tài trợ thực hiện mua sắm quốc tế và chuyển giao hàng cho một đơn vị nhận viện trợ chính ở trung ương, sau đó các Ban quản lý dự án tuyến trung ương (Ban QLDA TW) sẽ thực hiện bàn giao cho các tỉnh. Đơn vị nhận viện trợ chính chịu trách nhiệm trực tiếp với nhà tài trợ và cơ quan chủ quản về chất lượng, hiệu quả và tính minh bạch trong quá trình triển khai dự án. Với cơ cấu tổ chức như vậy, dự án sẽ có các khó khăn, vướng mắc như sau:

+ Gánh nặng quản lý tại Trung ương: Nhiều dự án viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam được triển khai trên địa bàn rất rộng. Tại các địa phương, các hoạt động của dự án được triển khai đến tận huyện, xã, thôn bản, cộng đồng. Việc quản lý tập trung, Ban QLDA TW phải quản lý trực tiếp, toàn diện (đặc biệt là quản lý tài chính tập trung) đối với tất cả các hoạt động của dự án trên diện rộng (các tỉnh/thành phố), tất cả các tuyến, đến tận cộng đồng, là khối lượng công việc rất lớn và rất khó khăn, khó khả thi.

+ Trách nhiệm của địa phương không cao: Khi không có Ban QLDA ở cấp địa phương, các địa phương chỉ có thể phối hợp với Ban QLDA TW triển khai các hoạt động của dự án qua hình thức “Hợp đồng trách nhiệm” hoặc “Thỏa thuận thực

		hiện dự án”, trách nhiệm triển khai và tính chủ động của các địa phương sẽ không cao. + Không huy động được nguồn lực các tỉnh, thành phố: Khi các tỉnh không thành lập Ban QLDA, địa phương sẽ không có cơ chế để huy động nguồn lực địa phương tham gia hỗ trợ dự án về nhân sự, tài chính, vốn đối ứng và các nguồn lực khác. Đây là nguồn lực rất quan trọng và cũng là cam kết của Việt Nam với nhà tài trợ. Sự tham gia của cộng đồng, cũng như sự tận tâm của cán bộ y tế, đồng đẳng viên, là những người ngày đêm lăn lộn với cộng đồng; vì vậy, thiếu đi sự đăi ngộ và động viên sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả và tiến độ của dự án. + Gánh nặng vốn đối ứng lớn đối với Bộ chủ quản: Trong cơ chế quản lý tập trung, vốn đối ứng chỉ được phân bổ cho Ban QLDA TW từ nguồn vốn được cấp cho Bộ Y tế, dẫn đến tình trạng vốn đối ứng tập trung quá lớn, khó khăn cho Bộ Y tế trong việc bố trí vốn cho các Dự án.	
10	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Khoản 3, Điều 10. Tham gia chương trình, dự án khu vực: Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tham gia, đề nghị giản lược quy trình thực hiện lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư hoặc lập, thẩm định,	Điều 23 của Dự thảo Nghị định không quy định việc phải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương thực hiện đối với các chương trình, dự án khu vực.

		quyết định chủ trương thực hiện và phê duyệt Văn kiện dự án	
		Đối với dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, theo quy định tại Điều 23 Luật Đầu tư công, người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo tiền khả thi. Đối với dự án khác trừ dự án nhóm A, cơ quan chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 8 Điều 25 Luật Đầu tư công. Do đó, đề nghị quy định rõ hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ đối với dự án nhóm A và hồ sơ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với các dự án khác.	Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ đối với dự án nhóm A và hồ sơ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư được quy định trong Luật Đầu tư công và Dự thảo Nghị định.
		Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23 dự thảo Nghị định do cơ quan chủ quản tổ chức thẩm định và phê duyệt văn kiện dự án, đề nghị bỏ quy định lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trong quá trình phê duyệt và điều chỉnh dự án trên nguyên tắc thẩm quyền nào phê duyệt thì thẩm quyền đó chịu trách nhiệm trước pháp luật và chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm.	Không nhất trí vì Bộ KHĐT có trách nhiệm thông báo cho nhà tài trợ sau khi dự án được cơ quan chủ quản phê duyệt đồng thời Bộ Tài chính cho ý kiến về việc bố trí vốn đối ứng (trong trường hợp dự án có nhu cầu) và cơ chế giải ngân của dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (nhà tài trợ giải ngân trực tiếp hay thông qua cơ quan chủ quản), vấn đề liên quan đến thuế, phí,...

		Về việc ký kết điều ước quốc tế và thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi sau khi văn kiện dự án được phê duyệt: Đề nghị bổ sung quy định không bắt buộc phải ký kết khi phía nhà tài trợ không yêu cầu do có những dự án phát sinh trong khuôn khổ Thỏa thuận hợp tác, Bản ghi nhớ... đã được ký kết giữa hai cơ quan.	Trong Dự thảo Nghị định đã quy định trường hợp này Khoản 6 Điều 33.
		Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, đề nghị quy định cụ thể trường hợp điều chỉnh Văn kiện Dự án (thay đổi các hoạt động chi tiết, chỉ số đánh giá...) nhưng không làm thay đổi nội dung của Quyết định chủ trương thực hiện, Quyết định phê duyệt Văn kiện Dự án.	Dự thảo Nghị định quy định việc điều chỉnh Quyết định chủ trương thực hiện, Quyết định phê duyệt Văn kiện chỉ thực hiện trong trường hợp có thay đổi về nội dung của các Quyết định này.
		Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về việc sử dụng nguồn kinh phí đối ứng để nộp thuế, trả các loại phí đối với các dự án đã ký Hiệp định-vay/Thỏa ước vay trước thời điểm Nghị định số 56/2020/NĐ-CP có hiệu lực.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.
		Bổ sung nội dung quy định về vốn dự tại Điều 48 đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại.	Điều 48 của Dự thảo Nghị định áp dụng chung cho các loại hình dự án.
		Rà soát giải thích từ ngữ “Chủ chương trình, dự án” tại khoản 8, Điều 3 và khoản 7, Điều 85 cho phù hợp và thống nhất.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Đề nghị xem xét bổ sung các quy định về: (i) Hồ sơ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị phê duyệt	Đã quy định trong Dự thảo Nghị định.

		chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật; (ii) các điều khoản chuyển tiếp hướng dẫn chi tiết về trách nhiệm và thẩm quyền trong việc điều chỉnh Dự án ô đã được ký Hiệp định từ trước năm 2018; (iii) trách nhiệm của Chủ Dự án trong việc kiểm tra, nghiệm thu, vận hành, khai thác sản phẩm sau khi Dự án kết thúc; (iv) trình tự xử lý tài sản hình thành từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho các đối tượng thụ hưởng, bao gồm các doanh nghiệp tham gia thực hiện chương trình, dự án.	
		Hiện nay không còn khái niệm dự án ô, tuy nhiên các nhà tài trợ vẫn có cách tiếp cận tài trợ để giải quyết các vấn đề liên tỉnh, liên vùng, do đó đề nghị quy định cách thức đề xuất dự án để đảm bảo việc thiết kế và triển khai dự án được thống nhất và đạt hiệu quả.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
11	Bộ Xây dựng	Trong quá trình triển khai xúc tiến đầu tư nước ngoài, Bộ Xây dựng và một số Bộ, ngành khác có tiếp nhận loại hình viện trợ không hoàn lại hỗn hợp gồm: hỗ trợ kỹ thuật; đào tạo; cung cấp thiết bị; cải tạo sửa chữa không ảnh hưởng đến an toàn chịu lực công trình, có giá trị chi phí phần xây dựng chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng mức của dự án. Loại hình dự án này không thuộc diện phải lập kế hoạch đầu tư công do Nhà tài trợ quản	Tùy theo nội dung của dự án, đề nghị phân loại theo dự án đầu tư (có và không có cầu phần xây dựng) và dự án hỗ trợ kỹ thuật và thực hiện theo quy định hiện hành.

		lý và giải ngân trực tiếp kinh phí nước ngoài, do có nội dung cải tạo sửa chữa công trình nên không phải là dự án hỗ trợ kỹ thuật. Việc không thể xác định Dự án thuộc loại hình nào nên các chủ dự án gặp nhiều lúng túng, vướng mắc trong khâu triển khai. Kiến Nghị Bộ KHĐT nghiên cứu, bổ sung hướng dẫn đối với loại hình dự án nêu trên.	
12	Bộ Giao thông vận tải	Dự thảo Nghị định quy định quy trình gia hạn, điều chỉnh, bổ sung đối với các điều ước quốc tế, thỏa thuận cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi được thực hiện sau khi chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trên cơ sở quyết định đầu tư chương trình, dự án (Điều 28, Điều 31). Việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án, tương ứng với đó là gia hạn giải ngân các hiệp định phải thực hiện thành 02 quy trình và đều có sự tham gia xem xét của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, dẫn tới kéo dài thời gian thực hiện. Vì vậy, Bộ GTVT đề nghị quý Bộ nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng cho phép chấp thuận gia hạn giải ngân hiệp định vay đồng thời với quá trình chấp thuận điều chỉnh thời gian thực hiện dự án khi phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư.	Không nhất trí vì mặc dù việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và việc gia hạn hiệp định có liên quan đến nhau song không thể tiến hành đồng thời vì việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư là cơ sở để đề xuất nhà tài trợ xem xét gia hạn hiệp định.

		Dự thảo Nghị định cũng như Nghị định số 56/2020/NĐ-CP mới chỉ quy định trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước đối với điều ước quốc tế đã ký kết về cùng một vấn đề (trường hợp này được áp dụng quy định của điều ước quốc tế) mà chưa quy định trường hợp có sự khác biệt với thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi (như đang quy định tại các Điều 45, 46, 47, 49). Quá trình triển khai thực hiện các dự án sử dụng vốn vay song phương do Bộ GTVT là cơ quan chủ quản gặp nhiều khó khăn khi các quy định của pháp luật thường chỉ quy định trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước đối với điều ước quốc tế. Vì vậy, Bộ GTVT đề nghị quý Bộ nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng ứng xử đối với thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi tương tự như đối với điều ước quốc tế trong phạm vi Nghị định này.	Không nhất trí vì theo quy định hiện hành chỉ có điều ước quốc tế mới có tính “tối thượng” (trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế trong cùng một nội dung thì thực hiện theo điều ước quốc tế đã ký kết) còn thỏa thuận vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước nước ngoài phải tuân thủ hoàn toàn quy định của Việt Nam.
		Tại khoản 5 Điều 3 (Giải thích từ ngữ): khoản (a) và (b) đang quy định cùng một nội dung. Đề nghị rà soát, bỏ nội dung trùng lặp này.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Tại khoản 1 Điều 5 (ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi): vốn ODA không hoàn lại được ưu tiên sử dụng để thực hiện chương trình, dự án “tăng trưởng xanh; đổi mới sáng tạo”. Đề nghị bỏ	Những từ ngữ này đã có trong các văn bản của Chính phủ, chẳng hạn Chiến lược quốc gia tăng trưởng xanh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại

		sung thêm khái niệm về chương trình, dự án “tăng trưởng xanh; đổi mới sáng tạo” tại Điều 3. Giải thích từ ngữ để có cơ sở triển khai, áp dụng (ví dụ như đổi mới sáng tạo có bao gồm công nghệ mới, vật liệu mới,...).	Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012, nên không cần giải thích trong Dự thảo Nghị định
		Tại khoản 2 Điều 13 (đề xuất chương trình, dự án): đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh theo hướng giảm bớt các nội dung yêu cầu của Hồ sơ đề xuất chương trình, dự án. Thời gian vừa qua, trong quá trình thực hiện bước đề xuất dự án tại một số dự án, Bộ GTVT nhận thấy để có thể đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Phụ lục II – Nghị định số 56/2020/NĐ-CP cần có hồ sơ nghiên cứu tiền khả thi mới có thể đảm bảo đầy đủ các số liệu theo yêu cầu; trong khi giai đoạn lập đề xuất dự án chưa được bố trí kinh phí để thực hiện.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì Đề xuất chương trình, dự án là khâu quan trọng để sàng lọc dự án. Các nội dung trong Đề xuất dự án là cần thiết để có đủ căn cứ xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
		Tại khoản 4, khoản 5 Điều 14 (Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư): đề nghị xem xét, quy định theo hướng chỉ dẫn chiếu tới các quy định của Luật Đầu tư công tương tự như khoản 3 Điều 14, không trích dẫn lại các nội dung này.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Tại Điều 17 (các hoạt động thực hiện trước): Hiện nay dự thảo Nghị định mới chỉ quy định các hoạt động thực hiện trước trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn chuẩn bị đầu tư như xây dựng khung chính sách,	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Các hoạt động thực hiện trước nêu trên chưa mang lại hiệu quả đáng kể trong việc rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án. Bộ GTVT đề nghị quý Bộ nghiên cứu, bổ sung thêm khoản 3 quy định đối với các hoạt động cho phép thực hiện trước khi điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi; thỏa thuận cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi có hiệu lực như sau: “Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu, đàm phán hợp đồng đối với các gói thầu dịch vụ tư vấn (tư vấn thiết kế kỹ thuật, tư vấn giám sát,...). Các hợp đồng chỉ được ký kết sau khi điều ước quốc tế cụ thể về ODA, vốn vay ưu đãi; thỏa thuận cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi của chương trình, dự án có hiệu lực và được bố trí kế hoạch vốn theo quy định của pháp luật.”, tương tự nội dung quy định tại Điều 17 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ.	
		Tại điểm b khoản 3 Điều 19 (điều chỉnh chủ trương đầu tư): đề nghị rà soát, dẫn chiếu tới điểm a khoản 3 thay vì điểm a khoản 2 như nội dung dự thảo Nghị định.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

		Tại điểm g khoản 2 Điều 26 (trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Văn kiện dự án): đề nghị xem xét nâng mức quy mô vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ lên mức 500.000 đô la Mỹ cho phù hợp với tình hình thực tế vì hiện nay các dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án ODA không hoàn lại thường có quy mô lớn hơn 200.000 đô la Mỹ.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Tại điểm c khoản 1 Điều 30 (trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn điều ước quốc tế): đề nghị làm rõ các trường hợp “sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế chỉ mang tính kỹ thuật” để đảm bảo điều kiện áp dụng được cụ thể, thuận lợi.	Về mặt pháp lý, nội dung này được quy định tại điều 73 khoản 1 Luật Điều ước quốc tế 2016. Trên thực tế, trong các Hiệp định vay hay Thỏa thuận tài chính cho dự án/chương trình đầu tư có những phát sinh trong quá trình thực hiện dự án cần phải phân bổ lại các hạng mục chi (như chi phí tư vấn, chi xây lắp, chi mua thiết bị) Người cho vay không yêu cầu ký lại cả Hiệp định mà chỉ ký phụ lục điều chỉnh những thay đổi nhỏ, phía Người cho vay thường ủy quyền cho cấp dưới cấp ký HĐ ký phụ lục điều chỉnh để không ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Ngoài ra còn có những thay đổi kỹ thuật khác của dự án do kỹ sư

			trường đề nghị cũng có thể coi là điều chỉnh kỹ thuật.
		Tại khoản 1 Điều 33: dự thảo Nghị định đang thể hiện 03 điểm (d) tại khoản này. Ngoài ra quy định tại điểm (c) và điểm (d) của dự thảo Nghị định đang trùng nhau. Do vậy đề nghị rà soát lại khoản này.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Tại khoản 3 Điều 41 (lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn nước ngoài): đề nghị xem xét, quy định theo hướng trích dẫn thực hiện theo khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công, không cần thiết phải quy định lại nội dung này.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định để giải quyết trường hợp dự án thực hiện vượt quá thời gian quy định lại Luật Đầu tư công thì phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương.
		Tại điểm b khoản 2 Điều 44 (vốn đối ứng): đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung vốn đối ứng bao gồm cả “các chi phí thẩm tra liên quan”.	Không tiếp thu vì không rõ các chi phí thẩm tra liên quan bao gồm cụ thể những chi phí gì và theo định mức nào.
13	Bộ Công an	Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định vốn ODA không hoàn lại được ưu tiên sử dụng để thực hiện một trong loại chương trình, dự án là hỗ trợ xây dựng, chính sách, thể chế và cải cách. Để phối hợp chặt chẽ giữa các bộ ngành và Bộ Công an trong quyết định chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì trong quá trình phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án nếu liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh phải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương thực

		ODA nhằm phòng ngừa các đối tượng lợi dụng hoạt động can thiệp vào thể chế, chính sách, pháp luật của Việt Nam, cần bổ sung vào Chương II dự thảo: - Tại khoản 3 Điều 13 dự thảo về tiêu chí lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án cần bổ sung tiêu chí bảo đảm quốc phòng, an ninh. - Tại khoản 3, 4 Điều 15 về nội dung thẩm định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công và chương trình dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, đề nghị bổ sung nội dung thẩm định về tác động đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.	hiện. Trong trường hợp này trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ quản, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến góp ý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các cơ quan khác có liên quan, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Việc bổ sung nội dung này phải phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công.
		Tại Điều 44 dự thảo, cần bổ sung quy định về điều chỉnh dự toán đối với phần vốn đối ứng để áp dụng trong quá trình thực hiện dự án có những thay đổi về chính sách (chính sách thuế, giá đền bù, giải phóng mặt bằng...) làm thay đổi các khoản chi phí sử dụng vốn đối ứng. Việc điều chỉnh cần quy định theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền để bảo đảm bố trí đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ của dự án.	Vấn đề này đã được quy định trong điều khoản chuyển tiếp của Dự thảo Nghị định.
		Tại khoản 7 Điều 98 về điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với những dự án cho doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục	Vấn đề này đã được quy định trong điều khoản chuyển tiếp của Dự thảo Nghị định.

		tài trợ hoặc chủ trương đầu tư dự án, nên xem xét phương án tiếp tục áp dụng quy định của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP nếu đã gửi hồ sơ điều chỉnh trước ngày Nghị định này có hiệu lực.	
		Nghiên cứu, bổ sung vào dự thảo Nghị định quy định về dự án mà cơ quan chủ quản chương trình, dự án là cơ quan ở Trung ương nhưng dự án lại được thực hiện ở địa phương theo hướng dẫn có sự trao đổi, lấy ý kiến của cơ quan chức năng địa phương nơi thực hiện dự án trong quá trình lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và thực hiện chương trình, dự án.	Do không còn mô hình dự án ô nên sẽ không có trường hợp này trong thời gian tới. Tuy nhiên, giống như các dự án đầu tư trong nước, nếu dự án trung ương trên địa bàn liên quan đến địa phương như công tác quy hoạch, bồi thường và tái định cư, trong quá trình xây dựng dự án phải trao đổi và thống nhất với chính quyền địa phương.
14	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tại khoản 1 Điều 5, đề nghị bổ sung các lĩnh vực ưu tiên “văn hóa, thể thao, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện” đối với vốn ODA không hoàn lại. Tại khoản 2 Điều 5, đề nghị bổ sung các lĩnh vực ưu tiên “hạ tầng công nghiệp văn hóa, du lịch” đối với vốn vay ODA. Lý do: - Nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách mới của Đảng đã được nêu rõ tại Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, cụ thể quan điểm “phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên” và định hướng “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định. Lĩnh vực đề xuất sẽ xem xét đưa vào Đề án Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2021 – 2025.

		Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa”. - Đáp ứng các yêu cầu tại Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước là tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020; Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. - Văn hóa, thể thao là 02 lĩnh vực xã hội quan trọng, nhưng gặp khó khăn trong việc huy động nguồn lực trong nước (bao gồm cả vốn ngân sách và tư nhân). Do đó, cần có sự ưu tiên huy động nguồn vốn viện trợ không hoàn lại đối với 02 lĩnh vực này. - Công nghiệp văn hóa, du lịch là 02 lĩnh vực đầu tư của Nhà nước không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp, nhưng đóng góp gián tiếp vào phát triển kinh tế - xã hội, có hiệu ứng lan tỏa cao và có khả năng hỗ trợ xuất khẩu tại chỗ, tạo nguồn thu ngoại tệ lớn. Hiện nay, còn tồn tại nhiều điểm nghẽn về hạ tầng, công nghệ trong lĩnh vực du	
--	--	--	--

		lịch và công nghiệp văn hóa cần có sự tham gia mạnh mẽ của Nhà nước (Ví dụ: hạ tầng du lịch ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng công nghệ tiên tiến phục vụ trong các ngành công nghiệp sáng tạo,...).	
		Tại Điều 7: 1. Đề nghị rà soát, xác định tính tương thích giữa các quy định về nguyên tắc áp dụng cơ chế tài chính trong nước đối với vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi tại Nghị định này với các quy định tại các Nghị định của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài. Trong trường hợp có quy định khác, đề nghị bổ sung Điều khoản dẫn chiếu, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật. 2. Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về nguyên tắc áp dụng cơ chế tài chính trong nước cho đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng “Đối với các chương trình, dự án của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách cấp nào thì thực hiện theo nguyên tắc áp dụng cơ chế tài chính trong nước của ngân sách cấp đó”. Lý do: - Phần lớn các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3) và các đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4) theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự	Vì hiện nay Nghị định số 97/2018/NĐ-CP đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung, Bộ KHĐT sẽ nghiên cứu ý kiến này để điều chỉnh cho phù hợp.

		ng nghiệp công lập. Theo Luật Ngân sách Nhà nước, các chương trình, dự án đầu tư công vay vốn nước ngoài của cá đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các nhóm này thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương, được áp dụng cơ chế cấp phát toàn bộ. - Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, các quy định hiện hành tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP và Nghị định số 97/2018/NĐ-CP được hiểu theo hướng chỉ các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo 100% chi thường xuyên hoặc/và tự đảm bảo 100% chi đầu tư (nhóm 1 và nhóm 2) mới được tiếp cận nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và phải thực hiện vay lại. Việc này khiến các đơn vị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, không thể tiếp cận nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, không phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước trong quản lý và sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi. 3. Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về tiêu chí, phương thức xác định chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn toàn bộ hoặc một phần. Lý do: Để làm căn cứ xác định chương trình, dự án có thuộc đối tượng được vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi.	
		Tại Điều 10, đề nghị quy định rõ về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tham gia chương trình,	Đã tiếp thu và điều chỉnh phù hợp trong Dự thảo Nghị định.

dự án khu vực của nhà tài trợ nước ngoài theo hướng:

- Đối với chương trình, dự án vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi: Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương tham gia chương trình, dự án khu vực. Trình tự, thủ tục đề xuất, quyết định chủ trương tham gia chương trình, dự án khu vực thực hiện đồng thời với lập, lựa chọn, phê duyệt đề xuất chương trình, dự án.

- Đối với chương trình, dự án vốn ODA viện trợ không hoàn lại: Thẩm quyền quyết định chủ trương tham gia chương trình, dự án khu vực tương tự thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư/chủ trương thực hiện. Trường hợp dự án không phải quyết định chủ trương thực hiện, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định chủ trương tham gia chương trình, dự án khu vực. Trình tự, thủ tục đề xuất, quyết định chủ trương tham gia chương trình, dự án khu vực thực hiện đồng thời với lập, phê duyệt Văn kiện dự án.

Lý do: Quy định như tại Điều 10 Dự thảo Nghị định phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết, tăng thời gian, chi phí cho các bên liên quan. Ví dụ, 01 dự án vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi sẽ phải trình Thủ tướng Chính phủ ít nhất 04 lần (chủ trương tham gia dự án khu vực, đề xuất dự án, chủ trương đầu tư dự án, ký kết điều ước quốc tế).

		Tại điểm b khoản 2 Điều 12, đề nghị bỏ “chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại nhóm B” khỏi nhóm chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Lý do: Theo Luật Đầu tư công, dự án nhóm B sử dụng vốn trong nước thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của người đứng đầu các Bộ, ngành, Hội đồng nhân dân các cấp. Trong khi đó, vốn ODA không hoàn lại không tạo ra gánh nặng về nợ công như vốn vay ODA, vốn ưu đãi, cần được tạo điều kiện thuận lợi nhất về trình tự, thủ tục theo hướng phân cấp tương tự vốn trong nước.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì thẩm quyền này được quy định tại Luật Đầu tư công.
		Tại Điều 19, đề nghị quy định trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo hướng: 1. Dẫn chiếu và áp dụng trình tự, thủ tục như đối với chương trình, dự án sử dụng vốn trong nước (áp dụng Điều 34, khoản 5 Điều 43 Luật Đầu tư công; Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP), cụ thể như sau: - Trường hợp chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa quyết định đầu tư, nếu có thay đổi nội dung của quyết định chủ trương đầu tư, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo Điều 34 của Luật Đầu tư công.	Đã tiếp thu và điều chỉnh phù hợp trong Dự thảo Nghị định.

- Trường hợp chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, đang trong quá trình thực hiện, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 43 của Luật Đầu tư công.

2. Bổ sung: Trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư do thay đổi tỷ giá, không phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

Lý do: Nếu quy định tương tự vốn trong nước, đối với các dự án đang trong quá trình thực hiện, chỉ phải thực hiện quy trình điều chỉnh chủ trương đầu tư nếu làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư tại quyết định chủ trương đầu tư (trừ trường hợp do thay đổi tỷ giá).

Như vậy, các tình huống rất phổ biến khác trong quản lý dự án vốn ODA, vốn vay ưu đãi như gia hạn thời gian thực hiện, giảm quy mô đầu tư, thay đổi cơ cấu nguồn vốn (giảm vốn ODA, tăng vốn đối ứng),...không cần thực hiện quy trình điều chỉnh chủ trương đầu tư, giảm đáng kể chi phí, thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện dự án.

3. Quy định Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP. Lý do: Quy định như tại Dự thảo Nghị định có nghĩa là các chủ đầu tư sẽ phải lập lại toàn bộ hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư

		(bao gồm lập lại Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi). Việc này yêu cầu phải thuê tư vấn, phát sinh chi phí, thời gian lớn, trong khi nhu cầu thực tế chỉ là thuyết minh, giải trình phần nội dung đề xuất điều chỉnh.	
		Tại khoản 4 Điều 22, đề nghị bỏ toàn bộ khoản này hoặc điều chỉnh thành “Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án”. Lý do: Quy định như tại Dự thảo Nghị định có thể dẫn đến xung đột với nội dung quy định tại Điều 19.	Khoản 5 Điều 53 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài áp dụng quy định tại Nghị định này và quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một nội dung áp dụng quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài”. Việc quy định về quy trình, thủ tục, điều chỉnh dự án của Nghị định phù hợp với Luật đầu tư công và không trái với quy định của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
		Tại điểm g khoản 2 Điều 26, đề nghị điều chỉnh thành “Trường hợp dự án, phi dự án có quy mô	

		vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống, người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án và không bắt buộc phải lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan” Lý do: Để phù hợp với câu chữ tại điểm a khoản 2 Điều 26.	
		Tại điểm c khoản 2 Điều 27, đề nghị điều chỉnh thành “Trường hợp dự án, phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống, người đứng đầu cơ quan chủ quản điều chỉnh Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án và không bắt buộc phải lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan” Lý do: Để phù hợp với câu chữ tại điểm a khoản 2 Điều 27.	
		Tại điểm a khoản 2 Điều 28, đề nghị quy định riêng cơ sở đề xuất ký kết điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA không hoàn lại đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại là: Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án. Lý do: Cần xây dựng quy định thông thoáng để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại, tránh các trình tự, thủ tục kéo dài có thể dẫn đến mất cơ hội tiếp nhận nguồn vốn viện trợ. Vốn ODA không hoàn lại không thuộc phạm vi điều chỉnh của	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì đã tinh giản quy trình, thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật.

		khoản 7 Điều 29 Luật Quản lý nợ công, nên không phải tuân theo quy định phải “hoàn thành các thủ tục đầu tư” trước khi “ký kết thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài”.	
		Tại khoản 3 Điều 31, đề nghị điều chỉnh thành “Đối với thỏa thuận cụ thể về vốn ODA không hoàn lại: Trong trường hợp nhà tài trợ yêu cầu ký kết, cơ sở đề xuất ký kết thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại là điều ước quốc tế khung về vốn ODA không hoàn lại (trong trường hợp có ký kết điều ước quốc tế) và Văn kiện dự án, phi dự án hoặc Quyết định chủ trương đầu tư (đối với dự án đầu tư) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Lý do: Tương tự lý do nêu tại Mục 2.9 Công văn này.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì đã tinh giản quy trình, thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật.
		<u>Tại điểm d khoản 2 Điều 33, đề nghị bỏ toàn bộ khoản này. Lý do: Quy định như tại Dự thảo Nghị định có thể dẫn đến xung đột với nội dung quy định tại Điều 19. Ngoài ra, khoản 5 Điều 22 đã có quy định cụ thể về vấn đề này.</u>	
		<u>Tại khoản 3 Điều 41, đề nghị bỏ toàn bộ khoản này. Lý do: Nội dung này đã quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công và chỉ áp dụng đối với chương trình, dự án đầu tư công.</u>	
		Tại Điều 42, đề nghị bỏ quy định về lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì việc phê duyệt kế hoạch tổng thể và kế hoạch hằng

		ứng. Lý do: Toàn bộ các nội dung trong kế hoạch tổng thể về cơ bản đã được bao gồm trong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án hoặc Văn kiện dự án. Việc quy định trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể không cần thiết, không còn phù hợp với hệ thống quy định hiện hành.	năm của chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của cơ quan chủ quản sẽ giúp cơ quan chủ quản có cơ sở xây dựng kế hoạch trung hạn, hằng năm và giám sát tình hình thực hiện chương trình, dự án.
		Tại Điều 43 và Điều 88, đề nghị bổ sung quy định về ứng trước dự toán ngân sách vốn ODA viện trợ không hoàn lại trong trường hợp thời điểm lập kế hoạch vốn ODA viện trợ không hoàn lại và thực hiện dự án được xem xét tài trợ không trùng với kỳ lập kế hoạch ngân sách hằng năm và dự án không có khả năng gia hạn thời gian thực hiện sang năm sau. Cụ thể: “Trường hợp thời điểm lập kế hoạch vốn ODA viện trợ không hoàn lại và thực hiện dự án được xem xét tài trợ không trùng với kỳ lập kế hoạch ngân sách hằng năm và dự án không có khả năng gia hạn thời gian thực hiện sang năm tiếp theo, cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với vốn đầu tư), Bộ Tài chính (đối với vốn chi thường xuyên) yêu cầu xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định việc ứng trước dự toán ngân sách vốn ODA viện trợ không hoàn lại năm sau theo quy định tại Điều 57 Luật Ngân sách Nhà nước”.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.

		Lý do: Việc ứng trước dự toán ngân sách vốn ODA viện trợ không hoàn lại về bản chất không ảnh hưởng đến cân đối ngân sách Nhà nước, do nguồn vốn này được các nhà tài trợ cấp trực tiếp. Trên thực tế, nhiều dự án vốn ODA viện trợ không hoàn lại chỉ có hiệu lực trong năm thỏa thuận hoặc ngắn hơn. Nếu không có quy định tháo gỡ vướng mắc về dự toán ngân sách vốn ODA viện trợ không hoàn lại, có thể dẫn đến việc bỏ lỡ cơ hội tiếp nhận viện trợ do không đủ thời gian hoàn thành thủ tục.	
		Tại Điều 48, đề nghị xác định rõ các nội dung sau: - Định nghĩa cụ thể khái niệm vốn dư theo hướng “Vốn dư là khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài còn lại sau khi hoàn thành toàn bộ các mục tiêu, nội dung, hoạt động của chương trình, dự án. Vốn dư bao gồm vốn dư sau đấu thầu, vốn dư do thay đổi tỷ giá, vốn dự phòng không sử dụng hết và các khoản vốn dư khác”. - Phân loại rõ 02 loại vốn dư: vốn dư từ vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và vốn dư từ vốn ODA viện trợ không hoàn lại: + Đối với vốn dư từ vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi: Việc sử dụng vốn dư để thực hiện mục tiêu mới của dự án hoặc thực hiện dự án mới thuộc	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (tương tự như trình tự, thủ tục tại Dự thảo Nghị định). + Đối với vốn dự từ vốn ODA viện trợ không hoàn lại: Việc sử dụng vốn dự để thực hiện mục tiêu mới của dự án hoặc thực hiện dự án mới thuộc thẩm quyền của cơ quan chủ quản (sau khi thống nhất với nhà tài trợ), trừ các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư/chủ trương thực hiện của Thủ tướng Chính phủ trở lên. Lý do: Quy định như tại Dự thảo Nghị định có thể dẫn đến việc phải trình Thủ tướng Chính phủ đối với cả những trường hợp như: điều chỉnh hạng mục đầu tư (không thay đổi mục tiêu dự án, không thay đổi chủ trương đầu tư); bổ sung hoạt động đối với dự án ODA viện trợ không hoàn lại,... Quy định này sẽ dẫn đến kéo dài thời gian, chi phí không cần thiết, có thể gây lãng phí nguồn vốn tài trợ.	
		Đề nghị bổ sung quy định về mô hình quản lý mới thay thế mô hình dự án ô trước đây. Lý do: Nhiều nhà tài trợ mong muốn thiết kế cơ chế thực hiện dự án với 01 cơ quan chủ quản cấp Bộ làm cơ quan điều phối chung, các cơ quan chủ quản/chủ dự án khác thực hiện các dự án thành phần/hợp phần dự án khác nhau. Các dự án dạng này thường trong một lĩnh vực cụ thể thuộc quản lý	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định. Đề xuất mô hình quản lý đa thành phần sẽ dẫn đến tình trạng dự án ô trước đây.

		của 01 Bộ, ngành cụ thể. Tuy nhiên, đối tượng thực hiện và đối tượng thụ hưởng đa dạng, có thể thuộc nhiều Bộ, ngành, địa phương khác nhau. Việc này sẽ tạo điều kiện tối đa cho nhà tài trợ trong công tác phối hợp với phía Việt Nam, đồng thời đảm bảo việc thực hiện dự án có tính thống nhất, đồng bộ trên phạm vi rộng, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.	
15	Bộ Tư pháp	1. Về sự phù hợp với các luật liên quan của Quốc hội 1.1. Về trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, tại Điều 30 dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp nhận thấy Quý Bộ đang đề xuất áp dụng các quy định về trình tự, thủ tục rút gọn tại Chương VII Luật Điều ước quốc tế năm 2016. Về vấn đề này, theo Luật Điều ước quốc tế năm 2016 thì chỉ có thể áp dụng quy định tại Chương VII khi thỏa mãn một số điều kiện, ví dụ như: - Việc đồng thời đề xuất đàm phán và ký điều ước quốc tế được thực hiện trong trường hợp cơ quan đề xuất xác định nội dung và tập hợp đầy đủ tài liệu cần thiết trong hồ sơ đề xuất ký điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 17 của Luật này (Điều 71); Việc đàm phán, ký điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện trong trường hợp	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Ngoại giao và Bộ Tài chính về đề xuất này vì hai bộ này ủng hộ quy định về trình tự rút gọn của Dự thảo Nghị định (nêu trong Tờ trình)

		(i) điều ước quốc tế theo mẫu được quy định tại điều ước quốc tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với cùng một bên ký kết nước ngoài hoặc theo mẫu được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc (ii) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (Điều 72); - Việc gia hạn điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện trong trường hợp việc gia hạn điều ước quốc tế chỉ mang tính chất kỹ thuật (Điều 74). Từ các quy định nêu trên, có thể thấy trình tự, thủ tục rút gọn tại Chương VII Luật Điều ước quốc tế năm 2016 được áp dụng đối với từng điều ước quốc tế cụ thể khi đáp ứng các quy định của Luật này. Do vậy, quy định tại Điều 30 dự thảo Nghị định là không phù hợp. Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ tiếp tục sử dụng quy định tại Điều 30 Nghị định số 56/2020/NĐ-CP hiện tại để điều chỉnh vấn đề này hoặc có thể đề xuất những sửa đổi nhằm mục đích cải tiến nhưng phải đảm bảo phù hợp với Luật Điều ước quốc tế năm 2016.	
		1.2. Liên quan tới vấn đề doanh nghiệp vay lại vốn ODA, hiện nay, theo dự thảo Nghị định (Chương VI) thì chỉ doanh nghiệp nhà nước được vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài. Bên cạnh đó, theo Điều 11 dự thảo Nghị định thì khu vực tư nhân (có thể hiểu là bao gồm cả doanh	Chương VI của Nghị định quy định cho vay lại toàn bộ đối với doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn nhà nước để đảm bảo Chính phủ thu hồi được nợ (vì nếu doanh nghiệp không trả được nợ Chính phủ phải trả nợ

		ng nghiệp tư nhân) được tiếp cận vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo một số hình thức nhưng không bao gồm hình thức vay lại. Về vấn đề này, Bộ Tư pháp nhận thấy Luật Quản lý nợ công năm 2017 (Điều 33 và 36) và Nghị định số 97/2018/NĐ-CP quy định đối tượng được vay lại là “doanh nghiệp” nhưng không nêu rõ là chỉ doanh nghiệp nhà nước mới được vay lại. Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định doanh nghiệp có quyền “lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn”. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ phối hợp với Bộ Tài chính (là cơ quan chủ trì xây dựng Quản lý nợ công năm 2017 và Nghị định số 97/2018/NĐ-CP) xác định doanh nghiệp tư nhân có thuộc đối tượng được vay lại hay không, đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật và không làm ảnh hưởng tới quyền, lợi ích của doanh nghiệp.	thay). Quy định này nằm trong phạm vi, đối tượng Chính phủ giao trong việc bổ sung nội dung này trong Nghị định. Doanh nghiệp tư nhân được tiếp cận nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo hình thức gián tiếp được quy định tại Điều 11 của Dự thảo Nghị định.
		1.3. Đối với các quy định tại Chương VI dự thảo Nghị định (doanh nghiệp nhà nước sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài), Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ rà soát các quy định của pháp luật để làm rõ việc doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vay ưu đãi để đầu tư các chương trình, dự án có phải	

		là hoạt động đầu tư công hay không, từ đó xác định văn bản quy phạm pháp luật phù hợp điều chỉnh vấn đề này (Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Đầu tư năm 2020 hay văn bản khác)	
		2. Về tính thống nhất, đồng bộ với các nghị định liên quan của Chính phủ 2.1. Về cơ chế tài chính trong nước, theo khoản 9 Điều 3 dự thảo Nghị định thì đối với vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA viện trợ không hoàn lại cho dự án đầu tư, cơ chế tài chính trong nước là cho vay lại toàn bộ hoặc cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể theo phương thức cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng hoặc chịu rủi ro tín dụng. Theo quy định này thì Chính phủ sẽ cho vay lại cả phần vốn ODA viện trợ không hoàn lại. Tuy nhiên, theo quy định của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ (Nghị định số 97/2018/NĐ-CP) thì việc cho vay lại chỉ áp dụng đối với nguồn vốn mà Chính phủ vay, không có quy định về việc cho vay lại đối với nguồn vốn viện trợ không hoàn lại. Hơn nữa, quy định như trên cũng mâu thuẫn với nội dung khác tại dự thảo Nghị định (ví dụ: theo Điều 51 dự thảo Nghị định thì doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ, không thấy đề cập đến việc doanh nghiệp phải vay lại cả vốn ODA viện trợ không hoàn lại).	Nhất trí và đã chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

		Bên cạnh đó, việc áp dụng cơ chế cho vay lại đối với nguồn vốn viện trợ không hoàn lại này có thể sẽ đi ngược với chính sách của các nhà tài trợ nước ngoài và gây ra hệ quả không có lợi (thực tiễn cho thấy thời gian qua, một số nhà tài trợ khi cho vay thì cũng dành cho Chính phủ Việt Nam một khoản viện trợ không hoàn lại với mục đích “làm mềm” khoản vay). Từ những lý do trên, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ chỉnh sửa quy định nêu trên để phù hợp với các quy định có liên quan.	
		2.2. Về việc tích hợp các quy định quản lý chuyên ngành trong quy trình phê duyệt chương trình, dự án, phi dự án, theo một số quy định của pháp luật chuyên ngành thì quá trình xây dựng, phê duyệt các chương trình, dự án, phi dự án sử dụng viện trợ cần có sự tham gia ý kiến của các cơ quan quản lý chuyên ngành (như đối với chương trình, dự án, phi dự án pháp luật theo Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật hoặc việc xin ý kiến về các vấn đề bảo đảm an ninh trật tự theo Nghị định số 35/2011/NĐ-CP ngày 18/5/2011 của Chính phủ về biện pháp pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội). Tuy nhiên, Nghị định 56/2020/NĐ-CP chưa đề cập tới việc thực hiện các quy định có	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tư pháp về đề xuất này. Vấn đề đặt ra là các nghị định khác ban hành trong thời gian trước đến nay nhiều nội dung không còn phù hợp, chẳng hạn căn cứ ban hành Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 gồm Luật ngân sách nhà nước (2002), Luật quản lý nợ công (2009), Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế ngày (2005) và Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế ngày (2007) trong khi các luật này đã được thay thế.

		liên quan của pháp luật chuyên ngành khi đàm phán, tiếp nhận và quản lý thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA. Điều này dẫn đến thực tế là một số cơ quan, tổ chức không thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật chuyên ngành do các cơ quan, tổ chức này cho rằng chỉ cần thực hiện các thủ tục phê duyệt chương trình, dự án theo Nghị định số 56/2020/NĐ-CP vì Nghị định này được ban hành sau và không quy định việc lấy ý kiến theo các văn bản khác. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, bổ sung quy định tại dự thảo Nghị định để khắc phục vấn đề này.	
		3. Về một số vấn đề khác 3.1. Tại khoản 7 Điều 3 dự thảo Nghị định, Quý Bộ đã bổ sung Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp vào định nghĩa cơ quan chủ quản chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Bộ Tư pháp thấy rằng thời gian qua đã có khó khăn, vướng mắc trong việc xác định cơ quan chủ quản của một số chương trình, dự án (là các Bộ quản lý ngành hay Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp). Vì vậy, việc làm rõ vai trò của Ủy ban này là cần thiết. Tuy nhiên, quy định như tại khoản 7 Điều 3 dự thảo Nghị định vẫn chưa làm rõ được trường hợp nào cơ quan chủ quản là Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại	Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có văn bản đề nghị được bổ sung vào Danh sách cơ quan chủ quản đối với các doanh nghiệp nhà nước được phân công phụ trách.

		doanh nghiệp và trường hợp nào cơ quan chủ quản là cơ quan khác như quy định tại điều khoản này. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, làm rõ thêm để khắc phục triệt để các vướng mắc liên quan đến vấn đề này.	
		3.2. Liên quan đến quy định tại Điều 84 dự thảo Nghị định về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp nhận thấy nội dung tại khoản 1 chưa chính xác (vì theo quy định hiện nay thì Bộ Tư pháp chỉ có nhiệm vụ thẩm định dự thảo điều ước quốc tế, không thẩm định thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi) và nội dung tại khoản 5 trùng với khoản 1. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ bỏ khoản 5 và chỉnh sửa khoản 1 như sau “góp ý, thẩm định dự thảo điều ước quốc tế, góp ý dự thảo thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của pháp luật”. Ngoài ra, đề nghị Quý Bộ bổ sung quy định về việc Bộ Tư pháp cấp ý kiến pháp lý tại Điều 84 dự thảo Nghị định để thống nhất với các quy định tại Chương IV dự thảo Nghị định.	Bộ KHĐT thấy rằng nếu bổ sung cụm từ “tham gia,” trước cụm từ “thẩm định” sẽ không rõ về chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp.
16	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Đối với dự án sử dụng nguồn vốn ODA theo hình thức doanh nghiệp nhà nước tham gia, vay lại 100%, thống nhất với định hướng dự thảo coi đây là các dự án đầu tư không sử dụng nguồn vốn đầu tư công và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy	

		định của Luật Đầu tư. Tuy nhiên, việc này dẫn tới trình tự, thủ tục về đầu tư, quản lý sử dụng vốn ODA có sự khác biệt cơ bản giữa hình thức cho vay lại 100% và các hình thức khác, trong đó có việc đan xen giữa các quy định của Luật Đầu tư công và Luật Đầu tư, rất dễ gây nhầm lẫn, hiểu sai trong quá trình triển khai thực tế. Để thuận lợi trong việc theo dõi và áp dụng, đề nghị Ban soạn thảo xem xét điều chỉnh tên các Chương, Mục để thể hiện rõ đối tượng, phạm vi và Luật mà nội dung Chương, Mục đang căn cứ.	
		Đề nghị bổ sung thuật ngữ “Cho vay lại” theo quy định tại khoản 19, Điều 3 Luật Quản lý nợ công để phù hợp với các nội dung về cho doanh nghiệp vay lại mới được bổ sung vào Dự thảo. Ngoài ra, đề nghị điều chỉnh phạm vi đối tượng doanh nghiệp được phép vay lại là doanh nghiệp nói chung bao gồm cả doanh nghiệp cấp II, III để phù hợp với quy định của Luật Quản lý nợ công. Đối với những doanh nghiệp không phải doanh nghiệp nhà nước, đề nghị giao một cơ quan quản lý nhà nước hướng dẫn trình tự, thủ tục để tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản ODA cho vay lại.	
		Về xác định cơ quan chủ quản đối với DNNN:	

		- Về thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan chủ quản, Khoản 4, 5 Điều 29 Luật Quản lý nợ công quy định như sau: “4. Căn cứ phê duyệt của TTCP, cơ quan chủ quản lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật. 5. Căn cứ chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan chủ quản lập báo cáo nghiên cứu khả thi trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.” - Các quy định nêu trên là phù hợp với trường hợp sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo hình thức đầu tư công. Đối với các dự án tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, Điều 24, Luật 69/2014/QH13 quy định Hội đồng thành viên là cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, do đó để bảo đảm nguyên tắc cơ quan cấp dưới trình cấp trên, cơ quan chủ quản phải là đơn vị cấp dưới của Hội đồng thành viên. Tại khoản 7 Điều 3 dự thảo Nghị định, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có thể là “cơ quan chủ quản” chương trình, dự án sử dụng vốn ODA khi được Nhà nước giao. Tuy nhiên, trong cả 02 trường hợp Bộ quản lý ngành hoặc	
--	--	--	--

		Ủy ban Quản lý vốn nhà nước là cơ quan chủ quản chương trình, dự án ODA của doanh nghiệp, nguyên tắc cấp dưới trình cấp trên đều không được bảo đảm. Do đó, đề nghị có hướng dẫn để làm rõ cơ quan nào (Bộ quản lý ngành, cơ quan đại diện chủ sở hữu hay cơ quan khác) là cơ quan chủ quản đối với các doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp cấp II,III của doanh nghiệp nhà nước) tiếp nhận khoản vay ODA, trong đó lưu ý tới tính chất của nguồn vốn vay lại không còn được coi là nguồn vốn đầu tư công, đồng thời việc quản lý, sử dụng vốn ODA tại doanh nghiệp theo Luật Đầu tư vẫn phải bảo đảm nguyên tắc quản lý nợ công quy định tại Điều 5 của Luật Quản lý nợ công. Doanh nghiệp nhà nước có thể thực hiện quyền và trách nhiệm của cơ quan chủ quản được không?	
		Về trình tự, thủ tục thực hiện dự án: - Việc áp dụng trình tự, thủ tục thực hiện dự án theo Luật Đầu tư đối với các dự án ODA về cơ bản không có vướng mắc. Đây là quy trình tương tự như quy trình đầu dự án dùng vốn doanh nghiệp thông thường, theo đó căn cứ chủ yếu trên các Luật Đầu tư (chấp thuận chủ trương), Luật 69/2014/QH13, Luật Xây dựng (thẩm định, quyết định đầu tư). Các vướng mắc nếu có chủ yếu do không tương thích với Luật Quản lý nợ	

		công, đặc biệt liên quan tới vai trò của “cơ quan chủ quản” như nêu trên. Để giải quyết các vướng mắc này, Ủy ban đề nghị vận dụng Khoản 3 Điều 4, Luật Đầu tư và nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để cho phép không thực hiện trình tự, thủ tục tại Khoản 4,5 Điều 29 Luật Quản lý nợ công. Trường hợp cần thiết có thể xin ý kiến Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội để làm rõ tinh thần áp dụng đúng và thống nhất các quy định của Luật Quản lý nợ công. - Đề nghị bổ sung các quy định cho đối tượng là các doanh nghiệp có vốn của doanh nghiệp nhà nước (doanh nghiệp cấp II, III). Trường hợp cần thiết đề nghị giao một cơ quan quản lý nhà nước hướng dẫn trình tự, thủ tục để tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản ODA cho vay lại đối với doanh nghiệp cấp II, III.	
		Về đề xuất Dự án (Điều 52) Khoản 1 Điều 29 Luật Quản lý nợ công quy định: Các Bộ, ngành, địa phương lập đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Như vậy, Ủy ban không có trách nhiệm lập đề xuất Dự án. Khoản 2 Điều 52 Dự thảo quy định cơ quan chủ quản gửi Bộ KHĐT, Bộ Tài chính đề xuất phương án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	

		nước ngoài. Trường hợp Ủy ban là cơ quan chủ quản dự án đối với các dự án của doanh nghiệp, Ủy ban phải lập và trình đề xuất Dự án theo quy định này, không phù hợp với quy định của Luật Quản lý nợ công nêu trên.	
		Về hình thức đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: - Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, đề nghị rà soát, bổ sung quy định về đầu tư ra ngoài doanh nghiệp để phù hợp với các hình thức đầu tư của doanh nghiệp nhà nước quy định tại Điều 28 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Trước đây, các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo Luật Đầu tư công, do đó không có hình thức đầu tư này. Tuy nhiên, theo Luật Đầu tư, hình thức đầu tư ra ngoài doanh nghiệp (tương ứng với các hình thức đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp, hợp đồng BCC, thành lập tổ chức kinh tế,... quy định tại Điều 21, Luật Đầu tư) là được phép và không bị hạn chế bởi các quy định về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Do đó, đề nghị bổ sung các điều khoản, hướng dẫn về trình tự thủ tục thực hiện đầu tư ra ngoài doanh nghiệp sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.	
		Về điều khoản chuyển tiếp tại điểm b Khoản 7 Điều 98:	

		Nhất trí với phương án 1 tại Dự thảo, theo đó các dự án chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung trường hợp các dự án của doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công trước khi Nghị định này có hiệu lực, nay thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công (bao gồm quyết định đầu tư, thanh, quyết toán,...)	
17	Bộ Công Thương	Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ ODA không hoàn lại: Trình tự thủ tục và các bước báo cáo cơ quan thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cần đưa bổ sung thông tin về thời hạn trả lời của cơ quan thẩm định.	Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ ODA không hoàn lại, việc thẩm định, phê duyệt văn kiện dự án thuộc thẩm quyền của cơ quan chủ quản nên thời hạn cơ quan chủ quản yêu cầu các cơ quan liên quan có ý kiến thực hiện theo yêu cầu tại công văn đề nghị góp ý kiến.
		Hồ sơ trình thẩm định Đề xuất chương trình, dự án; Chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách; Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư cần quy định một cơ quan chủ trì thẩm định để thống nhất các nội dung, vấn đề phát sinh, ý kiến thẩm định không đồng nhất nhằm giải quyết tháo gỡ các vướng mắc tổng quá trình thực hiện.	Dự thảo Nghị định đã quy định rõ Bộ KHĐT là cơ quan được giao chủ trì tổng hợp ý kiến, trình Thủ tướng chính phủ xem xét, phê duyệt.

		Đề nghị bổ sung quy trình hướng dẫn cụ thể cho các dự án phức tạp, có nhiều hợp phần và do nhiều cơ quan, đơn vị thực hiện.	Do hiện nay không còn mô hình dự án Ô nên quy trình thủ tục thực hiện theo từng các dự án (hợp phần) do cơ quan chủ quản dự án (hợp phần) đó chủ trì, thực hiện.
		Xem xét đưa vào đối tượng cụ thể được ưu tiên tiếp cận nguồn vốn vay ODA cho các chương trình, dự án y tế, giáo dục, nghề nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, hạ tầng kinh tế thiết yếu (cấp điện, cấp nước khu vực biên giới và hải đảo) không có khả năng thu hồi vốn.	Nghị định quy định chung các lĩnh vực lớn trên một nguyên tắc chung, các lĩnh vực ưu tiên cụ thể theo định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo từng giai đoạn.
		Tại Điều 52 của Dự thảo Nghị định quy định Đề xuất dự án: “1. Trình tự, thủ tục phê duyệt, hồ sơ và thời gian xem xét; tiêu chí lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này”. Theo Điều 13 của Dự thảo Nghị định thì đối với dự án do doanh nghiệp nhà nước sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi sẽ không rõ thẩm quyền thực hiện đề xuất đầu tư là cơ quan nào (Bộ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) là cơ quan lập Đề xuất dự án. Như vậy, giữa quy định tại Điều 52 và Điều 53 cần làm rõ về Cơ quan lập Đề xuất dự án.	Cơ quan đề xuất chương trình, dự án vay vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó về quản lý doanh nghiệp nhà nước.
		Điều 53: Dự thảo đang quy định thẩm quyền, hồ sơ, trình tự thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		theo quy định của Luật Đầu tư. Tuy nhiên, để rõ ràng và thuận lợi khi thực hiện, đề nghị quy định chi tiết tại Điều 53 Chương VI Nghị định này thẩm quyền, trình tự thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của các Dự án do doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để đầu tư.	
		Tại Điều 54 của Nghị định quy định về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định đầu tư tham chiếu đến các Luật Doanh nghiệp, Xây dựng và Quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp sẽ dẫn đến vướng mắc, không rõ ràng về thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư. Đề nghị quy định rõ ràng về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự thủ tục quyết định đầu tư để thuận tiện cho các cơ quan có liên quan, doanh nghiệp nhà nước để thực hiện. Như vậy, cần phải quy định rõ ràng về cơ quan lập Đề xuất đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư (nên được quy định cụ thể, tương tự tại Điều 14 của Dự thảo).	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Điều 57: Theo quy định về điều chỉnh dự án: “Việc điều chỉnh dự án đầu tư của doanh nghiệp dẫn đến làm tăng tổng mức vốn vay ODA, vay ưu đãi nhà tài trợ nước ngoài, cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh Đề xuất dự án và chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 52, 53 của Nghị định này”.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		Quy định như trên làm phát sinh 02 thủ tục về trình thẩm định, phê duyệt “Đề xuất dự án” và “chủ trương đầu tư” là phù hợp với dự án đầu tư đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đối với dự án đang thực hiện đầu tư thì việc điều chỉnh dự án đầu tư đã có các quy định về thực hiện thủ tục trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư. Vì vậy, xem xét không áp dụng quy định trên đối với các dự án đang thực hiện đầu tư để giảm thủ tục hành chính và không thực sự cần thiết hoặc chỉ quy định điều chỉnh chủ trương đầu tư (tương tự quy định tại Luật Đầu tư). Đề nghị làm rõ đối với trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư mà cụ thể là điều chỉnh tổng mức đầu tư nhưng không làm tăng tổng mức vốn vay ODA (do chủ đầu tư tự thu xếp vốn đối ứng hoặc vay thương mại trong nước cho phần vốn đầu tư phát sinh) thì có cần thực hiện điều chỉnh Đề xuất dự án và chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 52,53 của Nghị định này.	
		Đề nghị lấy ý kiến của các doanh nghiệp nhà nước đang triển khai thực hiện các dự án vay vốn ODA, vay ưu đãi. Hiện nay, việc triển khai các dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi của các doanh nghiệp nhà nước đang rất vướng mắc, đề nghị Bộ KHĐT lấy thêm ý kiến góp ý của các doanh nghiệp nhà nước	Bộ KHĐT đã lấy ý kiến một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

		đang thực hiện các dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.	
		Điều 9, Điều 12 Chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách: “Thẩm quyền quyết định phê duyệt khoản hỗ trợ ngân sách là Thủ tướng chính phủ đối với các chương trình, dự án đầu tư”. Trình tự tiếp theo tại bước phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với các chương trình, dự án được nêu tại Khoản 2, Điều 12 của Nghị định này cũng là Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, các bước thủ tục để chuẩn bị đầu tư mất nhiều thời gian, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu 1 trong 2 phương án: (i) Sửa đổi thu gọn, rõ ràng các nội dung của hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách, các bước cụ thể đánh giá chi tiết được quy định tại Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; (ii) Giảm số lần trình TTCP phải phê duyệt ở 1 trong bước trên.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Điều 48: - Xem xét bổ sung quy định về sử dụng vốn dư đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật thuộc nguồn ODA không hoàn lại; - Tại Khoản 4 Điều 48: quy định bổ sung về thời hạn ra thông báo hủy vốn dư đến nhà tài trợ sau khi các thủ tục trong nước đã hoàn thành.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		Điều 86: Xem xét đưa cơ chế tài chính đặc thù của vốn ODA không hoàn lại cho các dự án hỗ trợ kỹ thuật, theo quy định của nhà tài trợ hoặc Điều ước quốc tế đã ký trong trường hợp khác với các quy định của pháp luật trong nước.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Điều 88: Đề nghị bổ sung thêm quy định đối với các dự án viện trợ không hoàn lại do nhà tài trợ quản lý kinh phí, theo hướng không phải thực hiện việc lập kế hoạch thu chi vốn ODA không hoàn lại 03 năm và hàng năm do việc giải ngân các dự án do nhà tài trợ quản lý kinh phí thực hiện theo quy định của nhà tài trợ và thông thường không giống với quy định của Việt Nam	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.
		Bổ sung các quy định: - Quy định chuyển tiếp về cơ quan chủ quản, công tác quản lý xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, kiểm toán, quyết toán dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã được Bộ quản lý ngành với vai trò cơ quan chủ quản đã phê duyệt đầu tư, đang triển khai thực hiện và nay được chuyển giao cho Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định. - Quy định chuyển tiếp đối với các dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư nhưng chưa thực hiện dự án.	Bộ KHĐT sẽ nghiên cứu hoàn thiện nội dung này.
18	Văn phòng Chủ tịch nước	Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, Chủ tịch nước quyết định việc ký kết điều ước quốc tế	Bộ KH&ĐT sẽ báo cáo Chính phủ về đề xuất này.

		nhân danh Nhà nước, trong đó có các hiệp định tín dụng vay vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ đa phương. Vì vậy, có thể nghiên cứu, bổ sung quy định về việc xin ý kiến của Chủ tịch nước đối với các kế hoạch vay vốn ODA, việc lựa chọn và phê duyệt danh mục chương trình/dự án sử dụng vốn vay ODA từ các nhà tài trợ đa phương, cũng như cơ chế báo cáo Chủ tịch nước về tình hình quản lý, sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch nước.	
		Nghiên cứu, bổ sung quy định về thời gian tối thiểu để Chủ tịch nước xem xét, quyết định việc ký kết điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về ODA (bảo đảm thời gian thẩm định, tránh việc trình Chủ tịch nước với thời gian quá gấp).	Bộ KH&ĐT sẽ nghiên cứu báo cáo Chính phủ về đề xuất này.
		Điều c, Khoản 2 Điều 30 của dự thảo Nghị định đề nghị ghi đúng theo quy định của Khoản 1, Điều 73 Luật Điều ước quốc tế năm 2016.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Điều 50 của dự thảo Nghị định có thể nghiên cứu, bổ sung: trách nhiệm của cơ quan lập báo cáo về chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, nội dung báo cáo; giải pháp, chế tài đối với các chương trình, dự án chậm tiến độ; cơ quan tiếp nhận báo cáo (trong đó có cơ quan Chủ tịch nước đối với các điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước).	Bộ KH&ĐT sẽ nghiên cứu báo cáo Chính phủ về đề xuất này.
19	Văn phòng Quốc hội	Khoản 22 Điều 3: đề nghị liệt kê toàn bộ các khoản vốn dự khác tránh trường hợp không rõ ràng, phát sinh cách hiểu khác nhau.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì thực tế rất khó liệt kê các khoản vốn dự này.

		Điều 5: đề nghị làm rõ sự cần thiết phải bổ sung các dự án về tăng trưởng xanh, đổi mới sáng tạo vì trên thực tế, việc xác định “dự án xanh, dự án đổi mới sáng tạo” là khó thực hiện, việc ưu tiên bố trí vốn có thể dẫn đến phát sinh tiêu cực. Vì vậy cần làm rõ tính cần thiết và quy định chặt chẽ tiêu chí xác định các dự án này.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì đây là những lĩnh vực ưu tiên trong chiến lược và kế hoạch phát triển KT-XT của Việt Nam.
		Điều 33: đề nghị gộp điểm c, d Khoản 1 Điều 33 thành 1 điểm vì trùng nội dung.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Điểm b, Khoản 7 Điều 98: VPQH cho rằng thực hiện theo phương án 1 là hợp lý hơn, tận dụng những thay đổi tích cực của Nghị định mới, đảm bảo các dự án không vướng những hạn chế thời gian vừa qua, có thể thực hiện hiệu quả hơn.	Bộ KHĐT sẽ tổng hợp và đưa ra phương án lựa chọn (PA 1).
		Rà soát, đảm bảo dẫn chiếu chính xác (điểm b Khoản 3 Điều 19 dẫn chiếu sai...)	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
20	Thanh tra Chính phủ	Rà soát sửa một số lỗi chính tả, ví dụ: điểm a,b khoản 5 Điều 3 trùng nội dung, lỗi dấu câu.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
21	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Giải thích từ ngữ (Điều 3) -Thời gian bắt đầu dự án (Khoản 25): Các dự án HTKT do phía nhà tài trợ trực tiếp quản lý tài chính không phải tiến hành thủ tục giao kế hoạch và bố trí vốn để thực hiện dự án. Do đó, định nghĩa về thời gian bắt đầu dự án tại Khoản 25 chỉ phù hợp với các dự án vay. Đối với các dự án HTKT, thời gian bắt đầu dự án là khi điều ước quốc tế được ký kết hoặc có hiệu lực hoặc phía Việt Nam ký thư không phản đối tham gia dự án HTKT.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

		-Định nghĩa ngân hàng phục vụ (Khoản 15): Theo quy định tại Khoản 15, khái niệm ngân hàng phục vụ (NHPV) mới chỉ giới hạn áp dụng đối với các dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài. Trong khi đó, phạm vi điều chỉnh của Nghị định là quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi, do đó Nghị định cần kế thừa quy định của Nghị định 16/2016/NĐ-CP theo hướng định nghĩa NHPV cần bao hàm và áp dụng đối với tất cả các nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định (bao gồm cả vốn ODA không hoàn lại). Việc sửa đổi này cũng nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi vì về bản chất vốn ODA không hoàn lại cũng là vốn ngân sách và cần được quản lý tương tự như vốn vay ODA và vay ưu đãi. Việc lựa chọn ngân hàng phục vụ đối với tất cả các nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi để cần được quản lý một cách thống nhất bởi cơ quan quản lý ngân hàng. Do đó, NHNN kiến nghị sửa Khoản 15 như sau: <i>“Ngân hàng phục vụ là ngân hàng thương mại được người sử dụng (chủ dự án) lựa chọn để thực hiện các giao dịch cho các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi căn cứ ý kiến về ngân hàng đủ điều kiện làm ngân hàng phục vụ cho dự án của NHNN”</i>. Trên cơ sở đó, để thống nhất với quy định sửa đổi tại Khoản 15 nêu trên, NHNN kiến nghị sửa đổi	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì đối với ODA không hoàn lại nhà tài trợ thống nhất với cơ quan chủ quản chọn ngân hàng thương mại phù hợp mở tài khoản của dự án.
--	--	---	---

		Khoản 5 Điều 93 về nhiệm vụ, quyền hạn của NHNN như sau: “ <i>Cho ý kiến về ngân hàng đủ điều kiện làm ngân hàng phục vụ cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi</i> ”.	
		Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án (Điều 19): Đề nghị xem xét lại trích dẫn các điều khoản tại Khoản 3 Điều 19 để đảm bảo trích dẫn đúng các điều khoản viện dẫn tại Luật Đầu tư công và Nghị định này. Khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công không quy định về “<i>cấp có thẩm quyền xét, quyết định</i>” điều chỉnh chương trình, dự án. Quy định tại điểm b khoản 3 không rõ ràng, đề nghị sửa lại như sau: “<i>trường hợp điều chỉnh chương trình/dự án dẫn tới thay đổi các nội dung chính của Quyết định chủ trương đầu tư không quy định tại điểm a khoản 3 Điều này</i>”	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.
		Về thẩm định và quyết định phê duyệt Văn kiện dự án HTKT, phi dự án (Điều 26) Khoản 2g dự thảo Nghị định quy định “<i>Trường hợp dự án, phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống, người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án và không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan</i>”. Để tạo thuận lợi và rút ngắn thời gian phê duyệt, đề nghị tăng thẩm quyền phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án cho cơ quan chủ quản (đối với dự án,	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		phi dự án có quy mô ODA không hoàn lại từ 500.000 đô la Mỹ trở xuống) mà không bắt buộc phải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.	
		Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi (Điều 30): NHNN đã góp ý chi tiết tại văn bản số 3650/NHNN-HTQT ngày 21/5/2021. Đề nghị Bộ KHĐT cân nhắc, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của NHNN tại văn bản trên.	Đã tiếp thu và điều chỉnh phù hợp trong Dự thảo Nghị định.
		Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án (Điều 39): Tiêu đề của Điều 39 là Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban QLDA, do đó, đề nghị chuyển các quy định về Ban QLDA tại Khoản 4,5,6 và 7 sang Điều 35 về thành lập Ban QLDA. Ngoài ra, Khoản 5 Điều 35 đã quy định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban QLDA, do đó, đề nghị Bộ KHĐT rà soát kỹ để đảm bảo tính thống nhất và tránh chồng chéo, lập lại các quy định tại Nghị định. Khoản 1: đề nghị cân nhắc quy định về việc gửi Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban QLDA cho nhà tài trợ nước ngoài. Quy chế là văn bản nội bộ quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban QLDA và không cần thiết phải chia sẻ với nhà tài trợ. Điểm a Khoản 7: Đối với các chương trình, dự án HTKT không tiến hành thủ tục ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, thời điểm kết	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì nội dung quy định tại Điều 35 và Điều 39 là khác nhau. Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

		thúc chương trình, dự án được quy định tại Quyết định phê duyệt Văn kiện chương trình, dự án. Do đó, đề nghị bổ sung quy định này như sau “Thời điểm kết thúc chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi được quy định tại Quyết định đầu tư, Quyết định phê duyệt Văn kiện chương trình, dự án, Điều ước quốc tế...”	
		Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án (Điều 44): Đề nghị rà soát lại Khoản 7 để đảm bảo thống nhất với Khoản 20 Điều 3 về vốn đối ứng, đồng thời cần làm rõ “vốn đóng góp của đối tượng thụ hưởng” theo quy định tại Khoản 20 Điều 3 có thuộc phạm vi quy định tại Điều 44 hay không. Trên cơ sở đó, đề nghị làm rõ quy định tại khoản 1 Điều 87 có áp dụng đối với vốn đối ứng là vốn đóng góp của đối tượng thụ hưởng (tư nhân) không hay chỉ áp dụng với vốn đối ứng thuộc nguồn ngân sách nhà nước.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Vốn dư (Điều 48) Đề nghị sửa điểm a và b Khoản 2 như sau: “a) Cơ quan chủ quản lập đề xuất sử dụng vốn dư trong đó nêu rõ sự cần thiết, tính hiệu quả của việc sử dụng vốn dư và văn bản đồng sử dụng vốn dư của nhà tài trợ gửi Bộ KHĐT; b) Bộ KHĐT chủ trì lấy ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, trình TTCP xem xét, quyết định”.	Đề nghị giữ nguyên trong Dự thảo Nghị định để đảm bảo trách nhiệm đề xuất sử dụng vốn dư của cơ quan chủ quản.

		Chương VI. Doanh nghiệp nhà nước sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Theo quy định về thể thức kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị tách riêng phần tiêu đề và nội dung của Điều 58 và 59.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Mở tài khoản thanh toán cho chương trình, dự án (Điều 60) NHNN kiến nghị giữ nguyên quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 50 Nghị định 56 về mở tài khoản thanh toán cho chương trình dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi không phân biệt chủ dự án vốn ngân sách nhà nước hay chủ dự án là doanh nghiệp nhà nước để đảm bảo tính thống nhất và không phân biệt giữa các chủ dự án. Về bản chất, cần quản lý nguồn vốn này theo hướng đây đều là nguồn vốn ngân sách nhà nước không phân biệt chủ dự án là cơ quan nhà nước hay doanh nghiệp nhà nước. Nội dung quy định ở đây là quản lý dòng tiền của dự án chứ không nhằm tới đối tượng quản lý hoặc sử dụng tiền. Bên cạnh đó, định nghĩa chủ dự án quy định tại Khoản 1 Điều 3 cũng không phân biệt chủ dự án vốn ngân sách nhà nước hay chủ dự án là doanh nghiệp nhà nước. Do đó, không nên quy định tách biệt đối với từng loại chủ dự án như tại dự thảo Điều 60. Việc quy định chủ dự án vốn ngân sách nhà nước chỉ mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước có thể gây khó khăn cho chủ dự án trong quá trình thực	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		hiện dự án. KBNN không có đầy đủ các nghiệp vụ cần thiết để thực hiện toàn bộ các giao dịch cho dự án và vẫn phải sử dụng một số nghiệp vụ của ngân hàng thương mại nhất là trong thanh toán, chuyển tiền quốc tế, LC... Hệ thống chi nhanh KBNN cũng hạn chế hơn rất nhiều so với các ngân hàng thương mại. Ngoài ra, trong thời gian qua việc thực hiện quy định này tại Điều 50 Nghị định 56 không gặp bất kỳ khó khăn, vướng mắc nào và các Bộ ngành cũng không đưa ra kiến nghị về việc sửa đổi quy định này. Chính phủ cũng không chỉ đạo sửa đổi nội dung này tại Nghị định thay thế Nghị định 56.	
		Mở tài khoản thanh toán cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại (Điều 87) NHNN kiến nghị giữ nguyên quy định tại khoản 2 Điều 77 để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với định nghĩa NHPV mà NHNN đã kiến nghị sửa đổi nêu trên trong đó đã bao gồm cả các dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại. Nghị định cần thống nhất sử dụng thuật ngữ NHPV xuyên suốt toàn bộ Nghị định thay thế vì đưa thêm khái niệm ngân hàng thương mại vào Điều 87. Việc quy định cho phép chủ dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại tại ngân hàng thương mại trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ mà không dựa trên ý kiến của bất kỳ cơ quan quản lý nhà nước về ngân hàng nào có thể dẫn đến những rủi ro mất an toàn nguồn vốn và ảnh hưởng đến	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		việc triển khai của dự án. Vốn ODA không hoàn lại cũng là nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước và việc lựa chọn ngân hàng phục vụ cho dự án cần có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về ngân hàng để đảm bảo an toàn nguồn vốn ngân sách nhà nước.	
22	Kiểm toán nhà nước	Tại Điều 3, đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ đối với dự án “tăng trưởng xanh”, “đổi mới sáng tạo” để làm rõ hơn danh mục ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tại khoản 1 Điều 5.	Vì các từ ngữ này đã được sử dụng trong hệ thống văn bản của Chính phủ, Bộ KHĐT thấy rằng không cần thiết phải giải thích.
		Về nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước về vốn ODA tại khoản 2 Điều 6: Đề nghị bổ sung nguyên tắc “Khi tổ chức thực hiện các dự án sử dụng vốn vay, vốn ODA phải ưu tiên các nhà thầu trong nước, trừ trường hợp các công việc nhà thầu trong nước không thực hiện được”.	Không tiếp thu vì hiện nay Việt Nam tham gia nhiều Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) trong đó có các cam kết riêng về mở cửa thị trường trong lĩnh vực mua sắm Chính phủ. Ngoài ra, một số nhà tài trợ nước ngoài như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hungary, Phần Lan,...cung cấp ODA theo phương thức viện trợ có ràng buộc phù hợp với chính sách của Tổ chức OECD nên việc bổ sung nguyên tắc này khó áp dụng.
		Đề nghị bổ sung nội dung “đánh giá, so sánh hiệu quả của việc đề xuất đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi so với sử dụng vốn NSNN” vào khoản 4 Điều 15 (nội dung thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

		dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi) để làm rõ lợi ích, chi phí tăng thêm khi sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi so với sử dụng vốn ngân sách nhà nước.	
		Tại điểm d khoản 2 Điều 13: Đề nghị quy định cụ thể thời gian Bộ Tài chính, Bộ KHĐT trả lời đơn vị đề xuất trong trường hợp hồ sơ đề xuất không hợp lệ hoặc nội dung đề xuất chương trình, dự án không phù hợp với quy định cho đầy đủ và chặt chẽ.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.
		Đề nghị bổ sung vào đoạn cuối khoản 6 Điều 33 nội dung: <i>“ưu tiên sử dụng hàng hóa Việt Nam, nhà thầu Việt Nam thực hiện các công việc có đủ năng lực thực hiện”</i> để tạo thuận lợi hơn cho hàng hóa, nhà thầu Việt Nam trong việc tiếp cận, tham gia các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.	Không tiếp thu vì hiện nay Việt Nam tham gia nhiều Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) trong đó có các cam kết riêng về mở cửa thị trường trong lĩnh vực mua sắm Chính phủ. Ngoài ra, một số nhà tài trợ nước ngoài như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hungary, Phần Lan,...cung cấp ODA theo phương thức viện trợ có ràng buộc phù hợp với chính sách của Tổ chức OECD nên việc bổ sung nguyên tắc này khó áp dụng
		<i>Tại khoản 2, Điều 78: Đề nghị bổ sung và biên tập lại như sau cho đầy đủ và chặt chẽ: Đối với các khoản tiền nhà tài trợ thanh toán trực tiếp bằng VNĐ, áp dụng tỷ giá thanh toán trực thực tế của nhà tài trợ giữa đồng tiền nhận nợ và đồng</i>	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		<i>tiền thanh toán trong trường hợp nhà tài trợ có ban hành quy định về tỷ giá giữa đồng tiền nhận nợ và đồng tiền thanh toán (VND). Trường hợp, nhà tài trợ không ban hành quy định về tỷ giá giữa đồng tiền nhận nợ và đồng tiền thanh toán thì áp dụng tỷ giá trung tâm đối với ngoại tệ nhận nợ là USD và tỷ giá tính chéo đối với ngoại tệ nhận nợ khác USD do Ngân hàng nhà nước công bố tại ngày rút vốn vay.</i>	
		Để việc quản lý vốn ODA và vốn vay ưu đãi chặt chẽ, hiệu quả, đề nghị quy định rõ về trình tự, thủ tục kiểm soát chi; việc theo dõi đối với các khoản vay của doanh nghiệp nhà nước vay vốn ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ.	Bộ Tài chính đã quy định trong Dự thảo Nghị định.
23	Văn phòng Trung ương Đảng	Về đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi (Điều 13) đề nghị trong quá trình lập, trình đề xuất dự án, phải lấy ý kiến góp ý của bộ quản lý ngành có liên quan để bảo đảm phù hợp với chiến lược, định hướng, quy hoạch phát triển ngành.	Tại điểm c, Khoản 2, Điều 13 quy định: “Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan liên quan về Đề xuất chương trình, dự án” nên cần thiết quy định cụ thể việc lấy ý kiến cơ quan quản lý ngành.
24	Ủy ban dân tộc	<i>Về quản lý thực hiện chương trình, dự án, phi dự án (Chương V): Do đặc thù của một số chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài được triển khai thực hiện tại cơ quan trung ương và một số tỉnh, vì vậy tại Chương này nên có 01 Điều hướng dẫn đối với các dự án thực hiện ở nhiều cơ quan, địa phương khác nhau, nên chọn 01 cơ quan ở trung ương hoặc địa phương</i>	Đề nghị giữ nguyên trong Dự thảo Nghị định vì đã có quy định cụ thể về trường hợp này.

		<i>làm đầu mối trong việc tổng hợp Đề xuất dự án, tổng hợp Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, cũng như làm nhiệm vụ kết nối, tổng hợp kế hoạch các nguồn vốn, giá trị giải ngân từng nguồn vốn theo định kỳ hoặc đột xuất và các công tác có liên quan khác để đôn đốc, trình các thủ tục phê duyệt trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện dự án, đảm bảo dự án được triển khai thuận lợi, đáp ứng tiến độ và mục tiêu đề ra.</i>	
		Để giảm gánh nặng ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội, đề nghị xem xét, chỉnh sửa bổ sung nội dung nêu tại khoản 3, Điều 5 như sau: “Vốn vay ưu đãi được ưu tiên sử dụng cho chương trình, dự án vay về để cho vay lại theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước trong lĩnh vực phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội mà việc huy động vốn từ các nguồn/hình thức khác không khả thi (như khu vực tư, PPP...)”.	Đề nghị giữ nguyên trong Dự thảo Nghị định vì việc huy động vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài phụ thuộc vào nhiều yếu tố.
		Trong khi thủ tục trình phê duyệt đề xuất dự án (bước PP) của nhiều dự án sử dụng cùng một khoản vốn ODA, vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài được nêu cụ thể, rõ ràng tại khoản 4, Điều 13 đã làm đơn giản hóa quy trình thủ tục, phù hợp với thực tế và hiệu quả thì quy trình không được đề cập tại bước trình phê duyệt/quyết định chủ trương đầu tư (bước IP). Vì mới chỉ đáp ứng quy	Đề nghị giữ nguyên trong Dự thảo Nghị định để tránh trình trạng lặp lại mô hình dự án “Ô” trong thời gian vừa qua.

		trình thủ tục của phía Việt Nam (chưa hài hòa thủ tục với nhà tài trợ) nên thực tế dự án gặp rủi ro cao.	
		Về quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án (Điều 39), đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung mẫu “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án” để thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định.	Mẫu “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án” nêu tại Phụ lục VIII của Dự thảo Nghị định.
		Để đảm bảo 2 yếu tố “cần và đủ” cho nội dung nêu tại khoản 1, Điều 44, đề nghị xem xét, bổ sung cụm từ “ <i>kịp thời, đáp ứng tiến độ</i> ” như sau: “1. Vốn đối ứng phải được đảm bảo đầy đủ, <i>kịp thời, đáp ứng tiến độ</i> để chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án...”	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.
		Về sử dụng vốn dự (Điều 48): Để đảm bảo tính chuẩn xác, hiệu quả của dự án (từ khâu xây dựng, lập, thiết kế dự án đến đấu thầu, thực hiện dự án), trong điều kiện nguồn vốn vay hạn chế và đã “tốt nghiệp ODA”, đề nghị cân nhắc việc cho phép sử dụng vốn dự của các dự án.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì việc sử dụng vốn dự của dự án này cho dự án khác rất phức tạp, phải có sự đồng ý của nhà tài trợ và sửa đổi điều ước quốc tế, thỏa thuận vay.
		Một số các tổ chức tài trợ quốc tế cung cấp vốn dưới các hình thức như bảo lãnh vay vốn, hỗ trợ giải pháp thực hiện dự án...theo chính sách “rủi ro không phải hoàn lại vốn – thành công phải trả phí”. Đề nghị bổ sung thêm một “Điều” để làm rõ quy trình thủ tục xử lý đối với khoản tài trợ này.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
25	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ	Đề nghị Quý Bộ nghiên cứu tiếp tục đơn giản hóa các quy trình, thủ tục liên quan tới thực hiện các	Chủ trương thực hiện dự án chỉ áp dụng đối với những lĩnh vực

		dự án (hiện vẫn đang chưa rõ quy trình, thủ tục giữa trình chủ trương thực hiện dự án và trình phê duyệt văn kiện dự án).	(khung chính sách, an ninh, quốc phòng, tôn giáo, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước) thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trước khi cơ quan chủ quản phê duyệt văn kiện dự án HTKT, phi dự án. Việc phê duyệt. Quy định này là cần thiết.
		Đề nghị quý Bộ nghiên cứu tiếp tục đề nghị đưa các trường hợp đặc biệt (đối với việc cho vay lại của các đơn vị sự nghiệp công lập) vào điều khoản chuyển tiếp của Nghị định thay thế nghị định 56, giúp cho các đơn vị giải quyết được việc tiến hành các thủ tục lập đi lập lại nhiều lần.	Nội dung này đã được quy định trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 97/2018/NĐ-CP.
26	Học viện chính trị quốc gia HCM	Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định	
27	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định	
28	Đài Truyền hình Việt Nam	Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định	
29	Thông tấn xã Việt Nam	Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định	
30	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Thống nhất với dự thảo nghị định.	
31	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Điều 3. Giải thích từ ngữ - Khoản 9: Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi (sau đây gọi là “cơ chế tài chính trong nước”) là quy định về việc sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ ngân sách nhà nước cho chương trình, dự án, bao gồm:...(Để bao	- Không nhất trí vì nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài theo quy định thuộc Ngân sách nhà nước.

	gồm cả đối tượng doanh nghiệp vay lại 100% vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ). - Khoản 10: Đề nghị bổ sung: Dự án hỗ trợ kỹ thuật là dự án có mục tiêu hỗ trợ công tác nghiên cứu chính sách..., hỗ trợ một số trang thiết bị, xây dựng mô hình trình diễn, chuẩn bị, thực hiện dự án đầu tư. Dự án hỗ trợ kỹ thuật độc lập và dự án hỗ trợ kỹ thuật để chuẩn bị dự án đầu tư. - Khoản 11: Đề xuất chương trình, dự án đầu tư ...làm cơ sở để cấp có thẩm quyền cho phép lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Quy định Đề xuất chương trình, dự án phải được duyệt mới cho phép lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi sẽ dẫn đến trượt tiến độ ký kết khoản vay, kéo dài thời gian chuẩn bị và trượt tiến độ dự án. Vì vậy, cần phải đưa vào hoạt động được thực hiện trước.	- Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định. - Không nhất trí vì các khâu này đã được quy định trong Luật Đầu tư công. Việc tiến hành đồng thời Đề xuất chương trình, dự án, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi sẽ lãng phí trong trường hợp Đề xuất chương trình, dự án không được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
	Điều 5. Ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Khoản 1: Đề nghị bổ sung: Vốn ODA không hoàn lại được ưu tiên sử dụng để thực hiện chương trình, dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.... tăng trưởng xanh; đổi mới sáng tạo; thí điểm công nghệ mới; an sinh xã hội; chuẩn bị các dự án đầu tư hoặc đồng tài trợ cho dự án sử dụng vốn vay ưu đãi nhằm làm tăng thành tố ưu đãi của khoản vay.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định. Việc bổ sung lĩnh vực ưu tiên cho phép các dự án hạ tầng năng lượng điện có khả năng thu hồi vốn được vay lại vốn vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Phát triển (không chịu rủi ro tín dụng) thực hiện theo quy định của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

		Khoản 3. Vốn vay ưu đãi được ưu tiên sử dụng cho chương trình, dự án vay về để cho vay lại theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước trong lĩnh vực phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Đề nghị bổ sung lĩnh vực ưu tiên cho phép các dự án hạ tầng năng lượng điện có khả năng thu hồi vốn được vay lại vốn vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Phát triển (không chịu rủi ro tín dụng).	
		Điều 6. Nội dung, nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước về vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Kiến nghị làm rõ thẩm quyền quyết định đối với <i>vật tư, thiết bị dự phòng đặc biệt</i>. Trường hợp vật tư, thiết bị này đã được nêu trong đề xuất dự án/báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt thì không cần trình duyệt lại.	Không nhất trí vì các vật tư, thiết bị dự phòng đặc biệt này được xác định trong quá trình thực hiện dự án.
		Điều 7. Nguyên tắc áp dụng cơ chế tài chính trong nước đối với vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi Khoản 1. Đề nghị bổ sung: Đối với chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương, <i>các dự án đầu tư vì mục đích an sinh xã hội, không có khả năng thu hồi vốn, các chương trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này</i>: Cấp phát toàn bộ vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài từ ngân sách trung ương.	- Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		Bổ sung cơ chế cấp phát toàn bộ đối với các khoản viện trợ không hoàn lại. Khoản 3: Kiến nghị đối với các đơn vị vay lại có hệ số tín nhiệm ngang bằng Chính phủ Việt Nam, đề nghị áp dụng cơ chế cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng.	- Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định. - Đề nghị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP của Chính phủ.
		Điều 11. Khu vực tư nhân tiếp cận vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Khoản 2. Đề nghị làm rõ trường hợp doanh nghiệp tiếp cận vốn ODA, vốn vay ưu đãi để tham gia dự án PPP áp dụng theo quy định Nghị định này/quy định Luật Đầu tư theo hình thức PPP. Đề nghị bổ sung quy định về quy trình tiếp nhận viện trợ đối với khu vực tư nhân và trong trường hợp dự án độc lập, không thông qua tham gia thực hiện chương trình, dự án của cơ quan chủ quản theo hướng đơn giản hoá.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Điều 17. Các hoạt động thực hiện trước Đề nghị bổ sung thêm các hoạt động thực hiện trước, như công tác đấu thầu... và: <i>“Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi”</i>.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Điều 13. Đề xuất Chương trình, dự án vay vốn ODA, vốn vay ưu đãi Khoản 1: (a) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương lập Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài gửi Bộ Kế	Đã bổ sung cơ quan lập đề xuất chương trình, dự án đối với trường hợp doanh nghiệp vay lại toàn bộ vốn ODA, vốn vay ưu

		hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật. Đề nghị làm rõ cơ quan lập Đề xuất chương trình đối với trường hợp doanh nghiệp vay lại 100% vốn ODA, vốn vay ưu đãi.	đãi là doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn nhà nước.
		CHƯƠNG V. Đề nghị bổ sung quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án, phi dự án cần bổ sung vào Chương VI theo nguyên tắc: + Về quản lý nguồn vốn: Thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; + Về quản lý chương trình, dự án (từ khâu chuẩn bị đầu tư như lập BCNCKT, chấp thuận chủ trương đầu tư...đến quyết toán dự án): Thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đấu thầu.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Điều 48. Vốn dự Quy định chỉ phù hợp với các dự án đầu tư công (Khoản 3). Kiến nghị bổ sung quy định hướng dẫn đối với trường hợp các dự án không phải là dự án đầu tư công sử dụng vốn dự bao gồm trường hợp tận dụng vốn dự để đầu tư bổ sung các dự án mới, phù hợp với mục tiêu của dự án và do Cơ quan chủ quản phê duyệt mà không phải trình TTCP phê duyệt lại. Khoản 4: Trường hợp phát sinh phí hủy vốn hoặc các loại phí khác, cơ quan chủ quản tổng hợp ý	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		kiến của Bộ KHĐT và đề nghị Bộ Tài chính hủy vốn dư của chương trình, dự án. Trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ quản, Bộ Tài chính báo cáo TTCP cho phép hủy vốn dư trước khi thông báo hủy vốn dư cho nhà tài trợ. Đề nghị không áp dụng	
		CHƯƠNG VI. Chương VI. Quy định quy trình, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt, trách nhiệm của các bên liên quan và điều chỉnh dự án. Các nội dung còn lại quy định trong các Chương khác cho nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho vay lại nhưng không đầy đủ và bị trùng lặp. Đề nghị quy định cơ quan chủ quản là Bộ quản lý ngành (ví dụ: Đối với EVN cơ quan chủ quản là Bộ Công Thương). Đề nghị sửa lại tên Chương VI: Doanh nghiệp nhà nước sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.	Theo Dự thảo Nghị định, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp được quy định là cơ quan chủ quản. Quy định này được xem xét trên cơ sở đề nghị của Ủy ban. Không nhất trí vì Chương VI chỉ áp dụng cho đối tượng là DNNN sở hữu 100% vốn nhà nước.
		Điều 51. Lĩnh vực sử dụng vốn vay Đề nghị bổ sung: Doanh nghiệp nhà nước và <i>công ty con do DNNN nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i> , vay lại 100% vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài để đầu tư thuộc lĩnh vực ưu tiên quy định tại Điều 5 của Nghị định 49 này, phù hợp với ngành, nghề kinh doanh trong quyết định thành lập, <i>Điều lệ tổ chức và hoạt động</i> hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	Không nhất trí vì đơn vị thành viên cấp II, III của doanh nghiệp nhà nước không có cơ quan chủ quản và hạn mức vay của doanh nghiệp nhà nước được tính chung cho toàn bộ hệ thống gồm Doanh nghiệp nhà nước, đơn vị thành viên cấp II, III của doanh nghiệp nhà nước.

	Đề nghị xem xét các quy định về trình tự chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định dự án đầu tư... đối với trường hợp DNNN tham gia liên doanh đầu tư theo phương thức hợp tác công tư. Chỉ áp dụng được sau khi Khoản 3 Điều 5 được bổ sung lĩnh vực ưu tiên được bổ sung cho phép các dự án hạ tầng năng lượng điện có khả năng thu hồi vốn được vay lại vốn vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Phát triển (không chịu rủi ro tín dụng) như góp ý trên. Kiến nghị bổ sung: Điều kiện sử dụng viện trợ không hoàn lại của DNNN theo hướng DNNN ghi tăng vốn nhà nước trong trường hợp vốn viện trợ không hoàn lại hình thành tài sản cố định và Bộ Tài chính có hướng dẫn trong các trường hợp không hình thành tài sản cố định; Bổ sung quy định đối với các DN có hệ số tín nghiệm ngang bằng Chính phủ thì được áp dụng cơ chế cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định, đối với lĩnh vực ưu tiên cụ thể thực hiện trên cơ sở định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo từng thời kỳ. - Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định theo hướng DNNN ghi tăng vốn nhà nước trong trường hợp vốn viện trợ không hoàn lại hình thành tài sản cố định. - Đề nghị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP của Chính phủ
	Điều 52. Đề xuất dự án Khoản 1: Trình tự, thủ tục phê duyệt, hồ sơ và thời gian xem xét; tiêu chí lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này. Đề nghị làm rõ (a) Khoản 1 Điều 13 về cơ quan đề xuất chương trình trường hợp dự án doanh nghiệp cho vay lại.	Cơ quan gửi đề xuất chương trình, dự án cho Bộ KHĐT là cơ quan chủ quản.

		Điều 53. Chấp thuận chủ trương đầu tư Khoản 1: Đề thống nhất trong quá trình quản lý chương trình, dự án, đề nghị xem xét, quy định rõ nguyên tắc: + Về quản lý nguồn vốn: Thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; + Về quản lý chương trình, dự án (từ khâu chuẩn bị đầu tư như lập BCNCKT, chấp thuận chủ trương đầu tư...đến quyết toán dự án): Thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đấu thầu.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Điều 57. Điều chỉnh dự án Đề nghị bổ sung quy định trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án không làm thay đổi mục tiêu dự án, không làm tăng tổng mức vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo hướng đơn giản hóa thủ tục – không phải thực hiện thủ tục phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.
		Điều 59. Các nội dung khác về quản lý, tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá, chế độ báo cáo thực hiện theo quy định hiện hành. Đề nghị quy định rõ.	Đề nghị giữ nguyên trong Dự thảo Nghị định.
		Khoản 2 Điều 60: Tài khoản vốn đối ứng: Chủ dự án mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện giao dịch (sau đây gọi là Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch) để thực hiện việc kiểm soát,	- Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

		thanh toán đối với nguồn vốn đối ứng (nguồn vốn trong nước) của dự án. Đề nghị bổ sung: Tài khoản vốn đối ứng: Chủ dự án mở...; <i>DNNN, công ty con do DNNN nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay lại mở tài khoản tại ngân hàng thương mại do chủ dự án lựa chọn.</i>	- Không tiếp thu vì DNNN nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định.
		Điều 82. Chế độ kế toán, kiểm toán, quyết toán Đề nghị làm rõ về áp dụng chế độ kiểm toán.	Đề nghị giữ nguyên trong Dự thảo Nghị định.
		Điều 98. Xử lý chuyển tiếp Khoản 7: (a) Phương án 1: “Đối với những dự án cho doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục tài trợ hoặc chủ trương đầu tư dự án trước khi Nghị định này có hiệu lực: Thực hiện theo quy định của Nghị định này”. Cần phải làm rõ đầy đủ trình tự, thủ tục quy định tại Chương VI. (b) Phương án 2: “Đối với những dự án cho doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục tài trợ hoặc chủ trương đầu tư dự án trước khi Nghị định này có hiệu lực: Tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 và Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn	Đã nghiên cứu, tiếp thu và điều chỉnh phù hợp trong Dự thảo Nghị định.

		ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài”. Nếu theo trình tự ND 16, 132 thì không phải thực hiện điều chỉnh quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư khi thực hiện điều chỉnh chương trình, dự án, gia hạn khoản vay. Kiến nghị làm rõ khi quy định khi trình tự thủ tục và điều kiện áp dụng.	
32	Tổng công ty phát triển hạ tầng và đầu tư tài chính Việt Nam	Thống nhất với dự thảo nghị định.	
33	Tổng công ty ĐT phát triển đường cao tốc Việt Nam	Điểm a Khoản 3 Điều 19 của dự thảo Nghị định có đề cập đến việc cơ quan chủ quản báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công là quy định về Điều kiện để chương trình, dự án...được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn. Đề nghị xem lại nội dung này.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Điểm b Khoản 3 Điều 19 có đề cập đến “trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này...”. Tuy nhiên Khoản 2 Điều 19 không có điểm a. Đề nghị xem lại nội dung này.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Tại khoản 1 Điều 48 – Vốn dư của Dự thảo Nghị định có quy định: “Vốn dư chỉ được sử dụng sau khi đã bố trí đầy đủ vốn để hoàn thành các mục tiêu của dự án”. Tuy nhiên đối với các dự án gồm	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

		nhiều khoản vay phân kỳ thì đã có trường hợp phải sử dụng vốn dư của khoản vay phân kỳ này để thực hiện cho các hạng mục của khoản vay phân kỳ khác do khoản vay đó đã hết thời hạn hoặc hết vốn (như trường hợp dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành của VEC) nhằm hoàn thành các mục tiêu của dự án thì khái niệm việc sử dụng vốn dư “sau khi đã bố trí đầy đủ vốn để hoàn thành các mục tiêu của dự án” sẽ gặp vướng mắc về thủ tục do vẫn chưa đủ vốn để hoàn thành các mục tiêu của dự án. Đề nghị có quy định rõ hơn trong trường hợp này.	
		Về nội dung Điều 98 – Xử lý chuyển tiếp: Đề nghị bổ sung điều khoản xử lý chuyển tiếp trong trường hợp Điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với những dự án cho doanh nghiệp nhà nước vay lại theo cơ chế tài chính hỗn hợp (cấp phát từ ngân sách nhà nước và vay lại) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục tài trợ hoặc chủ trương đầu tư dự án trước khi Nghị định này có hiệu lực thì được thực hiện theo Phương án 2 như Dự thảo Nghị định đã nêu.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.
34	Ban QLCT đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (Bộ Y tế)	Tại khoản 5, Điều 3: điểm a và b trùng nhau, đề nghị bỏ bớt.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Tại điểm d, khoản 9, Điều 3: Phương thức cho vay lại nên tách riêng không nên để trong khái niệm cơ chế tài chính vì không phù hợp.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

		Tại khoản 10, Điều 3: Nếu đã giải thích dự án hỗ trợ kỹ thuật là gì thì nên giải thích luôn các loại hình khác như dự án đầu tư, dự án hỗn hợp. Tốt nhất là để dễ hiểu nên quy định có bao nhiêu loại dự án và giải thích rõ từng loại dự án là gì.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.
		Tại khoản 11, Điều 3: Nếu chỉ có chương trình, dự án đầu tư cần thực hiện bước xây dựng Đề xuất chương trình, dự án thì nên giải thích rõ là trong các loại chương trình, dự án chỉ có chương trình, dự án đầu tư là cần xây dựng Đề xuất chương trình, dự án, cụ thể:....(xem biểu mẫu tại Phụ lục...).	Không nhất trí vì đã quy định quy trình, thủ tục cụ thể với từng loại hình chương trình, dự án.
		Tại khoản 13 và 19, Điều 3: Đề nghị thay “Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” bằng “Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.	Không nhất trí vì đây là quy định chung.
		Khoản 12 và 13, Điều 3: Giải thích còn quá khó hiểu cho các cán bộ quản lý thực hiện chương trình, dự án. Nên làm rõ khái niệm: Điều ước quốc tế: được quy định tại Luật Điều ước quốc tế. Thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi không phải là điều ước quốc tế chỉ là thỏa thuận giữa Chính phủ và nhà tài trợ được ghi cụ thể trong hiệp định ký kết giữa Chính phủ và nhà tài trợ.	Không nhất trí vì những nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.
		Tại khoản 22, Điều 3: Nên giải thích vốn dư là vốn phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình, dự án bao gồm vốn còn lại sau khi thực hiện các hoạt động như hoạt động mua sắm đầu thầu,	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		thay đổi tỷ giá. Còn các loại vốn khác như vốn dự phòng, vốn không sử dụng do hủy hoạt động hoặc hoạt động không thể triển khai thực hiện không nên gộp vào vốn dư, mà nên gọi chung là vốn chưa sử dụng.	
		Đề nghị xem lại khoản 23, Điều 3: Đọc xong không hiểu. Nếu muốn nói khoản viện trợ khẩn cấp sẽ không bị chi phối bởi quy định của Chính phủ thì nên viết “Viện trợ khẩn cấp là khoản vốn ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cung cấp cho Việt Nam nhằm cứu trợ, khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định của Chính phủ về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp...”. Tuy nhiên, viện trợ khẩn cấp không theo quy định của Chính phủ về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp thì theo quy định nào, cần làm rõ.	Không nhất trí vì nội dung này ngoài phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Nghị định.
		Đề nghị xem lại khoản 24, Điều 3: Đối với một chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi, luôn có 03 tài liệu pháp lý quan trọng (i) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, (ii) Quyết định phê duyệt văn kiện dự án (Quyết định đầu tư) và (iii) Hiệp định. Theo logic và trình tự thực hiện thì thời gian thực hiện chương trình, dự án xác định trong cả 3 tài liệu đều phải trùng nhau. Thông thường trong Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và Quyết định đầu tư chỉ ghi số năm (từ năm nào đến năm	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

		nào), còn trong Hiệp định sẽ có ngày cụ thể (ngày ký kết, ngày Hiệp định có hiệu lực, ngày đóng dự án). Trên thực tế có những Hiệp định thời gian lại nhiều hơn hoặc ít hơn hai Quyết định của Việt Nam, vậy phải điều chỉnh theo Quyết định nào. Tốt hơn hết, chỉ nên quy định thời gian thực hiện chương trình, dự án là khoảng thời gian....được xác định trong Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, trong trường hợp các tài liệu khác có sự khác biệt phải điều chỉnh theo. Tuy nhiên việc này lại gây khó khăn, thủ tục phức tạp trong quá trình đề nghị gia hạn Hiệp định do: Muốn gia hạn Hiệp định phải đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư trước (đang thực hiện theo Nghị định 56/2020/NĐ-CP) và như vậy không làm giảm bớt được thủ tục. Với các lý do nêu trên khoản 24 nên quy định rõ hơn: “Thời gian thực hiện chương trình, dự án là khoảng thời gian....được xác định trong Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Trong trường hợp gia hạn thời gian thực hiện và hoàn thành dự án mà không làm thay đổi đến các nội dung khác trong Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư thì chỉ cần tiến hành thủ tục gia hạn Hiệp định và điều chỉnh Quyết định đầu tư”.	
		Đề nghị xem lại khoản 25, Điều 3: Theo Hiệp định, thời gian Hiệp định có hiệu lực thông thường là 03 tháng sau ngày ký, từ thời điểm này phía Việt Nam có thể rút vốn và giải ngân. Nếu	Không nhất trí vì không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (dự toán, kế hoạch vốn,...).

		quy định thời gian bắt đầu dự án là thời điểm dự án được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch, bố trí vốn lần đầu tiên để thực hiện dự án sẽ dẫn đến khả năng chậm tiến độ và đổ lỗi trách nhiệm. Vì vậy, Quý Bộ nên cân nhắc, trong trường hợp vẫn cần xác định rõ thời gian bắt đầu dự án thì nên lấy thời điểm Hiệp định có hiệu lực.	
		Tại Điều 4: Nên giải thích rõ hơn hoặc đưa vào Điều 3 “thế nào là phương thức cung cấp vốn ODA theo chương trình, dự án, phi dự án và hỗ trợ ngân sách”. Ví dụ: Chương trình của chúng tôi bao gồm 02 loại vốn ODA: Vốn ODA không hoàn lại và vay. Vốn vay ODA của chương trình thực hiện theo phương thức hòa đồng ngân sách để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được hiểu là phương thức hỗ trợ ngân sách hay vẫn là cung cấp theo Chương trình. Vốn không hoàn lại: được nhà tài trợ chuyển trực tiếp cho Chương trình thì được hiểu là phương thức cung cấp vốn theo chương trình đúng hay sai. Như vậy, có phải một chương trình, dự án có thể có nhiều phương thức cung cấp vốn ODA. Quý Bộ cần giải thích và hướng dẫn cụ thể, rõ ràng hơn cho các cơ quan thực hiện chương trình, dự án.	Đây là phương thức cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Phương thức BQLDA nêu hoặc là trộn vốn hoặc là riêng rẽ. Cần xác định rõ để thực hiện theo quy định của Nghị định đối với từng loại hình.
		Điểm a và e, khoản 2, Điều 6: Nên có phụ lục chi tiết các khoản mục chi thường xuyên và chi đầu	Dự thảo Nghị định chỉ đưa ra nguyên tắc theo phương pháp

		tư phát triển. Việc này giúp cho các cơ quan có nhu cầu sử dụng vốn vay ODA xác định được một cách chính xác các nội dung đầu tư, từ đó thiết kế, xây dựng chương trình, dự án đúng quy định ngay từ đầu.	loại trừ các hạng mục chi thường xuyên trong các dự án đầu tư sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.
		Khoản 1, Điều 8: Nên chỉ để “Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi:” bỏ bớt “chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại; dự án hỗ trợ kỹ thuật”. Hai loại chương trình, dự án này đã được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 8 thực hiện thủ tục rút gọn.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Khoản 1, Điều 12: Đề nghị cho biết “Chương trình đầu tư công” là gì, khác nhau như thế nào so với “Chương trình đầu tư”.	Chương trình đầu tư công được quy định trong Luật đầu tư công.
		Điểm a, Khoản 2, Điều 12: Đề nghị thống nhất sử dụng cụm từ “chương trình, dự án sử dụng vốn ODA” thay cho “chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA” vì tất cả các dự án sử dụng vốn vay đều là dự án đầu tư, chỉ có vốn ODA không hoàn lại mới phân thành dự án đầu tư và dự án hỗ trợ kỹ thuật.	Không nhất trí vì quy định tại Dự thảo Nghị định đã cụ thể và rõ ràng.
		Đề nghị xem lại điểm c, Khoản 2, Điều 12: Dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn vay ODA hay vốn ODA không hoàn lại để chuẩn bị dự án đầu tư, vì vốn vay chỉ được dùng để chi đầu tư.	
		Đề nghị bổ sung thẩm quyền phê duyệt đề xuất chương trình, dự án vì liên quan đến Điều 13 – Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

		Khoản 4, Điều 13: Trường hợp cơ quan chủ quản các dự án thống nhất và ủy quyền bằng văn bản,... đề nghị bổ sung “Trường hợp cơ quan chủ quản các dự án không thống nhất...” Nên bỏ khoản 5, Điều 13 vì đã được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 8 thực hiện thủ tục rút gọn.	- Trường hợp cơ quan chủ quản các dự án không thống nhất sẽ thực hiện thủ tục riêng rẽ. - Nhất trí bỏ khoản 5, Điều 13.
		Đề nghị xem lại Điều 14: Thống nhất trích dẫn thực hiện theo Luật Đầu tư công thì không giải thích thêm, còn nếu đã giải thích thì nên cụ thể ở tất cả các khoản. Khoản 7, Điều 14: Lý do tại sao đang trong mục phê duyệt đề xuất chủ trương đầu tư lại có thêm “Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi”. Có phải “Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư” chính là “Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Tương tự như khoản 7, Điều 14, tại Điều 15: Điểm a, khoản 1 đề cập đến Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư. Điểm b, khoản 1 lại là Tờ trình thẩm định “Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi”. Đề nghị làm rõ: Tại điểm a, khoản 1 cơ quan chủ quản có phải trình “Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi” cùng với “Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư” không. Nếu hai Báo cáo này tương tự nhau thì quy định rõ khi nào trình “Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi”, trường hợp nào trình “Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư”.	Nội dung này đã được quy định tại Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng.
		Tại điểm a, khoản 3, Điều 19: Cơ quan chủ quản báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

		định theo quy định tại khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công. Trong khi đó tại khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công: Liên quan tới quy định điều kiện để các chương trình, dự án được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, không liên quan tới chủ trương đầu tư. Mặt khác, người đứng đầu Cơ quan chủ quản là Bộ trưởng/tương đương nếu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định thì chỉ có báo cáo Thủ tướng Chính phủ, như vậy quy trình không khác nhiều so với phê duyệt điều chỉnh Chủ trương đầu tư.	
		Tại Điều 48 quy định về vốn dự: Tại khoản 1 quy định vốn dự chỉ được sử dụng sau khi đã bố trí đầy đủ để hoàn thành các mục tiêu của dự án. Quy định này rất chung chung và khó thực hiện do: + Các mục tiêu của dự án chỉ hoàn thành khi dự án kết thúc hoặc tại thời điểm các hoạt động kết thúc, như vậy khi xác định được khoản vốn dự thì dự án đã hết thời gian, muốn sử dụng được vốn dự phải đề xuất gia hạn thời gian thực hiện. + Thông thường các dự án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp khi Nhà tài trợ nước ngoài tiến hành đánh giá giữa kỳ (Mid-term review), vì vậy nếu được phép sử dụng vốn dự nên xác định và đề xuất tại thời điểm này.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		+ Để đảm bảo thực hiện hiệu quả và mang tính khả thi, Ban QLCT đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, xác định lại khái niệm vốn dư. Theo Ban QLCT, vốn dư là vốn còn lại sau khi thực hiện các hoạt động, đặc biệt là hoạt động mua sắm đầu thầu, như vậy Dự án vẫn hoàn thành nhiệm vụ đề ra và vẫn còn dư kinh phí. Việc sử dụng vốn dư như vậy sẽ không làm ảnh hưởng tới mục tiêu của dự án, đồng thời phát huy được tính hiệu quả. Vì vậy, vốn dư sẽ giao cho cơ quan chủ quản quyết định và tự chịu trách nhiệm về tính hiệu quả. Với khái niệm này, vốn dự không bao gồm vốn không sử dụng do hủy hoạt động hoặc hoạt động không thể triển khai thực hiện và vốn dự phòng. Vốn không sử dụng sẽ được gộp vào vốn dự phòng và đề xuất sử dụng khi dự án chuẩn bị kết thúc (kết thúc các hoạt động, thông thường là 06 tháng trước thời điểm đóng Hiệp định). Tại khoản 2, để tránh cơ chế xin cho, cần làm rõ khái niệm “để phát huy hiệu quả” là gì, các tiêu chí cụ thể kèm theo.	
35	Ban quản lý trung ương các dự án thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và PTNT)	Hiện nay trong các Luật, Nghị định chưa có quy định bố trí kinh phí để lập đề xuất dự án. Đề nghị bổ sung nội dung hướng dẫn để bố trí kinh phí lập đề xuất dự án	Không cần thiết phải bố trí kinh phí để lập đề xuất dự án vì nội dung đề xuất dự án không phức tạp, cần vai trò chủ động của đơn vị đề xuất.
		Bổ sung định nghĩa “Giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi” vào Điều 3. Giải thích từ ngữ:	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.

		26. Giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi là ... Lý do: Hiện tại đang có cách hiểu khác nhau về giải ngân giữa vốn trong nước và vốn nước ngoài. - Vốn trong nước được 11101 là giải ngân khi khối lượng hoàn thành được Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi và đơn vị thụ hưởng nhận được tiền. - Vốn nước ngoài được 11101 là giải ngân khi Chủ dự án, Chủ đầu tư gửi đơn rút vốn/đơn hoàn tạm ứng/đơn thanh toán cho Bộ Tài chính.	
		Điều 3: Giải thích từ ngữ 24. Thời gian thực hiện chương trình, dự án là khoảng thời gian từ khi Hiệp định vay, Hiệp định viện trợ không hoàn lại có hiệu lực đến ngày đóng khoản vay. 25. Thời gian bắt đầu dự án là thời điểm Hiệp định vay, Hiệp định viện trợ không hoàn lại có hiệu lực.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp trong Nghị định.
		Điều 17. Các hoạt động thực hiện trước Đề nghị sửa thành: Các hoạt động thực hiện trước trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn chuẩn bị đầu tư, bao gồm: 1. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt khung chính sách về môi trường và xã hội theo yêu cầu của Nhà tài trợ trong quá trình thẩm định văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư;	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì việc xây dựng khung chính sách về môi trường và xã hội chỉ thực hiện khi nhà tài trợ cam kết tài trợ chương trình, dự án.

	Điều 19: Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi 3. Đối với các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: b) Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại <i>điểm a khoản 3</i> Điều này: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này. 5. Trường hợp chương trình, dự án có điều chỉnh tổng mức đầu tư do thay đổi tỷ giá; giảm vốn ODA, vốn vay ưu đãi và không dẫn đến thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư được quy định tại Điều 18 của Nghị định này, cơ quan chủ quản không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định tại khoản 2 và <i>khoản 3</i> Điều này.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Nghị định.
	Điều 35: Thành lập ban QLDA 1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định <i>chủ trương</i> đầu tư, người đứng đầu cơ quan chủ quản ban hành quyết định thành lập Ban quản lý dự án theo Mẫu quy định tại Phụ lục VII của Nghị định. Trường hợp chủ dự án có đầy đủ tư cách pháp nhân, người đứng đầu cơ quan chủ quản có thể ủy quyền cho chủ dự án ban hành quyết định	Không nhất trí vì Ban QLDA chỉ được thành lập sau khi có quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt văn kiện dự án.

		thành lập Ban quản lý dự án (trừ trường hợp Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực thành lập theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng)	
		Điều 39. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án: 3. Đối với chương trình, dự án khác, b) Nhiệm vụ, quyền hạn của các chức danh chủ chốt của Ban quản lý dự án gồm: Giám đốc Ban quản lý dự án, Phó Giám đốc Ban quản lý dự án (nếu có), Kế toán trưởng hoặc Phụ trách kế toán Ban quản lý dự án được cơ quan chủ quản bổ nhiệm trong quyết định thành lập Ban quản lý dự án, trong đó Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng hoặc Phụ trách kế toán Ban quản lý dự án phải là cán bộ thuộc biên chế của chủ dự án hoặc cơ quan chủ quản.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.
		Điều 44. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình dự án 2. Vốn đối ứng được sử dụng cho các khoản chi phí sau: a) Chi phí hoạt động cho Ban quản lý dự án (lương, thưởng, phụ cấp, văn phòng, phương tiện và thiết bị làm việc, chi phí hành chính); l) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư và các chi phí được quy định trong khung chính sách về môi trường và xã hội.	Không nhất trí bổ sung trong Dự thảo Nghị định vì quy định phương tiện làm việc đã bao gồm thiết bị làm việc.

		Điều 60. Mở tài khoản thanh toán 1. Tài khoản nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi: b) Chủ dự án vốn ngân sách nhà nước mở tài khoản nguồn vốn của dự án tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ để tiếp nhận nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi chi cho các hoạt động của chương trình, dự án. Chủ dự án là doanh nghiệp nhà nước mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ để tiếp nhận nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi chi cho các hoạt động của chương trình, dự án.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Điều 85. Các quy định quản lý tài chính 5. Dự án có tính chất chi thường xuyên áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Dự án hỗn hợp chi đầu tư và chi thường xuyên, chủ dự án báo cáo cơ quan chủ quản quyết định vận dụng chế độ kế toán phù hợp <i>theo nguyên tắc mỗi đơn vị kế toán chỉ áp dụng một chế độ kế toán.</i>	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Điều 98. Xử lý chuyên tiếp 1. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục, <i>ký kết điều ước quốc tế, ký thoán thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi tiếp tục thực hiện theo các điều ước đã ký kết.</i> Trong quá trình thực hiện cần sửa đổi, điều chỉnh thì thực hiện theo quy định về điều chỉnh chủ trương đầu tư của Nghị định này.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

		5. Thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền ký nhân danh Nhà nước thì được tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã ký kết.	
II. CÁC ĐỊA PHƯƠNG			
1	Sở KHĐT tỉnh An Giang	Bổ sung thêm tại Khoản 2 Điều 8: Các trường hợp đối với dự án nhóm B, C theo quy định Luật Đầu tư công không phải thực hiện thủ tục lập, lựa chọn, phê duyệt Đề xuất dự án như quy định tại điểm b của khoản 2 Điều này khi có văn bản chấp thuận của nhà tài trợ nước ngoài.	Không nhất trí vì không phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.
2	Sở KHĐT tỉnh Bình Phước	Hiện nay nhu cầu đầu tư cho phát triển hạ tầng, đầu tư công trình thủy lợi, hồ chứa nước, bảo đảm an toàn hồ đập phục vụ sản xuất cho đời sống nhân dân ở tỉnh là rất lớn. Với nguồn NSDP hạn chế và không bảo đảm điều kiện vay lại ODA theo quy định, điều này làm cản trở khả năng tiếp cận nguồn lực huy động cho đầu tư phát triển. Quy định địa phương phải vay lại theo tỷ lệ nhất định đối với vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài chưa phù hợp với thực tiễn.	Nội dung này sẽ được quy định tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 97/2018/NĐ-CP của Chính phủ.
3	Sở KHĐT tỉnh Nam Định	Tại điểm a khoản 2 Điều 6: Nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước về vốn ODA, vốn vay ưu đãi: “Vốn vay ODA, vay ưu đãi được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên....” Tuy nhiên, trong trường hợp một số địa bàn trên cả nước còn nhiều khó khăn, nguồn thu ngân sách	Không nhất trí với đề xuất này vì nguyên tắc này đã được quy định tại Luật NSNN, Luật Đầu tư công và Chỉ thị số 18/2019/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

		còn hạn chế. Đối với một số dự án lớn có chi phí tư vấn đầu tư trước thuế cao, địa phương có nhu cầu sử dụng vốn vay để chi trả. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, xem xét lại nội dung này.	
		Tại điểm b khoản 3 Điều 19: “Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này”. Đề nghị sửa thành: “Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại điểm a khoản 3 Điều này: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Tại khoản 5 Điều 39: Kinh phí hoạt động của Ban Quản lý dự án: “Kinh phí hoạt động của Ban quản lý dự án được trích từ nguồn vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án quy định tại khoản 2 Điều 43 của Nghị định này hoặc sử dụng kinh phí từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại phù hợp với quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế ký kết với nhà tài trợ nước ngoài.” Đề nghị sửa thành: “Kinh phí hoạt động của Ban quản lý dự án được trích từ nguồn vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

		án quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định này hoặc sử dụng kinh phí từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại phù hợp với quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế ký kết với nhà tài trợ nước ngoài.”	
4	Sở KHĐT tỉnh Ninh Bình	Nhất trí với Dự thảo Nghị định.	
5	Sở KHĐT tỉnh Quảng Ngãi	Thông nhất nội dung như dự thảo	
6	Sở KHĐT tỉnh Yên Bái	Đề nghị xem xét điều chỉnh lại điểm b, khoản 3 Điều 19 Theo Dự thảo Nghị định “b) Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này. Tuy nhiên khoản 2, Điều 19 của Dự thảo Nghị định không có điểm b, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh cho phù hợp. Đề nghị điều chỉnh khoản 5 Điều 19. - Theo Dự thảo của Nghị định “5. Trường hợp chương trình, dự án có điều chỉnh tổng mức đầu tư do thay đổi tỷ giá; giảm vốn ODA, vốn vay ưu đãi và không dẫn đến thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư được quy định tại Điều 18 của Nghị định này, cơ quan chủ quản không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

		- Đề nghị điều chỉnh là: 5. Trường hợp chương trình, dự án có điều chỉnh tổng mức đầu tư do thay đổi tỷ giá; giảm vốn ODA, vốn vay ưu đãi; tăng vốn đối ứng nguồn vốn NSDP đối với các dự án do UBND tỉnh làm cơ quan chủ quản và không dẫn đến thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư được quy định tại Điều 18 của Nghị định này, cơ quan chủ quản không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này. - Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu thêm tình huống: Dự án có điều chỉnh giảm về quy mô (do một số hạng mục được sử dụng từ nguồn vốn khác để đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương) nhưng mục tiêu chính không thay đổi sẽ không phải thực hiện bước điều chỉnh chủ trương đầu tư.	
		Đề nghị điều chỉnh Điều 36, Điều 37, Điều 42, Điều 43: Đề nghị điều chỉnh thẩm quyền lập, phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch hàng năm của chương trình, dự án theo hướng Kế hoạch tổng thể của dự án và Kế hoạch hàng năm của dự án do Chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ, lập và tổ chức phê duyệt làm căn cứ để theo dõi giám sát đánh giá. Cơ quan chủ quản chỉ thực hiện chức	Không nhất trí vì thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch hàng năm của chương trình, dự án thuộc về cơ quan chủ quản sẽ đảm bảo việc thực hiện chương trình, dự án đúng với tiến độ cam kết và việc bố trí vốn trong kế hoạch sát với thực tế.

		năng quản lý nhà nước về giám sát đánh giá Dự án đầu tư theo quy định. Lý do: Thực tế hiện nay quá trình thực hiện các dự án phát sinh nhiều yếu tố như kế hoạch vốn, tiến độ thực hiện, điều chỉnh dự án... quá trình này diễn ra phổ biến nên kế hoạch thực hiện thực tế có nhiều thay đổi so với kế hoạch đã được phê duyệt. Việc cơ quan chủ dự án phải thường xuyên lập, cập nhật và trình cơ quan chủ quản phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm sẽ mất nhiều thời gian, do đó nội dung này cần giao cho chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ thực hiện.	
		Đề nghị điều chỉnh Điều 67. Nhập và phê duyệt dự toán hàng năm trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách (TABMIS): - Khoản 2 điều 67 dự thảo Nghị định nêu: “Sở Tài chính thực hiện nhập và xác nhận kế hoạch vốn đầu tư” đề nghị sửa thành “Sở Tài chính thực hiện nhập kế hoạch vốn đầu tư” do Sở Tài chính chỉ nhập kế hoạch vào hệ thống TABMIS, không thực hiện xác nhận kế hoạch. - Tại khoản 3 điều 67 dự thảo: Đề nghị bỏ đoạn “Cơ quan tài chính nhập TABMIS phải đảm bảo đúng theo danh mục, mức vốn được Chính phủ giao” do quyết định giao kế hoạch năm của Thủ tướng chính phủ cho các địa phương không phân bổ chi tiết theo mức vốn của từng dự án do đó địa	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		phương không thể thực hiện như nội dung trên được.	
		Đề nghị bổ sung thêm nội dung của Điều 77: - Khoản 1 Điều 77 theo Dự thảo Nghị định "...Bộ Tài chính hạch toán nghĩa vụ nợ theo quy định về hướng dẫn chế độ kế toán các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê theo dõi nợ vay và các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ" đề nghị bổ sung thêm nội dung "Thông báo các khoản nợ cho chính quyền địa phương để theo dõi, quản lý".	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Đề nghị điều chỉnh Điều 86: - Tại Khoản 1 Điều 86 của Dự thảo Nghị định: "Vốn ODA không hoàn lại thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước được dự toán"; đề nghị sửa đổi thành "được giao dự toán". Đề nghị bổ sung thêm nội dung tại Điều 89. Xử lý chuyển tiếp: Đối với những chương trình, dự án đã được ký Hiệp định, Thỏa ước vay trước khi Nghị định số 56/2020/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 25/5/2020) có quy định cho phép sử dụng vốn vay để thanh toán thuế, phí và các chi phí hợp lệ khác thì được tiếp tục thanh toán bằng vốn vay cho đến khi kết chương trình thúc dự án, (trừ trường hợp chương trình, dự án được điều chỉnh chủ trương đầu tư và gia hạn Hiệp định có quy định khác).	Bộ Tài chính đã tiếp thu và quy định trong Dự thảo Nghị định.

		Lý do: Hiện nay các dự án được ký Hiệp định, thỏa ước vay trước khi Nghị định số 56/2020/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 25/5/2020) có quy định cho phép sử dụng vốn vay để thanh toán thuế, phí và các chi phí hợp lệ khác là các dự án chuyển tiếp và hầu hết sẽ kết thúc trong năm 2021-2022, việc tiếp tục cho phép thanh toán các chi phí nêu trên đối với các dự án này sẽ không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính như điều chỉnh dự án, điều chỉnh Hiệp định thỏa ước vay, từ đó góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn nước ngoài trong năm 2021 và năm 2022.	
7	Sở KHĐT tỉnh Bắc Kạn	Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét chỉnh sửa lại nội dung tại điểm b Khoản 3 Điều 19 của Dự thảo: “Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này”. Lý do: tại Khoản 2 Điều 19 của dự thảo Nghị định không có điểm a.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Tại Điều 12 quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thì người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại nhóm C và về trình tự thủ tục theo quy định tại Khoản 5, Điều 14 cơ quan chủ quản phải lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài	Bộ KHĐT sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đề xuất này.

		chính trước khi tổ chức thẩm định. Đề nghị xem xét giảm bớt thủ tục xin ý kiến Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đối với các dự án nhóm C có tổng mức đầu tư nhỏ giao cho địa phương chịu trách nhiệm về nội dung này.	
		Tại Điều 15 quy định hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi gồm: Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của cơ quan chủ quản về chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Tuy nhiên, trong Nghị định chưa quy định hình thức, nội dung thẩm định và cơ quan chủ trì thẩm định nội bộ ở địa phương, mẫu báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của cơ quan chủ quản nên các địa phương rất lúng túng trong công tác tổ chức thực hiện.	Các nội dung này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.
		Tại Khoản 3 Điều 19 quy định về điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi: “Trường hợp chương trình, dự án có điều chỉnh tổng mức đầu tư do thay đổi tỷ giá; giảm vốn ODA, vốn vay ưu đãi và không dẫn đến thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định chủ trương đầu tư được quy định tại Điều 18 của Nghị định này, cơ quan chủ quản không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này”. Theo như quy định trên thì khi điều chỉnh dự án sử dụng vốn ODA do thay đổi tỷ giá	Không nhất trí với đề xuất này vì không phù hợp với Luật Đầu tư công.

		trường hợp giảm vốn ODA thì không phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, các trường hợp còn lại phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư. Đề nghị xem xét thêm trường hợp chương trình, dự án có điều chỉnh tổng mức đầu tư do thay đổi tỷ giá; tăng vốn ODA không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc quy định về mức vượt tối đa ví dụ từ 5% đến 10% so với tổng mức đầu tư ban đầu không phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, còn lại phải điều chỉnh.	
		Theo quy định tại Khoản 5, Điều 43 Luật đầu tư công ngày 13/6/2019: “ Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án” nếu theo quy định trên chỉ các dự án khi điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án mới phải thực hiện điều chỉnh chủ trương, còn các trường hợp khác không phải điều chỉnh, nhưng Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 56/2020/NĐ-CP thì ngoài trường hợp giảm vốn ODA do thay đổi tỷ giá và thay đổi thời gian là không phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư các trường hợp có thay đổi các nội dung trong quyết định chủ trương đầu tư đều phải điều chỉnh. Đề nghị xem xét lại Dự thảo cho phù hợp Luật đầu tư công.	Không nhất trí với đề xuất này vì không phù hợp với Luật Đầu tư công.

8	Số KHĐT tỉnh Bình Định	1. Kiến nghị điều chỉnh Khoản 2 và Khoản 3 Điều 12 như sau: Theo dự thảo: 2. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sau đây: a) ... b) Chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại trong các trường hợp sau: chương trình, dự án nhóm A và nhóm B... c) ... 3. Người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại nhóm C. Đề nghị điều chỉnh thành: 2. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sau đây: a) ... b) Chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại trong các trường hợp sau: chương trình, dự án nhóm A và nhóm B... c) ... 3. Người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại nhóm B và nhóm C. Nguyên nhân kiến nghị điều chỉnh: Đối với các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại nên tăng cường phân cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B cho cơ	Không nhất trí với đề xuất này vì không phù hợp với Luật Đầu tư công.
---	------------------------	---	--

		quan chủ quản quyết định theo tinh thần tăng cường phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương như chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.	
		Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hướng dẫn cụ thể về điều kiện để cơ quan chủ quản bố trí vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện chương trình, dự án ODA đúng quy định vì theo dự thảo Nghị định và các quy định của pháp luật về Đầu tư công chưa quy định chi tiết (sau khi cơ quan chủ quản trình trung ương phê duyệt đề xuất dự án hoặc sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất dự án?).	Dự thảo Nghị định đã quy định vốn đối ứng chỉ sử dụng trong giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án (được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm sau khi chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt).
		Kiến nghị điều chỉnh Điểm c Khoản 2 Điều 48 như sau: Theo dự thảo: 2. Trường hợp thực sự cần thiết sử dụng vốn dư để phát huy hiệu quả và không dẫn đến thay đổi mục tiêu chính tại Quyết định chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đang thực hiện: ... c) Việc sử dụng vốn dư theo quy định tại khoản 2 Điều này được áp dụng cơ chế tài chính của dự án đã được phê duyệt. Đề nghị điều chỉnh thành: 2. Trường hợp thực sự cần thiết sử dụng vốn dư để phát huy hiệu quả và không dẫn đến thay đổi mục tiêu chính tại Quyết định chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đang thực hiện:	Không nhất trí với đề xuất này vì việc sử dụng vốn dư phải được Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

		... c) Việc sử dụng vốn dư theo quy định tại khoản 2 Điều này được áp dụng cơ chế tài chính của dự án theo Quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nguyên nhân kiến nghị điều chỉnh: Bổ sung quy định sử dụng vốn dư của các dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại mà thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư là cơ quan chủ quản dự án.	
9	Sở KHĐT tỉnh Bình Dương	Cần quy định rõ trường hợp áp dụng về quy định Không chịu rủi ro tín dụng hoặc chịu rủi ro tín dụng đối với Phương thức cho vay lại tại Điểm d, Khoản 9, Điều 3.	Nội dung này được quy định tại Luật Quản lý nợ công và Nghị định số 97/2018/NĐ-CP của Chính phủ.
		Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật nêu tại Khoản 10, Điều 3 đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn vận hành dự án để phục vụ chung cho nhóm các dự án có phương thức vận hành tương tự nhau tại các tỉnh. Việc này giúp giảm phần nào chi phí của mỗi dự án.	Trong thiết kế dự án, việc vận hành dự án phải được tính đến để đảm bảo tính bền vững của dự án nên không cần thiết bổ sung quy định này. Ngoài ra, do không còn mô hình dự án ô nên quy định phương thức này không phù hợp.
		Hiện tại việc quản lý, tổng hợp báo cáo các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn vốn ODA khá phức tạp giữa địa phương với trung ương nên đề nghị xem xét lại nội dung dự án sử dụng vốn theo cơ chế hòa trộn quy định tại Khoản 21 Điều 3.	Vốn hòa trộn thực hiện trong khuôn khổ 01 chương trình, dự án nên không liên quan đến việc quản lý, tổng hợp báo cáo và sự phối hợp giữa trung ương và địa phương.

		Đối với dự án ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đề nghị bổ sung thêm các dự án phục vụ đề án phát triển thành phố thông minh, phát triển bền vững tại Khoản 1, Điều 5.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đề xuất này.
		Đối với các hoạt động thực hiện trước quy định tại Khoản 1, Điều 17 đề nghị bổ sung nội dung “tùy theo tình hình thực tế và tính đặc thù của dự án, địa phương được lập dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư từ nguồn ngân sách địa phương để phục vụ dự án sử dụng vốn ODA”.	Không nhất trí với đề xuất vì không phù hợp với quy định của Luật đầu tư công.
10	Số KHĐT tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị bổ sung nội dung “Số tay hướng dẫn thực hiện dự án” vào Khoản 1 Điều 17 Dự thảo Nghị định như sau: “Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt khung chính sách tái định cư, số tay hướng dẫn thực hiện dự án trong quá trình thẩm định văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư”.	Không nhất trí với đề xuất vì Số tay hướng dẫn thực hiện dự án chỉ xây dựng sau khi ký kết điều ước, thỏa thuận quốc tế với nhà tài trợ.
		Bổ sung nội dung “thay đổi cơ cấu giữa vốn ODA và vốn đối ứng nhưng không làm vượt tổng mức đầu tư” vào Khoản 5 Điều 19 Dự thảo Nghị định như sau: “5. Trường hợp chương trình, dự án có điều chỉnh tổng mức đầu tư do thay đổi tỷ giá; giảm vốn ODA, vốn vay ưu đãi, thay đổi cơ cấu giữa vốn ODA và vốn đối ứng nhưng không làm vượt tổng mức đầu tư và không dẫn đến thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư được quy định tại Điều 18 của Nghị định này, cơ quan chủ quản không phải thực	Không nhất trí vì thay đổi cơ cấu vốn là một trong những nội dung quan trọng trong Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, việc tăng vốn đối ứng phải thực hiện quy trình thẩm định nội bộ của cơ quan chủ quản.

		hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này”.	
		Tại khoản 5 Điều 44 Dự thảo Nghị định, đề nghị xem xét quy định việc bố trí đủ vốn đối ứng trước khi ký hợp đồng vay lại do: Chương trình, dự án thường có thời gian thực hiện từ 3-5 năm hoặc dài hơn; nếu bố trí đủ vốn trước khi ký hợp đồng vay lại thì sẽ rất khó khăn trong cân đối ngân sách địa phương; mặt khác, số vốn đã bố trí không thể giải ngân theo thời gian quy định của Luật Đầu tư công (do nguồn vốn đối ứng sẽ giải ngân trong suốt quá trình thực hiện dự án). Theo đó, đề nghị điều chỉnh như sau: “Cơ quan chủ quản, chủ dự án cam kết bố trí đủ vốn đối ứng cho chương trình, dự án trong dự toán chi ngân sách hằng năm trước khi ký hợp đồng cho vay lại”.	Không nhất trí vì cam kết bố trí đủ vốn đối ứng cho chương trình, dự án trong dự toán chi ngân sách hằng năm trước khi ký hợp đồng cho vay lại của cơ quan chủ quản, chủ dự án không phải là quy định mang tính pháp luật. Thực tế nhiều địa phương cam kết bằng văn bản việc bố trí đầy đủ và kịp thời vốn đối ứng song không thực hiện đúng cam kết.
		Tại khoản 2 điều 48 đề nghị xem xét phân cấp sử dụng vốn dư trong 02 trường hợp cụ thể: - Đối với “Trường hợp thực sự cần thiết sử dụng vốn dư để phát huy hiệu quả và không dẫn đến thay đổi mục tiêu chính tại Quyết định chủ trương đầu tư” thì giao “Cơ quan Chủ quản dự án được phép sử dụng nguồn vốn dư để tiếp tục triển khai thực hiện theo mục tiêu chính tại Quyết định đầu tư, chịu trách nhiệm về sự cần thiết, tính hiệu quả của việc sử dụng vốn dư; Đồng thời Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi”. - Đối với “Trường hợp thực sự cần thiết sử dụng vốn dư để phát huy hiệu quả dẫn đến thay đổi	Không nhất trí với đề xuất này vì việc sử dụng vốn dư phải được Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

		mục tiêu chính tại Quyết định chủ trương đầu tư” đề nghị thực hiện theo trình tự như Dự thảo Nghị định.	
		Tại Khoản 2 Điều 72 Dự thảo Nghị định đề nghị sửa “chủ dự án gửi Bộ Tài chính đơn rút vốn trước ngày 01 tháng 12 (năm kế hoạch)” thành “chủ dự án gửi Bộ Tài chính đơn rút vốn trước ngày 31 tháng 12 (năm kế hoạch)”	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Tại Điều 76 về “Hạch toán vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi tại Kho bạc Nhà nước” đề nghị như sau: - Tại Khoản 4 sửa đổi, bổ sung thành “Các khoản chi thuộc kế hoạch năm đã được Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi và chuyển tiền cho nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ hàng hóa hạch toán ghi thu ghi chi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 31 tháng 01 năm sau” - Tại Khoản 5 sửa đổi, bổ sung thành “Hồ sơ hạch toán ghi thu ghi chi thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước. Chủ dự án gửi hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để xác nhận hạch toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày 31 tháng 01 năm sau”	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
11	Sở KHĐT tỉnh Hậu Giang	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung vào dự thảo Nghị định: tại điểm a khoản 3 Điều 19 “a) Trường hợp điều chỉnh thời gian thực hiện dự án không làm thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Cơ quan chủ quản báo	Không nhất trí vì thay đổi mục tiêu, quy mô ảnh hưởng rất lớn đến thành công của dự án. Chính vì vậy việc điều chỉnh những nội dung này trong Quyết định chủ

		cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công, phê duyệt điều chỉnh quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Đầu tư công sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản”. Đề nghị điều chỉnh như sau “a) Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, quy mô, thời gian thực hiện dự án không làm thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, không vượt tổng mức đầu tư: Cơ quan chủ quản báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công, phê duyệt điều chỉnh quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Đầu tư công sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản”.	trương đầu tư phải áp dụng quy trình, thủ tục đầy đủ.
12	Sở KHĐT tỉnh Phú Thọ	Đề nghị sửa đổi Khoản 3, Điều 19 trong Dự thảo Nghị định như sau: “3. Đối với các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: a) <i>Thực hiện điều chỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Đầu tư công.</i> - <i>Trường hợp điều chỉnh thời gian thực hiện dự án, thời hạn giải ngân nhưng không làm thay đổi điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn và các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Cơ quan chủ quản quyết định phê</i>	Mục a, khoản 3 điều 19 về điều chỉnh thời gian thực hiện không làm thay đổi nội dung khác của Chủ trương đầu tư quy định việc trình cấp ra quyết định đầu tư thay vì tất cả các chương trình, dự án đầu tư phải trình Thủ tướng Chính phủ như hiện nay.

		duyet điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 52 và khoản 3 Điều 43 Luật Đầu tư công sau khi báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận bằng văn bản. - Trường hợp điều chỉnh thời gian thực hiện dự án, thời hạn giải ngân làm thay đổi điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn nhưng không thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Cơ quan chủ quản thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 và Khoản 2 Điều 33 Nghị định này. b) Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại điểm a khoản 3 Điều này: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này. c) Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền và thời gian quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16 của Nghị định này, trong đó làm rõ các nội dung: Lý do điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án; các nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án tương ứng với các nội dung chủ yếu của báo cáo”. * Lý do đề nghị: - Việc thực hiện độc lập hai thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư và thủ tục điều chỉnh Hiệp định	
--	--	--	--

		mất rất nhiều thời gian. Do vậy, việc sửa đổi sẽ khắc phục được khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong quá trình thực hiện điều chỉnh gia hạn thời gian thực hiện và thời hạn giải ngân của dự án trong quy trình thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư.	
		Đề nghị sửa đổi Điểm c, Khoản 1 Điều 33 trong Dự thảo Nghị định như sau: “c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan khác có liên quan tổ chức đàm phán với nhà tài trợ hoặc bên cho vay nước ngoài về dự thảo thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi <i>trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến tham gia</i>; d) Căn cứ kết quả đàm phán, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc ký thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi với nhà tài trợ hoặc bên cho vay nước ngoài <i>trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày có kết quả đàm phán</i>.” * Lý do đề nghị: - Trong Dự thảo có sự trùng lặp về nội dung của mục c và d; - Nên đưa thời hạn vào quy trình thủ tục này để việc điều chỉnh chương trình, dự án không bị kéo dài.	Nhất trí bổ sung quy định thời hạn ở một số khâu trong quy trình sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.
		Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 33 trong Dự thảo Nghị định như sau:	Nhất trí bổ sung quy định thời hạn ở một số khâu trong quy

		<i>“2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện như sau:</i> a) Cơ quan chủ quản gửi Bộ Tài chính văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi; b) Bộ Tài chính lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan về đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản cho Bộ Tài chính trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và tài liệu liên quan; c) Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến và báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi <i>trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và tài liệu liên quan của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan;</i> d) Căn cứ phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi với nhà tài trợ hoặc bên cho vay nước ngoài <i>trong thời gian 15 ngày”.</i> * Lý do đề nghị: - Nên đưa thời hạn vào quy trình thủ tục này để thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh thời gian thực hiện, thời hạn giải ngân chương	trình sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.
--	--	--	---

		trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài không bị kéo dài.	
13	Sở KHĐT tỉnh Thái Bình	Tại điểm b Khoản 3 Điều 19: “Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại <i>điểm a Khoản 2 Điều này</i>: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này”. Đề nghị sửa thành: “Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại <i>điểm a Khoản 3 Điều này</i>: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này”	Nhất trí và đã chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Tại Khoản 5 Điều 39: “Kinh phí hoạt động của Ban quản lý dự án được trích từ nguồn vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án quy định tại <i>Khoản 2 Điều 43</i> của Nghị định này hoặc sử dụng kinh phí từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại phù hợp với quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế ký kết với nhà tài trợ nước ngoài.” Đề nghị sửa thành: “Kinh phí hoạt động của Ban quản lý dự án được trích từ nguồn vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án quy định tại <i>Khoản 2 Điều 44</i> của Nghị định này hoặc sử dụng kinh phí từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại phù hợp với quy định của	Nhất trí và đã chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

		pháp luật và Điều ước quốc tế ký kết với nhà tài trợ nước ngoài.”	
14	Số KHĐT tỉnh Lào Cai	Đề nghị thống nhất tên gọi: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hay Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; Văn kiện dự án hay Báo cáo nghiên cứu khả thi. Cụ thể tại điểm (1) mục 2 phần II của Tờ trình: “Khác với đầu tư công sử dụng vốn trong nước, việc tiếp nhận vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài phải thực hiện qua nhiều bước (xây dựng và phê duyệt đề xuất, <i>lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi</i> , đàm phán, ký hiệp định, phê chuẩn hiệp định...)”.	Nội dung này đã được quy định ở Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng.
		Đề nghị bỏ bước xây dựng và phê duyệt Đề xuất dự án (bỏ Điều 13) do: Để thống nhất với Luật Đầu tư công, bắt đầu từ bước lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nhằm cắt giảm thủ tục hành chính theo chủ trương của Chính phủ và đặc biệt giảm kinh phí, thời gian thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (hiện nay mất khoảng 2-3 năm), nên quay lại quy trình theo Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 trước đây về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ là phù hợp.	Đề nghị giữ nguyên như Nghị định vì quy trình, thủ tục này đã được quy định tại Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.
		Đề nghị quy định rõ về thời gian xin ý kiến, thời gian thẩm định và thời gian phê duyệt đối với từng bước để đảm bảo theo đúng quy định về thủ tục hành chính, phải có hạn xử lý, tránh tình trạng	Nhất trí và sẽ bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

		kéo dài thời gian gây lãng phí, khó khăn cho các Chủ dự án.	
		Theo dự thảo tại điểm a) Khoản 3 Điều 19: “Trường hợp điều chỉnh thời gian thực hiện dự án không làm thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Cơ quan chủ quản báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công, phê duyệt điều chỉnh quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Đầu tư công sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản”. Như vậy, vẫn phải có Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị phân cấp chỉ cần có Văn bản chấp thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Nhà tài trợ.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Đề nghị điều chỉnh Khoản 3, Điều 41. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn nước ngoài cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi như sau: Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm (thời gian bố trí vốn được tính từ thời điểm ký kết Hiệp định vay vốn). Lý do: Từ giai đoạn sau khi có quyết định chủ trương đầu tư đến khi hoàn thành ký kết Hiệp	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		định với Nhà tài trợ mất một khoảng thời gian dài.	---
		Đề nghị điều chỉnh Điều 48. Vốn dư: Đề nghị điều chỉnh mục a) và mục b) Khoản 2 như sau: a) Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm về sự cần thiết, tính hiệu quả của việc sử dụng vốn dư triển khai phê duyệt và thực hiện đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư theo chủ trương đầu tư đã phê duyệt. b) Cơ quan chủ quản gửi các tài liệu phê duyệt báo cáo Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính quản lý. Lý do: Giảm bớt thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền cho UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với khoản vốn dư cần phân ra 02 trường hợp: - Trường hợp 1: Phần vốn dư được sử dụng nằm trong thời gian thực hiện dự án (Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm về sự cần thiết, tính hiệu quả của việc sử dụng vốn dư, thống nhất với Nhà tài trợ để bổ sung các hạng mục sử dụng vốn dư). - Trường hợp 2: Phần vốn dư sử dụng phải kéo dài thời gian thực hiện dự án.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Tại Điều 54, đề nghị bổ sung thêm từ nhà nước vào câu “thẩm quyền, hồ sơ, thủ tục...của các nhà tài trợ nước ngoài cho doanh nghiệp <i>nhà nước</i> vay lại 100% thực hiện theo quy định của pháp luật...”	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

		Tại khoản 2 Điều 65 đề nghị bỏ cụm từ “ <i>chi thường xuyên (nếu có)</i> ” trong câu “Kế hoạch tài chính hằng năm phải lập chi tiết cho từng chương trình, dự án...đã ký kết trong đó chia ra vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên (nếu có), vốn vay lại, vốn đối ứng...” Vì theo Dự thảo vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi không được sử dụng cho chi thường xuyên được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Dự thảo.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Tại khoản 2 Điều 66 đề nghị bỏ cụm từ “ <i>rút vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi</i> ” trong câu “Đối với chi thường xuyên, Bộ Tài chính tổng hợp kế hoạch <i>rút vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi</i> , vốn đối ứng vào dự toán ngân sách hằng năm”. Do theo Dự thảo vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi không được sử dụng cho chi thường xuyên được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Dự thảo.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Tại khoản 3 Điều 73 đề nghị bổ sung cụm từ “ <i>tại Kho bạc Nhà nước hoặc</i> ” vào câu “Tài khoản tạm ứng là hình thức nhà tài trợ nước ngoài tạm ứng trước...vào một tài khoản mở riêng cho dự án <i>tại Kho bạc Nhà nước hoặc</i> ngân hàng phục vụ để chủ dự án chủ động...”. Do theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 60 thì Chủ dự án vốn NSNN mở tài khoản của nguồn vốn tại Kho bạc nhà nước, Chủ dự án là doanh nghiệp nhà nước mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ và theo quy định tại Điều 63 nguyên tắc mở và quản lý tài khoản tạm ứng nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

15	Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Tại khoản 25 điều 3 chương I những quy định chung: Thời gian bắt đầu dự án được quy định là thời điểm dự án được bố trí vốn lần đầu tiên để thực hiện. Đề nghị làm rõ thời điểm ban đầu dự án được giao vốn, là thời điểm lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thời điểm giao vốn chuẩn bị đầu tư, hay thời điểm giao vốn để thực hiện dự án đầu tư? Vì quá trình từ lập chủ trương đầu tư, chuẩn bị đầu tư đối với dự án ODA thông thường kéo dài từ 2 đến 3 năm để hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư. Theo Luật Đầu tư công quy định thời gian bố trí vốn đối với dự án nhóm A không quá 6 năm, nhóm B không quá 4 năm, nhóm C không quá 3 năm. Trường hợp dự án ODA, vay ưu đãi có quy định cả thời gian bố trí vốn chuẩn bị đầu tư là thời điểm bắt đầu của dự án thì dự án chỉ còn một nửa thời gian theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Để tạo điều kiện và đảm bảo tính khả thi trong thực hiện dự án, đề nghị quy định thời gian bắt đầu dự án là thời điểm dự án được bố trí vốn lần đầu tiên để thực hiện đầu tư dự án (không bao gồm giai đoạn chuẩn bị đầu tư).	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì thời gian thực hiện và thời gian chuẩn bị dự án là khác nhau.
		Tại khoản 01 điều 13 Chương II về trình tự thủ tục phê duyệt đề xuất chương trình, dự án: Đề nghị xác định rõ sự phối hợp của 2 Bộ Kế hoạch Đầu tư và Bộ Tài chính liên quan đến thẩm định đề xuất chương trình, dự án và tổng hợp báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ để quyết định đề xuất	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì quy trình, thủ tục này đã được quy định tại Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.

		chương trình dự án. Nên để một cơ quan đầu mối tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ, các nội dung Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại mục b khoản 1 điều 13 cũng lại được Bộ Kế Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đánh giá, xem xét trình Thủ tướng Chính phủ, nên đề nghị gộp lại thành 01 lần, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn, rút ngắn thủ tục cho các cơ quan đề xuất trong quá trình thực hiện.	
		Tại mục a, khoản 3 điều 19 về điều chỉnh thời gian thực hiện không làm thay đổi nội dung khác của Chủ trương đầu tư, đề nghị có quy định rõ hơn về thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài thời gian bố trí vốn ODA, vay ưu đãi như đã quy định tại khoản 2 điều 52 Luật Đầu tư công (hiện chưa có quy định hướng dẫn thực hiện thủ tục này).	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Tại mục b, khoản 3 điều 19: Đề nghị đơn giản hóa thủ tục trong thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, vì dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và đang triển khai thực hiện. Hiện tại dự thảo đang quy định việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án phải thực hiện đúng theo trình tự thủ tục, hồ sơ xin chủ trương đầu tư dự án ban đầu, quy trình phức tạp gây khó khăn, làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Tại điều 97 về nhiệm vụ quyền hạn của UBND cấp tỉnh: đề nghị bổ sung nội dung nhiệm vụ của	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		UBND cấp tỉnh cho phù hợp với quy định Luật quản lý nợ công “Lập kế hoạch vay, trả nợ 5 năm, hàng năm của chính quyền địa phương theo quy định về quản lý nợ công đối với vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài do UBND tỉnh vay lại, trình HĐND tỉnh quyết định, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào kế hoạch vay và trả nợ công quốc gia.	
		Đề nghị bổ sung các nội dung quy định về quy trình, thủ tục về thẩm định, ký hợp đồng vay lại, cơ chế giải ngân đối với các khoản cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi, tạo điều kiện rõ ràng về thủ tục trong ký kết và thực hiện giải ngân rút vốn vay lại đối với Chính quyền địa phương và các Chủ dự án.	Nội dung này được quy định tại Nghị định số 97/2018/CP.
		Đề nghị bổ sung các hướng dẫn chi tiết về mẫu hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư, kéo dài thời gian bố trí vốn, gia hạn Hiệp định tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chủ quản, các chủ đầu tư trong việc áp dụng quy định trong việc lập hồ sơ, thẩm định và trình phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, trình xin gia hạn Hiệp định tín dụng, trình cấp có thẩm quyền kéo dài thời gian bố trí vốn cho khoản ODA, vay ưu đãi nước ngoài.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Đề nghị bổ sung quy định về trình tự, thủ tục về lập và giao dự toán vay lại vốn vay nước ngoài.	Nội dung này được quy định tại Nghị định số 97/2018/CP.
		Tại điều 80 và điều 81 có nội dung quy định về báo cáo trực tuyến thông tin, báo cáo giải ngân, hạch toán ngân sách nhà nước, nhưng không quy	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		định cụ thể về báo cáo tình hình vận động, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, vay ưu đãi. Đề nghị quy định cụ thể và rõ ràng hơn về thực hiện chế độ báo cáo định kỳ của các Chủ đầu tư/chủ dự án, các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước vốn ODA, vay ưu đãi ở cấp TW và địa phương. Đề nghị có quy định cụ thể về các loại báo cáo phải thực hiện, thời kỳ lấy số liệu và thời hạn báo cáo cho đồng nhất với các quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện báo cáo chương trình dự án vốn ODA, vay ưu đãi, tránh trường hợp tạo ra các quy định khác nhau về thực hiện báo cáo. Chỉ riêng quy định về thời kỳ lấy số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo 6 tháng, hàng năm của các Bộ, ngành TW cũng đang có quy định khác nhau, gây khó khăn cho việc thực hiện báo cáo, lưu trữ và tổng hợp số liệu về thực hiện và giải ngân vốn ODA của các cơ quan chủ quản.	
16	Sở KHĐT tỉnh Tiền Giang	Thống nhất với các nội dung Dự thảo.	
17	Sở KHĐT tỉnh Kiên Giang	Nghiên cứu rút ngắn thời gian, quy trình và thủ tục các bước đề xuất chương trình, dự án ODA, do hiện nay để có thể thực hiện một dự án phải mất từ 2-3 năm để hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư, cụ thể: nghiên cứu bỏ bước “xây dựng và phê duyệt đề xuất” mà thực hiện luôn bước “lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư” để gửi nhà tài trợ xem xét.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì quy trình, thủ tục này đã được quy định tại Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.

		Tại Điều 19 dự thảo, đề nghị xem xét giảm bớt thủ tục và rút ngắn quy trình thực hiện đối với việc điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi không làm tăng tổng mức đầu tư dự án và không tăng mức vốn ODA, vốn vay ưu đãi bố trí cho dự án.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Nghiên cứu bỏ nội dung tại điểm g khoản 2 Điều 44 dự thảo, do việc sử dụng vốn ngân sách tỉnh đối ứng để thanh toán các loại thuế, phí là chưa phù hợp với Hiệp định vay được ký kết với nhà tài trợ (nội dung này đã được tỉnh kiến nghị và Bộ Tài chính đã tiếp thu tại các cuộc họp trực tuyến thúc đẩy giải ngân vốn nước ngoài ngày 14/6/2021).	Vấn đề này đã được tiếp thu và bổ sung quy định tại điều khoản chuyển tiếp của Dự thảo Nghị định.
18	Sở KHĐT tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị thống nhất cách xác định thời gian thực hiện chương trình, dự án như nội dung quy định. Cụ thể đề xuất điều chỉnh: - Khoản 25 Điều 3 của Dự thảo Nghị định “Thời gian bắt đầu dự án là thời điểm được xác định trong quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án.” - Khoản 6 Điều 18 của Dự thảo Nghị định “Thời gian thực hiện dự án từ thời điểm quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án đến khi có Biên bản nghiệm thu hoàn thành dự án.”	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Đề nghị điều chỉnh nội dung tại khoản 3 Điều 19 của Dự thảo Nghị định quy định như sau:	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

	“a) Trường hợp điều chỉnh thời gian thực hiện dự án <i>nhưng không làm tăng quy mô, tăng tổng mức đầu tư, tăng vốn ODA và vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng ngân sách trung ương</i> của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: Cơ quan chủ quản báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công, phê duyệt điều chỉnh quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Đầu tư công sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.” Đính chính nội dung: “b) Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại điểm a khoản 3 Điều này: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này.”	
	Tại Khoản 2 Điều 48 của Dự thảo Nghị định về sử dụng khoản vốn dự để phát huy hiệu quả và không dẫn đến thay đổi mục tiêu chính tại Quyết định chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đang thực hiện thì Cơ quan chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan và nhà tài trợ nước ngoài, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Đề nghị cần quy định rõ thời gian trả lời của các đơn vị được lấy ý kiến để cơ quan chủ trì tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định làm cơ sở cho các đơn vị triển khai thực hiện	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		đảm bảo theo thời gian thực hiện quy định tại Hiệp định.	
19	UBND tỉnh Đồng Tháp	Cơ bản thống nhất dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi. Đối với quy định tại điểm b khoản 7 Điều 98 dự thảo Nghị định, đề xuất chọn phương án 1.	Bộ KHĐT sẽ tổng hợp và đưa ra phương án lựa chọn.
20	UBND tỉnh Lạng Sơn	Tại điểm d khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định về thời gian xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 45 ngày và quy định "Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung Đề xuất chương trình, dự án không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản đề nghị cơ quan chủ quản hoàn thiện Đề xuất chương trình, dự án". Để đảm bảo đẩy nhanh tiến độ trong quy trình lập và phê duyệt đề xuất chương trình dự án, đề nghị chỉnh sửa bổ sung thêm mốc thời gian xem xét tính hợp lệ hồ sơ của các Bộ ngành như sau: "Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung Đề xuất chương trình, dự án không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản đề nghị cơ quan chủ quản hoàn thiện Đề xuất chương trình, dự án chậm nhất là 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan chủ quản".	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

		Tại khoản 3 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định về Tiêu chí lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án quy định " d) Không trùng lặp với nội dung chương trình, dự án đã có đề xuất chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt". Đối với nội dung này trên thực tế có dự án đã được cơ quan chủ quản quyết định đầu tư dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) nhưng do yếu tố khách quan về nguồn vốn phải cắt giảm, đình hoãn hoãn không tiếp tục đầu tư, sau đó nghiên cứu tiêu chí sử dụng nguồn vốn ODA phù hợp tiếp tục đề xuất sử dụng vốn ODA. Để tránh trường hợp thanh tra, kiểm toán có ý kiến không phù hợp với tiêu chí, đề nghị xem xét chỉnh sửa như sau: " d) Không trùng lặp với nội dung chương trình, dự án đã có đề xuất chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được đảm bảo nguồn vốn thực hiện".	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Tại khoản 1 Điều 33 dự thảo Nghị định bị trùng 3 điểm d, đề nghị cơ quan chủ trì xem xét rà soát chỉnh sửa.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Tại điểm a khoản 1 Điều 50 dự thảo Nghị định ghi "a) Công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 7, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77 của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan", đề nghị xem xét rà soát chỉnh sửa thành "a) Công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

		sát chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77 của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan”.	
		Dự thảo Nghị định có sử dụng các cụm từ như “chi phí giải phóng mặt bằng và tái định cư”, “bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”, “chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư”, đề nghị xem xét rà soát thống nhất sử dụng cụm từ “chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” để phù hợp với tên chi phí trong cơ cấu tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Đề nghị xem bổ sung điều khoản quy định đảm bảo thực hiện giải ngân kế hoạch vốn ODA phù hợp giữa pháp luật Việt Nam với bên cho vay, nhất là trường hợp chủ đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ thủ tục đề nghị thanh toán và đã được Kho bạc Nhà nước tỉnh xác nhận đủ điều kiện trước thời điểm 31 tháng 01 năm sau nhưng Chính phủ Việt Nam chưa nhận nợ và chưa giải ngân.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu phải có thông báo kế hoạch giao vốn mới triển khai các thủ tục đầu tư tiếp theo. Trong khi đó tùy theo quy định của từng nhà tài trợ, có chương trình phải có kết quả đầu ra, khối lượng được kiểm toán nhà nước xác nhận theo quy định mới được giải ngân, thanh toán (như Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch	Bộ KHĐT sẽ nghiên cứu về đề xuất này.

		nông thôn dựa trên kết quả”). Đối với tỉnh Lạng Sơn là tỉnh miền núi điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, việc bố trí vốn tạm ứng cho Chương trình vẫn chưa thực hiện được, nên việc lựa chọn nhà thầu triển khai thực hiện dự án còn nhiều khó khăn. Do chưa có quy định cụ thể trong việc bố trí kế hoạch vốn theo tỷ lệ phù hợp giữa các năm, dẫn đến nhiều dự án mặc dù bố trí vốn cả giai đoạn, nhưng nguồn vốn bị dồn về các năm cuối của Chương trình dẫn đến chưa sát với tiến độ thực hiện và nhu cầu của dự án, ảnh hưởng trực tiếp đến khối lượng giải ngân. Đề nghị xem xét bổ sung điều khoản để giải quyết vướng mắc này.	
21	Sở KHĐT tỉnh Vĩnh Phúc	Theo Điều 17 Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP có quy định về Các hoạt động thực hiện trước. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định cụ thể hoạt động “Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu” được thực hiện trước trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn chuẩn bị đầu tư cho những nhiệm vụ nào.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Điểm b khoản 3 Điều 19 Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP có ghi “Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại điểm a khoản 2 Điều này”, tuy nhiên tại Điều 19 Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP thì không có điểm a khoản 2.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

	Luật Đầu tư công năm 2014 có quy định riêng đối với trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch đầu tư công hàng năm đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi các nhà tài trợ nước ngoài; Trên cơ sở quy định tại Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư công năm 2014 về việc lập kế hoạch đầu tư tổng thể và kế hoạch chi tiết hằng năm chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ đã có quy định chi tiết tại Điều 46 “Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng” và Điều 47 “Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm”. Hiện nay Luật Đầu tư công năm 2019 đã quy định trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch đầu tư công hàng năm không còn phân biệt theo nguồn vốn nước ngoài hay trong nước, mà phân biệt theo phân cấp quản lý ngân sách (vốn ngân sách nhà nước, vốn ngân sách địa phương, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư); toàn bộ các quy định liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư tổng thể và kế hoạch chi tiết hằng năm	Đã tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp trong Dự thảo Nghị định.
--	---	--

chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đã không còn. Tuy nhiên, Nghị định số 56/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ vẫn có quy định tại Điều 41 “Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng” và Điều 42 “Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm”; và trong Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP tương ứng là Điều 42 và Điều 43.

Đối với nhiều nhà tài trợ, nhất là các nhà tài trợ song phương cũng không yêu cầu phải thực hiện việc phê duyệt các kế hoạch này. Bên cạnh đó, qua thực tế thực hiện Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 và Nghị định số 56/NĐ-CP ngày 25/5/2020, việc lập kế hoạch đầu tư tổng thể và kế hoạch chi tiết hằng năm chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài làm phát sinh thêm thủ tục hành chính và mất rất nhiều thời gian để hoàn thành nhất là đối với các chương trình, dự án có nhiều dự án hợp phần.

Trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP, trong đó loại bỏ quy định về

		việc cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch tổng thể, kế hoạch hàng năm thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi các nhà tài trợ nước ngoài; thay vào đó quy định Chủ đầu tư có trách nhiệm lập và phê duyệt gửi cơ quan chủ quản, các cơ quan có liên quan theo dõi, giám sát quá trình thực hiện và triển khai kế hoạch tổng thể cũng như kế hoạch hàng năm.	
22	UBND tỉnh Cà Mau	Tại điểm a, khoản 1, Điều 50 dự thảo Nghị định nêu “Công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 7, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77 của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước với điều ước quốc tế đã ký kết về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó”, đề nghị điều chỉnh thành “Công tác theo dõi, kiểm tra, <i>đánh giá, thanh tra</i> , giám sát <i>kế hoạch</i> , chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70 , 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77 của Luật đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước với điều ước quốc tế đã ký kết về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó”	Đã tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp trong Dự thảo Nghị định.

		Đề chủ động trong công tác giải ngân, kiến nghị Bộ KHĐT xem xét, bổ sung thêm điều khoản quy định “cho phép giải ngân kế hoạch vốn nước ngoài từ ngân sách trung ương và kế hoạch vốn nước ngoài cho vay lại một cách độc lập” vào Nghị định thay thế ND 56 để làm căn cứ thực hiện. Nội dung này đã được TTCP chỉ đạo tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về tình hình thực hiện, giải ngân các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài vào tháng 11/2020	Bộ KHĐT sẽ nghiên cứu đề xuất này.
23	Sở KHĐT tỉnh Lai Châu	Nhất trí với dự thảo nghị định.	
24	Sở KHĐT tỉnh Ninh Thuận	Thông nhất với nội dung dự thảo. Đề nghị xem xét bỏ điểm d, Khoản 1, Điều 33 do nội dung này đã được cập nhật tại điểm c, Khoản 1, Điều 33.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
25	Sở KHĐT tỉnh Sơn La	Nhất trí với dự thảo. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số nội dung quy định cụ thể về cơ cấu Tổng mức đầu tư đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi (Bao gồm các quy định rõ về chi phí lãi vay, trả nợ và các loại phí liên quan đến khoản vay ODA thuộc nhiệm vụ trả nợ của bên vay).	Bộ KHĐT đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
26	Sở KHĐT tỉnh Trà Vinh	Đối với dự án ODA (dự án Ô), các dự án Bộ chuyên ngành là đơn vị chủ quản, Sở chuyên ngành là đơn vị thực hiện dự án thành phần chịu sự quản lý của Ban quản lý dự án trung ương trước khi thực hiện liên quan đến dự án phải có ý kiến của Ban quản lý trung ương đồng ý, gây khó khăn trong quá trình thực hiện; số vốn năm trước chuyển sang năm sau không thực hiện được “việc	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		<i>xác định số tiền Chính phủ đã nhận nợ nhưng chưa giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài được chuyển sang nguồn năm sau”, không quy định rõ đơn vị xác nhận nợ, dẫn đến việc chuyển nguồn không thực hiện được (Ban quản lý trung ương và UBND cấp tỉnh đều không có cơ sở khẳng định là chủ thể phải xác nhận nợ).</i>	
		Để giảm bớt thủ tục hành chính trong việc kiểm soát chi, cụ thể hiện nay các dự án sử dụng vốn ODA giải ngân theo kế hoạch vốn được giao có 02 đơn vị kiểm soát chi là Kho bạc nhà nước và Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại – Bộ Tài chính, làm tăng hồ sơ thủ tục và mất nhiều thời gian thanh toán. Kiến nghị Bộ KHĐT phối hợp với Bộ Tài chính xem xét chỉ để 01 đơn vị kiểm soát hồ sơ thanh toán là Kho bạc nhà nước của tỉnh thực hiện, đảm bảo kịp thời gian giải ngân các nguồn vốn nước ngoài.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
27	Sở KHĐT tỉnh Tuyên Quang	Về việc phân biệt nguồn chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển, do các nội dung chi hội thảo, hội nghị, tập huấn, khảo sát, đào tạo của các dự án hỗ trợ kỹ thuật và phi dự án ngoài các nội dung về kỹ thuật, tư vấn..... hoặc tại khoản 1, Điều 5 của Dự thảo quy định về vốn ODA không hoàn lại được sử dụng hỗ trợ xây dựng chính sách, thể chế... nội dung chi chủ yếu là nội dung chi thường xuyên, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét các nội dung chi thường xuyên tại điểm a, khoản 2, Điều 6 của Dự thảo cho phù hợp và đảm bảo	Đề nghị giữ nguyên như trong Dự thảo Nghị định.

		với yêu cầu của nhà tài trợ và phát huy hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn.	
		Bổ sung về giải thích từ ngữ: Quy định về tỷ giá nhận nợ và tỷ giá thanh toán cho các nhà thầu quốc tế trong việc thực hiện dự án; vốn vay khẩn cấp; vốn đối ứng.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Tại Điều 66 của Dự thảo, đề nghị thống nhất nội dung giao kế hoạch hàng năm gồm vốn ODA cấp phát và vốn ODA vay lại trong quyết định phân bổ vốn đầu tư hàng năm; về việc lập và giao dự toán các khoản viện trợ khẩn cấp và vốn vay khẩn cấp, đề nghị hướng dẫn cụ thể.	Bộ KHĐT sẽ nghiên cứu vấn đề này.
		Đối với hạch toán vốn ODA và vốn vay ưu đãi vào ngân sách nhà nước tại Điều 74, 75, 76, 77 của Dự thảo, đề nghị hướng dẫn rõ việc hạch toán nhận nợ từ nhà tài trợ và tỷ giá chi cho các nhà thầu quốc tế thực hiện dự án để thực hiện Ghi thu ghi chi vào ngân sách nhà nước. Hiện nay, việc theo dõi nhận nợ vào tài khoản đặc biệt để trả nợ và việc hạch toán ghi thu ghi chi cho các chương trình dự án tại Kho bạc nhà nước chưa có sự thống nhất. Việc theo dõi nhận nợ từ giải ngân của Nhà tài trợ (đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh) theo dõi thủ công để có cơ sở trả nợ gốc và lãi theo đúng quy định.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Về tỷ giá tại Điều 78 dự thảo, chỉ hướng dẫn tỷ giá hạch toán khi thực hiện thanh toán cho nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án, chưa hướng dẫn về tỷ giá hạch toán nhận nợ của Chủ dự án khi	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		nhận tiền từ nhà tài trợ. Đề nghị có hướng dẫn hạch toán đối với rủi ro tỷ giá việc cơ chế xử lý đối với rủi ro tỷ giá cho các Chủ đầu tư. Việc theo dõi nhận nợ, lập kế hoạch vốn hàng năm và việc giải ngân vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi chưa có sự thống nhất trong đồng tiền theo dõi và tỷ giá hạch toán. Hiện nay, về mặt nguyên tắc quản lý nhận nợ với nhà tài trợ theo đồng tiền nguyên tệ, tuy nhiên, khi xây dựng kế hoạch hàng năm là đồng tiền Việt Nam. Khi nhà tài trợ chuyển tiền về tài khoản tiền gửi là đồng tiền nguyên tệ được đổi theo tỷ giá tại thời điểm chuyển tiền.	
		Về xử lý chuyển tiếp: Để đơn giản hơn về quy trình, thủ tục đối với chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền ký nhân danh Nhà nước thực hiện theo thỏa thuận, Hiệp định đã ký kết đề nghị sửa đổi bổ sung tại Khoản 5 Điều 98 dự thảo Nghị định như sau: “Thỏa thuận, Hiệp định về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền ký nhân danh Nhà nước thì thực hiện theo thỏa thuận, Hiệp định đã ký kết; trong trường hợp có điều chỉnh, bổ sung thì thực hiện theo quy trình, thủ tục đối với điều chỉnh, bổ sung thỏa thuận về vốn vay ODA, vay ưu đãi được quy định tại Nghị định này”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp trong Dự thảo Nghị định.
28	Sở KHĐT tỉnh Bến Tre	Bổ sung quy định việc gửi hồ sơ kiểm soát chi theo phương thức điện tử để rút ngắn thời gian kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước; bổ sung quy	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		định việc gửi Bộ Tài chính hồ sơ rút vốn theo phương thức điện tử qua cổng dịch vụ công trực tuyến để tạo thuận lợi và rút ngắn thời gian xử lý và tăng tỉ lệ giải ngân các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.	
		Bổ sung quy định cụ thể về “tỷ giá quy đổi” đối với khoản tiền do Nhà tài trợ trực tiếp thanh toán bằng ngoại tệ cho dự án ODA, để thống nhất các khoản chi của dự án bằng ngoại tệ theo các điều khoản quy định của hợp đồng trong thực hiện dự án, tạo điều kiện đẩy nhanh thủ tục kiểm soát chi và giải ngân vốn kế hoạch cho dự án.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
29	Sở KHĐT tỉnh Gia Lai	Tại Khoản 1, Điều 43. Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm. - Dự thảo Nghị định quy định: “1. Trên cơ sở kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án đã được cơ quan chủ quản phê duyệt; căn cứ tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án xem xét và trình người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi hằng năm là một phần kế hoạch đầu tư hằng năm của cơ quan chủ quản.” Đề nghị sửa đổi lại: “1. Trên cơ sở kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án đã được cơ	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		quan chủ quản phê duyệt; căn cứ tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án xem xét, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm và báo cáo người đứng đầu cơ quan chủ quản. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi hằng năm là một phần kế hoạch đầu tư hằng năm của cơ quan chủ quản”. Vì sau khi được giao kế hoạch vốn ODA và đối ứng năm, các hoạt động trong năm phải thông qua nhà tài trợ xem xét, cho ý kiến không phản đối trước khi trình cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch thực hiện, giải ngân năm; trên cơ sở được cấp có thẩm quyền đồng ý, chủ dự án mới triển khai các hoạt động và giải ngân kế hoạch vốn được giao nên làm mất nhiều thời gian.	
30	Sở KHĐT tỉnh Hải Dương	Nhất trí với dự thảo Nghị định.	
31	UBND tỉnh Khánh Hòa	Theo quy định tại khoản 5 Điều 43 Luật Đầu tư công và khoản 2 Điều 11 Nghị định 40/2020/NĐ-CP, đối với dự án đã được quyết định đầu tư và đang trong quá trình thực hiện, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư chỉ thực hiện trong trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.	Khoản 5 Điều 53 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài áp dụng quy định tại Nghị định này và quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Trường

	Tuy nhiên, theo quy định tại điều 19 Nghị định 56/2020/NĐ-CP và Nghị định dự thảo, trường hợp chương trình, dự án có điều chỉnh dẫn tới thay đổi nội dung chính của Quyết định chủ trương đầu tư thì thực hiện quy trình thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư. Như vậy, điều 19 Nghị định 56 và dự thảo Nghị định thay thế là chưa phù hợp với khoản 5, điều 43 Luật đầu tư công và khoản 2 Điều 11 Nghị định 40/2020/NĐ-CP. Kiến nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung vấn đề này	hợp có quy định khác nhau về cùng một nội dung áp dụng quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài”. Việc quy định về quy trình, thủ tục, điều chỉnh dự án của Nghị định phù hợp với Luật đầu tư công và không trái với quy định của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
	Theo quy định xử lý chuyển tiếp (điều 98 Nghị định dự thảo), đối với các dự án ODA trước đây đã thực hiện theo quy định tại Nghị định 38/2013/NĐ-CP việc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị định dự thảo. Tuy nhiên, các dự án ODA trước đây đã thực hiện theo quy định tại Nghị định 38/2013/NĐ-CP thì không có thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư. Vì vậy, việc thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư của các dự án này là không có cơ sở pháp lý để thực hiện, Đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu bổ sung nội dung này.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp trong Dự thảo Nghị định vì đã quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.
	Hiện tại, một số dự án ODA triển khai các thủ tục đầu tư trong năm 2016 đã áp dụng quy định chuyển tiếp tại Điều 67 Nghị định 16/2016/NĐ-CP và Nghị định 38/2013/NĐ-CP để không thực	Đã tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp trong Dự thảo Nghị định vì đã quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.

		hiện thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư Tuy nhiên, khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể: “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn”. Vì vậy, việc thực hiện theo quy định chuyển tiếp tại Nghị định 16 và Nghị định 38 dẫn đến không thực hiện thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công 2014 (tại thời điểm 2016) là chưa phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và vi phạm Điều 16. Các hành vi bị cấm trong đầu tư công của Luật Đầu tư công 2014. Đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu hướng dẫn xử lý các trường hợp này theo đúng quy định pháp luật.	
32	Sở KHĐT tỉnh Lâm Đồng	Theo quy định tại Nghị định 56/2020/NĐ-CP các dự án ODA được phép sử dụng vốn vay để thanh toán thuế, phí theo Hiệp định/Điều ước vay được ký kết. Tuy nhiên, theo dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ, các dự án đang triển khai sẽ không được dùng vốn vay ODA để thanh toán thuế, phí mà phải bố trí từ nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương để thanh toán. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét bổ sung điều khoản chuyển tiếp: Đối với các chương trình, dự	Đã tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp trong Dự thảo Nghị định.

		án đã được phê duyệt, đang triển khai thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục thanh toán tiếp theo Hiệp định/Điều ước vay đã được ký kết.	
33	Sở KHĐT tỉnh Sóc Trăng	Thông nhất với Dự thảo Nghị định.	
34	UBND tỉnh Điện Biên	Tại điểm b, khoản 7, Điều 98: Đối với dự án cho doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi. UBND tỉnh Điện Biên đề xuất Phương án 1: Đối với những dự án cho doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục tài trợ hoặc chủ trương đầu tư dự án trước khi Nghị định này có hiệu lực: Thực hiện theo quy định của Nghị định này. Lý do đề xuất: Do việc doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trước đây thực hiện theo quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và Nghị định 132/2018/NĐ-CP của Chính phủ, nay các khoản vay này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công năm 2019 nên Nghị định số 56 không quy định nội dung này, dẫn đến việc doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài không có quy định về quy trình, thủ tục, đặc biệt việc điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của các dự án sử dụng vốn vay ODA, vay	Bộ KHĐT sẽ tổng hợp và lựa chọn Phương án phù hợp.

		ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài không thực hiện được (như trong Dự thảo Tờ trình của Bộ KHĐT đã nêu).	
35	Sở KHĐT TP. Cần Thơ	Thông nhất với nội dung dự thảo Nghị định.	
36	UBND tỉnh Tây Ninh	Thông nhất với nội dung dự thảo Nghị định.	
37	Sở KHĐT tỉnh Long An	Về chênh lệch tỷ giá giữa thời điểm được phê duyệt rút vốn và giải ngân: Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về các biện pháp quản lý khoản vay lại, thực hiện việc bảo hiểm rủi ro tín dụng, rủi ro tỷ giá theo quy định của pháp luật để giảm thiểu rủi ro tín dụng, rủi ro tỷ giá khi quản lý sử dụng vốn vay lại, đặc biệt là rủi ro tỷ giá.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Tỷ lệ vay lại chung được quy định tại Điều 21 Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018, hằng năm được Chính phủ quyết định cụ thể: Đề nghị xem xét khi công bố tỷ lệ vay lại kèm theo căn cứ phân chia tỷ lệ (tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương).	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Thành tố ưu đãi quy định tại Phụ lục I Phương pháp tính thành tố ưu đãi của khoản vay: Để có căn cứ tính toán thành tố ưu đãi các khoản vay hợp lý và đúng quy định khi lập hồ sơ đề xuất các khoản vay, đề nghị quy định cụ thể căn cứ tính toán tiêu chí d': Tỷ lệ chiết khấu (%) tương ứng lãi suất vay của Chính phủ Việt Nam trên thị trường tại thời điểm tính toán. Cụ thể cơ quan chịu trách nhiệm, thời gian công bố các thông tin về lãi suất phát hành trái phiếu quốc tế của Chính	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		phủ; tỷ lệ chiết khấu là lãi suất chiết khấu (DDR); trung bình 10 năm gần nhất lãi suất thương mại tham chiếu (CIRR); mức rủi ro kỳ hạn).	
38	UBND tỉnh Kon Tum	Khoản 24, 25 Điều 3. Giải thích từ ngữ: Đề nghị điều chỉnh nội dung thành “Thời gian thực hiện chương trình, dự án là khoảng thời gian để dự án thực hiện và hoàn thành được xác định trong quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án, Điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi hoặc Thỏa thuận quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Thời gian thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi được tính từ thời điểm chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền bố trí vốn lần đầu tiên để thực hiện chương trình, dự án”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Điều 74. Nguyên tắc quản lý hạch toán vốn vay ODA, vay ưu đãi vào ngân sách nhà nước: đề nghị bổ sung hướng dẫn thủ tục hạch toán đối với khoản lãi trong thời gian ân hạn, phí cam kết và các loại phí khác được gốc hóa theo thỏa thuận với nhà tài trợ.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.
		Đề nghị bổ sung hướng dẫn đối với thanh toán thuế VAT của các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được ký kết Hiệp định vay trước thời điểm Nghị định 56/2020/NĐ-CP có hiệu lực, trong đó cho phép sử dụng vốn vay để thanh toán thuế VAT	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ Tài chính về đề xuất này.

		- Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6: “Vốn vay ODA, vay ưu đãi được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Không sử dụng vốn vay nước ngoài cho các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực trừ trường hợp phục vụ chuyển giao công nghệ, kỹ năng vận hành trang thiết bị, máy móc; tham quan khảo sát; nộp thuế, trả các loại phí, lãi suất tiền vay; mua sắm ô tô trừ ô tô chuyên dụng được cấp có thẩm quyền quyết định; vật tư, thiết bị dự phòng cho quá trình vận hành sau khi dự án hoàn thành trừ một số vật tư, thiết bị dự phòng đặc biệt được cấp có thẩm quyền quyết định; chi phí giải phóng mặt bằng và tái định cư; chi phí hoạt động của Ban Quản lý dự án”. - Theo quy định tại Điều 45: “Thuế và phí áp dụng đối với chương trình, dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế và phí, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước với điều ước quốc tế đã ký kết về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó”.	
39	Sở KHĐT tỉnh Hưng Yên	Nhất trí với dự thảo Nghị định.	
40	UBND tỉnh Quảng Bình	Tại Khoản 23 Điều 3 Dự thảo: Khái niệm “viện trợ khẩn cấp” về mặt bản chất giống với khái niệm “viện trợ quốc tế khẩn cấp” tại Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì khái niệm về “viện trợ khẩn cấp” quy định trong Dự thảo Nghị định hoàn toàn không

		và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP tuy nhiên lại không trùng về mặt thời gian thực hiện. Tại 2 Nghị định nói trên thời gian thực hiện như sau: viện trợ để cứu trợ trong thời gian 3 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai; và viện trợ để khắc phục hậu quả sau thiên tai trong thời gian 9 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP lại quy định: sau 03 tháng đối cứu trợ và sau 6 tháng đối với khắc phục hậu quả thiên tai. Do đó, để tránh chồng chéo trong viện dẫn và áp dụng, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm rõ, khoản viện trợ khẩn cấp này có khác với khoản viện quốc tế khẩn cấp quy định tại Nghị định số 50/2020/NĐ-CP hay không. Nếu trùng khớp về nội dung, tính chất thì nên thống nhất mốc thời gian thực hiện khoản viện trợ khẩn cấp để tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ khoản viện trợ/Chủ dự án trong quá trình áp dụng quy định của pháp luật để tiếp nhận khoản viện trợ.	trùng trùng lặp với Nghị định số 50/2020/NĐ-CP và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP của Chính phủ.
		Tại Khoản 1, Điều 15 của dự thảo Nghị định quy định về Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi gồm: “a) Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVa kèm theo Nghị định này; b) Tờ trình thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề	Quy trình, thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án trong Dự thảo Nghị định tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công.

		xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVb kèm theo Nghị định này; c) Văn bản phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án của cấp có thẩm quyền; d) Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của cơ quan chủ quản về chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; đ) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này; e) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án trong giai đoạn trước (đối với các chương trình, dự án thực hiện giai đoạn trước, tiếp tục thực hiện trong giai đoạn mới). g) Ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi do UBND cấp tỉnh chuẩn bị báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư công; h) Các tài liệu liên quan khác (nếu có); Căn cứ danh mục hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại dự thảo nêu trên thì chỉ yêu cầu có “Ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuẩn bị báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo	
--	--	--	--

		quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư công;” Thực tế hiện nay, đa số các chương trình, dự án ODA và vay ưu đãi do địa phương làm chủ quản đều áp dụng hình thức chính quyền địa phương vay lại một phần hoặc toàn bộ vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ. Căn cứ Khoản 2, Điều 16 Luật Quản lý nợ công quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh như sau: “2. Quyết định danh mục các dự án đầu tư từ vốn vay của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật”; Do vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về việc xin ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi của địa phương có áp dụng cơ chế cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài để đảm bảo thống nhất với quy định tại Luật Quản lý nợ công.	
		Tại khoản 3 Điều 5 dự thảo: Đề nghị bổ sung thêm cụm từ “có khả năng thu hồi vốn” và đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “Vốn vay ưu đãi được ưu tiên sử dụng cho chương trình, dự án vay về để cho vay lại theo quy định pháp luật về cho vay	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì đã được quy định trong Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.

		lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách nhà nước trong lĩnh vực phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội có khả năng thu hồi vốn”.	
		Điểm a, Khoản 2- Điều 6 Nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước về vốn ODA, vốn vay ưu đãi quy định: Vốn vay ODA, vay ưu đãi được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Không sử dụng vốn vay nước ngoài cho các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực (trừ trường hợp phục vụ chuyển giao công nghệ, kỹ năng vận hành trang thiết bị, máy móc), tham quan khảo sát, nộp thuế, trả các loại phí, lãi suất tiền vay, mua sắm ô tô (trừ ô tô chuyên dụng được cấp có thẩm quyền quyết định), vật tư, thiết bị dự phòng cho quá trình vận hành sau khi dự án hoàn thành (trừ một số vật tư, thiết bị dự phòng đặc biệt được cấp có thẩm quyền quyết định); chi phí giải phóng mặt bằng và tái định cư, chi phí hoạt động của Ban Quản lý dự án; Tuy nhiên, thực tế các Dự án được ký hiệp định từ năm 2018 trở về trước, trước thời điểm Nghị định số 56/2020/NĐ-CP có hiệu lực, vốn ODA được sử dụng để thanh toán thuế VAT, phí và lãi vay. Bản thân tại Nghị định nói trên cũng có 2 điều khoản liên quan đến nội dung này bao gồm:	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định. Đề xuất của tỉnh đã được đưa vào điều khoản chuyển tiếp.

“Khoản 2 Điều 6 quy định nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước về vốn ODA, vốn vay ưu đãi là “không sử dụng vốn vay nước ngoài để nộp thuế, trả các loại phí””. Và:

“ Điều 44 quy định thuế và phí áp dụng đối với chương trình, dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế và phí, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước với điều ước quốc tế đã ký kết về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó”.

Căn cứ các quy định nêu trên trong cùng một Nghị định, Bộ Tài chính áp dụng không nhất quán dẫn đến việc các địa phương bị ách tắc thủ tục, hồ sơ, kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn dự án do phải giải trình lại và xin cơ chế được phép sử dụng vốn đối ứng để thanh toán thuế VAT (bao gồm các dự án đang triển khai thực hiện trước thời điểm ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ vẫn phải dừng lại để rà soát).

Do đó, để áp dụng nhất quán Điều 2 và Điều 6, Luật Điều ước quốc tế 108/2016/QH13 ngày 9/4/2016, tại Điểm a, Khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP bổ sung thêm điều khoản: “Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước với điều ước quốc tế đã ký kết về cùng một

		vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó”.	
		Tại 5. Điều 44 Dự thảo Nghị định: “5. Đối với chương trình, dự án có cơ chế tài chính hỗn hợp (cấp phát từ ngân sách nhà nước và vay lại): Cơ quan chủ quản, chủ dự án bố trí đủ vốn đối ứng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan trước khi ký hợp đồng vay lại”. Các địa phương có nhu cầu vay vốn ODA chủ yếu là các địa phương thu không đủ chi, hàng năm trung ương phải hỗ trợ ngân sách. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP, tất cả các dự án vay ODA được đàm phán và ký kết, chính quyền địa phương đều phải vay lại 1 phần. Do đó, để không tạo áp lực trả nợ và cân đối nguồn vốn, đề nghị đối với điều khoản này sửa đổi lại như sau: “Cơ quan chủ quản, chủ dự án bố trí vốn đối ứng theo quy định như sau: Ngân sách trung ương hỗ trợ vốn đối ứng theo quy định hiện hành đối với các khoản vốn ODA Ngân sách trung ương hỗ trợ; Ngân sách địa phương tự cân đối đối với các khoản vốn ODA vay lại”.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì đã được quy định trong Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.
41	Sở KHĐT TP. Đà Nẵng	Đề nghị điều chỉnh nội dung tại khoản 3 Điều 19: “...tại điểm a khoản 2...” thành “...tại điểm a khoản 3...”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Theo Dự thảo khoản 3 Điều 19 quy định về điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với các	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

		chương trình dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trong đó trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi nội dung không quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì trình tự thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 14 của Dự thảo. Tuy nhiên, tại Khoản 4 Điều 14 Dự thảo: "...Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A..." Do vậy, đề nghị bổ sung trình tự thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhóm A.	
42	UBND tỉnh Hòa Bình	Tại Khoản 1 Điều 33 dự thảo Nghị định bị trùng 3 điểm d, đề nghị cơ quan chủ trì xem xét rà soát chỉnh sửa.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Đề nghị bỏ Điều 42, 43 về lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể, kế hoạch hàng năm thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng. Lý do: Luật Đầu tư công hiện nay không có quy định về việc các dự án phải thực hiện việc lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm. Đối với nhiều nhà tài trợ, nhất là các nhà tài trợ song phương cũng không yêu cầu phải thực hiện việc phê duyệt các kế hoạch này. Do đó, đề nghị tổ soạn thảo xem xét bỏ quy định về phê duyệt kế hoạch tổng thể và hàng năm của các dự án để giảm bớt các thủ tục hành chính. Đối với các nhà tài trợ có yêu cầu	Không nhất trí vì thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch hàng năm của chương trình, dự án thuộc về cơ quan chủ quản sẽ đảm bảo việc thực hiện chương trình, dự án đúng với tiến độ cam kết và việc bố trí vốn trong kế hoạch sát với thực tế.

		về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện, thì chủ đầu tư sẽ thực hiện theo các quy định trong sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án.	
		Tại điểm a Khoản 1 Điều 50 dự thảo Nghị định: “Công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 7, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77 của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan”, đề nghị xem xét rà soát chỉnh sửa thành “Công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77 của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan”.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Dự thảo Nghị định có sử dụng các cụm từ như “chi phí giải phóng mặt bằng và tái định cư”, “bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”, “chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư”, đề nghị xem xét rà soát thống nhất sử dụng cụm từ “chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” để phù hợp với tên chi phí trong cơ cấu tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng;	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.
		Đề nghị xem bổ sung điều khoản quy định đảm bảo thực hiện giải ngân kế hoạch vốn ODA phù hợp giữa pháp luật Việt Nam với bên cho vay, nhất là trường hợp chủ đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ thủ tục đề nghị thanh toán và đã được Kho bạc	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.

		Nhà nước tỉnh xác nhận đủ điều kiện trước thời điểm 31 tháng 01 năm sau nhưng Chính phủ Việt Nam chưa nhận nợ (phía Việt Nam nhận được tiền giải ngân của Nhà tài trợ sau thời điểm quyết toán 31/3 năm sau).	
43	UBND tỉnh Đồng Nai	Thông nhất với nội dung Dự thảo Nghị định	
44	Sở KHĐT tỉnh Quảng Trị	Khoản 24, 25 Điều 3 dự thảo Nghị định: Thời gian thực hiện chương trình, dự án là khoảng thời gian để dự án thực hiện và hoàn thành được xác định trong quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án. Thời gian bắt đầu dự án là thời điểm dự án được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch, bố trí vốn lần đầu tiên để thực hiện dự án. Trong thực tế, kế hoạch vốn bố trí cho dự án thường chậm hơn so với mốc thời gian thực hiện dự án vì vậy các chương trình, dự án vẫn được bố trí vốn thực hiện ngay cả khi đã kết thúc thời gian thực hiện chương trình, dự án theo quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án. Đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu đưa vào dự thảo Nghị định làm rõ hơn về vấn đề này để tránh trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhiều lần.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Xác định tỷ lệ bố trí vốn đối ứng từ ngân sách trung ương: Khoản 5 Điều 44 dự thảo quy định: “Đối với chương trình, dự án có cơ chế tài chính hỗn hợp	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		(cấp phát từ NSNN và vay lại): Cơ quan chủ quản, chủ dự án bố trí đủ vốn đối ứng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan trước khi ký hợp đồng vay lại”. Tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban thường vụ QH quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, hiện nay không quy định rõ về tỷ lệ ngân sách trung ương hỗ trợ đối ứng cho các dự án ODA trong giai đoạn 2021-2025. Chính điều này gây khó khăn cho các địa phương khi xây dựng đề xuất dự án, trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư cũng như phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của các dự án dự kiến khởi công mới. Do không phân tách rõ phân trách nhiệm của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương trong cơ cấu nguồn vốn đối ứng nên dẫn đến tình trạng các dự án được bố trí vốn đối ứng không phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, một số dự án trong quá trình thực hiện sẽ phải điều chỉnh quyết định phê duyệt dự án nhiều lần. Đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu, quy định rõ về mức vốn đối ứng được ngân sách trung ương hỗ trợ đối ứng cho các dự án ODA trong giai đoạn 2021-2025.	
--	--	--	--

		Khoản 3 Điều 36: Đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh việc phê duyệt kế hoạch hàng năm thực hiện chương trình, dự án thuộc về thẩm quyền của Chủ dự án trên cơ sở kế hoạch tổng thể đã được cơ quan chủ quản phê duyệt.	Không nhất trí vì thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch hàng năm của chương trình, dự án thuộc về cơ quan chủ quản sẽ đảm bảo việc thực hiện chương trình, dự án đúng với tiến độ cam kết và việc bố trí vốn trong kế hoạch sát với thực tế.
45	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định.	
46	Sở KHĐT tỉnh Quảng Nam	Tỷ lệ bố trí vốn đối ứng ngân sách trung ương Tại Khoản 5, Điều 44 dự thảo Nghị định quy định: “Đối với chương trình, dự án có cơ chế tài chính hỗn hợp (cấp phát từ ngân sách nhà nước và vay lại): Cơ quan chủ quản, chủ dự án bố trí đủ vốn đối ứng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan trước khi ký hợp đồng vay lại”. Tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, không quy định rõ về tỷ lệ ngân sách trung ương hỗ trợ đối ứng cho các dự án ODA trong giai đoạn 2021 - 2025. Do đó, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu,	Bộ KHĐT đã có văn bản hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương về nội dung này.

		quy định rõ về mức vốn đối ứng được ngân sách trung ương hỗ trợ đối ứng các cho các dự án ODA trong giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với từng địa phương.	
		Xử lý đơn rút vốn Tại khoản 1, Điều 72 Dự thảo Nghị định quy định: “Thời gian xử lý đơn rút vốn tại Bộ Tài chính là 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. Thời gian xử lý đơn báo cáo chỉ tiêu là 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định”. Đề nghị sửa thành: “Thời gian xử lý đơn rút vốn tại Bộ Tài chính là 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. Thời gian xử lý đơn báo cáo chỉ tiêu là 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp không đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Tài chính phản hồi cụ thể trong vòng 04 ngày làm việc để chủ dự án bổ sung kịp thời”. Tại điểm c, khoản 3, Điều 73 Dự thảo Nghị định quy định: “Hồ sơ rút vốn gửi Bộ Tài chính: ...Hồ sơ rút vốn quy định tại Phụ lục X kèm theo Nghị định này”. Đề nghị sửa thành “Hồ sơ rút vốn gửi Bộ Tài chính: ...Hồ sơ rút vốn quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định này”. Vì theo các phụ lục kèm theo Dự thảo Nghị định thì phụ lục IX quy định về Hồ sơ rút vốn, phụ lục X quy định về Báo cáo kết thúc chương trình, dự án.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.

		Dự án chuyển tiếp Tại Điều 98. Xử lý chuyển tiếp: Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hướng dẫn cụ thể với trường hợp các chủ dự án vốn ngân sách nhà nước trước đây đã mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ thì khi Nghị định này có hiệu lực thì hành, việc xử lý với các dự án mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ như thế nào, vì theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 60 Dự thảo Nghị định này, chủ dự án vốn ngân sách nhà nước mở tài khoản nguồn vốn của dự án tại Kho bạc Nhà nước chứ không mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ.	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.
47	UBND tỉnh Đồng Nai	Thông nhất với nội dung dự thảo Nghị định	
48	UBND tỉnh Cao Bằng	Tại điểm a, khoản 2, Điều 6 quy định: “Vốn vay ODA, vay ưu đãi được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Không sử dụng vốn vay nước ngoài cho các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực trừ trường hợp phục vụ chuyển giao công nghệ, kỹ năng vận hành trang thiết bị, máy móc; tham quan, khảo sát; nộp thuế, trả các loại phí, lãi suất tiền vay...” . Tuy nhiên đối với các dự án đã ký kết Hiệp định vay trước khi Nghị định này có hiệu lực, nguồn vốn sử dụng cho nộp thuế, phí, lãi suất tiền vay đã được nhà tài trợ cam kết trong Hiệp định. Đối với dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

		tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Cao Bằng, theo Hiệp định vay đã ký kết với nhà tài trợ, chi phí lãi vay nằm trong tổng vốn vay của dự án. Nếu thực hiện theo quy định trên, các dự án sẽ phải thực hiện việc điều chỉnh chủ trương đầu tư, trao đổi và ký kết lại Hiệp định với nhà tài trợ, dẫn đến chậm tiến độ triển khai dự án đặc biệt là các dự án sẽ kết thúc hiệp định trong năm 2021-2022. Vì vậy, UBND tỉnh Cao Bằng đề xuất: đối với các dự án đã ký Hiệp định trước khi Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện các quy định về giải ngân vốn theo Hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ, đề xuất bổ sung nội dung này vào Điều 98. Xử lý chuyển tiếp.	
		- Tại điểm b, khoản 3 Điều 19 quy định: “Trường hợp điều chỉnh chương trình dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự thủ tục quy định tại khoản 4, Điều 14 của Nghị định này”. Tuy nhiên khoản 2 Điều 19 chỉ có một nội dung, không có điểm a. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại nội dung này. - Ngoài ra, tại Khoản 5, Điều 43, Luật Đầu tư công, dự án chỉ thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư khi điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư. Do	- Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định. - Khoản 5 Điều 53 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Đối với chương trình,

		đó để đơn giản hóa thủ tục điều chỉnh dự án ODA thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Cao Bằng đề xuất chỉ thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khi điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư và có thay đổi về cơ chế tài chính. Đối với các nội dung khác, cơ quan chủ quản dự án trao đổi thống nhất với nhà tài trợ và xin ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và quyết định điều chỉnh dự án.	dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài áp dụng quy định tại Nghị định này và quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một nội dung áp dụng quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài”. Việc quy định về quy trình, thủ tục, điều chỉnh dự án của Nghị định phù hợp với Luật đầu tư công và không trái với quy định của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.
		Theo quy định hiện nay, các dự án có sử dụng vốn ODA vay lại từ Chính phủ phải thực hiện giải ngân song song, tương đồng 2 nguồn vốn ODA cấp phát từ ngân sách trung ương và ODA vay lại từ Chính phủ theo đúng tỷ lệ vay lại ký kết với Bộ Tài chính. Tuy nhiên quy định này làm hạn chế khả năng giải ngân vốn của dự án khi 1 trong 2 nguồn vốn ODA cấp phát từ NSTW hoặc ODA vay lại không được bố trí vốn tương đồng nhau do hạn mức dư nợ theo từng năm của tỉnh (nếu dự án có tỷ lệ vay lại là 10% thì khi bố trí vốn	Bộ KHĐT sẽ trao đổi với Bộ TC về đề xuất này.

		phải đảm bảo có 90% vốn từ NSTW và 10% vốn vay lại). Tại Văn bản số 1298/VPCP-HTQT ngày 01/3/2021 của Văn phòng Chính phủ về tình hình vận động, quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi năm 2020, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh đã có ý kiến chỉ đạo như sau: “Tiếp tục cho phép thực hiện giải ngân kế hoạch vốn nước ngoài từ ngân sách trung ương và kế hoạch vốn nước ngoài cho vay lại một cách độc lập trong năm 2021 và các năm tiếp theo”. Do đó, UBND tỉnh Cao Bằng đề xuất bổ sung quy định về việc giải ngân độc lập kế hoạch vốn nước ngoài từ ngân sách trung ương và kế hoạch vốn nước ngoài cho vay lại vào dự thảo Nghị định.	
49	Sở KHĐT tỉnh Quảng Ninh	Tại điểm b, khoản 3 Điều 19 Theo Dự thảo Nghị định “b) Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này. Tuy nhiên khoản 2, Điều 19 của Dự thảo Nghị định không có điểm b, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh cho phù hợp.	Đã tiếp thu và điều chỉnh trong Dự thảo Nghị định.
		Đề nghị có hướng dẫn cụ thể việc lập, phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch hàng năm của chương trình, dự án theo hướng Kế hoạch tổng	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì việc phê duyệt kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng

		thể của dự án và Kế hoạch hàng năm của dự án do Chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ, lập và tổ chức phê duyệt làm căn cứ để theo dõi giám sát đánh giá. Cơ quan chủ quản chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giám sát đánh giá Dự án đầu tư theo quy định.	năm của chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của cơ quan chủ quản sẽ giúp cơ quan chủ quản có cơ sở xây dựng kế hoạch trung hạn, hằng năm và giám sát tình hình thực hiện chương trình, dự án.
		Hiện nay đang có hướng dẫn về quy trình, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công theo Nghị định 40/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư công. Tại điều 53 mục 5 “Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài áp dụng quy định tại Nghị định này và quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một nội dung áp dụng quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài”. Do đó, đề nghị có hướng dẫn quy trình, thủ tục điều chỉnh kế hoạch vốn ODA, vốn vay ưu đãi hàng năm trong Nghị định để các đơn vị thực hiện.	Quy trình, thủ tục điều chỉnh kế hoạch vốn ODA, vốn vay ưu đãi hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định 40/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư công.
50	UBND tỉnh Vĩnh Long	Tại Khoản 22, Điều 3 quy định “Vốn dư là khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình, dự án,...và các khoản vốn dư khác”. Tuy nhiên, để đảm bảo tính đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện, đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “trong tổng mức vốn thuộc chương trình, dự	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		án, phi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt” vào cuối Khoản này.	
		Tại Khoản 24 và Khoản 25 Điều 3: Đề nghị xem xét, bổ sung cụm từ “Chương trình” đối với khoảng thời gian thực hiện và hoàn thành, đồng thời bổ sung cụm từ “Chương trình” đối với nội dung quy định thời gian bắt đầu để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong triển khai thực hiện.	
		Tại Khoản 2, Điều 17 quy định “Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập hồ sơ mời quan tâm, lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu”. Tuy nhiên, để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện, làm cơ sở cho việc tổ chức triển khai thực hiện các công việc có liên quan, đề nghị xem xét bổ sung đối với phần công việc “thẩm định”.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Tại điểm b, Khoản 3, Điều 19 quy định “Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: Đề nghị xem xét, điều chỉnh từ Khoản 2, Điều này thành Khoản 3 Điều này cho phù hợp.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Tại điểm a, Khoản 2, Điều 6 và điểm 1, Khoản 9, Điều 43: Đề nghị xem xét, điều chỉnh cụm từ có liên quan đến “bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” theo Điều 46 để đảm bảo tính thống nhất.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Tại Điều 49: Đề nghị xem xét, bổ sung cụm từ “bảo hành, bảo hiểm” để đảm bảo tính đầy đủ,	

		làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện các công việc tiếp theo.	
		Tại Chương IV: Đề nghị xem xét, bổ sung đối tượng là “đơn vị sự nghiệp công lập” để đảm bảo cơ sở pháp lý trong triển khai thực hiện các công việc tiếp theo.	
		Tại điểm b, Khoản 7, Điều 98: Đề nghị thống nhất chọn phương án 1.	Đã tổng hợp và đưa ra Phương án lựa chọn
51	UBND thành phố Hải Phòng	Bổ sung căn cứ pháp lý: “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019”.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì trong Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ không có căn cứ này.
		Tại Khoản 4, 5 Điều 14: Cần có quy định đối với các dự án do cấp tỉnh là cơ quan chủ quản phải thông qua Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư vì liên quan đến nghĩa vụ trả nợ của ngân sách địa phương.	Quy trình, thủ tục đề nghị thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công.
		Tại khoản 3, Điều 19: Đề nghị làm rõ cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cũng như trình tự và thủ tục thực hiện đối với trường hợp điều chỉnh thời gian thực hiện dự án không làm thay đổi các nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.	Thẩm quyền này được quy định trong Luật Đầu tư công.
		Hiện nay, quy trình kiểm soát chi đối với vốn ODA không hoàn lại chưa cụ thể, gây khó khăn trong công tác quản lý dự án đặc biệt là việc yêu cầu phải bố trí kế hoạch vốn cho dự án viện trợ không hoàn lại trong giai đoạn chưa có sự thống nhất đưa vào dự toán thu, chi ngân sách như hiện	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		nay. Theo đó, nên xem xét việc quy định các dự án phải lập kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 41 của dự thảo Nghị định.	
		Tại khoản 2, 3 Điều 48: Đề nghị làm rõ các nội dung trong văn bản đề xuất sử dụng vốn dự, trình tự thực hiện sau khi được TTCP chấp thuận sử dụng vốn dự, có cần phải điều chỉnh dự án? Đồng thời đề nghị làm rõ quy trình thực hiện đối với dự án nhóm A, có phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Đề nghị xem xét bổ sung các quy định giải quyết lĩnh vực trong trường hợp chỉ tăng chi phí vốn đối ứng trong tổng mức đầu tư dự án (không tăng vốn ODA của dự án).	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Tại Điều 53, 58: Đề nghị quy định chi tiết hơn quy trình thực hiện để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
		Bổ sung hình thức nộp hồ sơ kiểm soát chi tại Điều 70 thành “Hồ sơ kiểm soát chi được gửi theo phương thức điện tử hoặc gửi trực tiếp tại Cơ quan thanh toán/Kho Bạc Nhà nước nơi mở tài khoản” và hình thức gửi hồ sơ rút vốn tại Điều 73 thành “Hồ sơ rút vốn gửi Bộ Tài chính theo phương thức điện tử qua cổng dịch vụ công quốc gia hoặc gửi trực tiếp” nhằm tạo sự linh hoạt trong phương thức gửi hồ sơ, phù hợp với tình hình thực tế của các đơn vị.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
52	UBND tỉnh Thanh Hóa	Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 56/2020/NĐCP ngày 25/5/2020 của	

Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài quy định: “*Vốn vay ODA, vay ưu đãi được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Không sử dụng vốn vay nước ngoài để nộp thuế, trả các loại phí, lãi suất tiền vay, mua sắm ô tô (trừ ô tô chuyên dụng được cấp có thẩm quyền quyết định), vật tư, thiết bị dự phòng cho quá trình vận hành sau khi dự án hoàn thành; chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí hoạt động của Ban Quản lý dự án*”. Đồng thời, tại điểm a khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng quy định: “*Vốn vay ODA, vay ưu đãi được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Không sử dụng vốn vay nước ngoài cho các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực trình độ hợp phục vụ chuyển giao công nghệ, kỹ năng vận hành trang thiết bị, máy móc; tham quan khảo sát; nộp thuế, trả các loại phí, lãi suất tiền vay; mua sắm ô tô trừ ô tô chuyên dụng được cấp có thẩm quyền quyết định; vật tư, thiết bị dự phòng cho quá trình vận hành sau khi dự án hoàn thành trừ một số vật tư, thiết bị dự*

		phòng đặc biệt được cấp có thẩm quyền quyết định; chi phí giải phóng mặt bằng và tái định cư; chi phí hoạt động của Ban Quản lý dự án”. Tuy nhiên, từ trước thời điểm Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ có hiệu lực thi hành, một số chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án; trong đó, cơ cấu nguồn vốn vay nước ngoài đã bao gồm các nội dung về nộp thuế, trả các loại phí, lãi suất tiền vay, chi phí tái định cư.... Vì vậy, khi triển khai thực hiện Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ đã gặp khó khăn trong việc thanh toán; đồng thời, phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân vốn của chương trình, dự án. Do đó, UBND tỉnh Thanh Hoá đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, có phương án tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nêu trên, theo hướng bổ sung vào quy định chuyển tiếp trong quá trình xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ.	
53	UBND thành phố Hà Nội	Đề nghị bổ sung vào khoản 5 Điều 19 dự thảo nội dung: Không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư trong trường hợp điều chỉnh	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định theo đó việc gia hạn thời gian thực hiện dự án

	thời gian thực hiện dự án không quá 2 năm mà không phát sinh tổng mức đầu tư, không tăng nguồn vay ODA, để cơ quan chủ quản tự quyết định điều chỉnh. Lý do: - Thực tế trong quá trình triển khai các dự án ODA thường gặp một số vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng; trong tổ chức đấu thầu; trong quá trình đàm phán, thương thảo, xử lý tranh chấp (thông thường các dự án ODA phải ký hợp đồng theo mẫu FIDIC theo quy định của nhà tài trợ, có những quy định khác biệt với quy định của Việt Nam...) dẫn đến thời gian thực hiện dự án kéo dài. - Khi thời hạn dự án bị kéo dài sẽ dẫn đến phải điều chỉnh hiệp định vay (điều chỉnh thời hạn giải ngân...). Để điều chỉnh được hiệp định vay, thông thường Bộ Tài chính yêu cầu phải điều chỉnh chủ trương đầu tư (điều chỉnh thời hạn dự án). Do vậy, việc đơn giản hóa trong thủ tục điều chỉnh thời hạn thực hiện dự án (mà không làm phát sinh tổng mức đầu tư) sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các dự án ODA.	thuộc thẩm quyền của Người quyết định đầu tư và không phải thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư
	Về thủ tục phê duyệt Đề xuất dự án ODA (Điều 13 dự thảo): Đề nghị cần quy định rõ về thời gian gửi xin ý kiến các Bộ, ngành và thời gian trả lời cho đơn vị trình đề xuất dự án ODA.	Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định

	Về quy định lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể dự án ODA (Điều 42 dự thảo Nghị định): Đề nghị bỏ quy định tại khoản 3 Điều 42 dự thảo Nghị định về việc cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch tổng thể. Thay thế bằng việc giao Chủ dự án chịu trách nhiệm trực tiếp lập kế hoạch tổng thể dự án trên cơ sở nội dung dự án được duyệt và làm việc với nhà tài trợ, gửi cơ quan chủ quản, các Bộ: KHĐT, Bộ Tài chính theo dõi; định kỳ hàng năm cập nhật lại tiến độ tổng thể, trường hợp phát sinh gia hạn thời gian thực hiện thì báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh tiến độ dự án theo quy định. Lý do: Thực tế các dự án nói chung và các dự án ODA nói riêng đều gặp nhiều vướng mắc dẫn đến điều chỉnh tiến độ. Quá trình thực hiện dự án nhiều thủ tục không do cơ quan chủ quản quyết định được (như các vấn đề ký các hiệp định vay, hoặc các quy định về quản lý đầu tư xây dựng thay đổi...). Do đó, việc phải thực hiện thủ tục phê duyệt kế hoạch tổng thể dẫn đến thường xuyên phải phê duyệt điều chỉnh.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì việc phê duyệt kế hoạch tổng thể và kế hoạch hằng năm của chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của cơ quan chủ quản sẽ giúp cơ quan chủ quản có cơ sở xây dựng kế hoạch trung hạn, hằng năm và giám sát tình hình thực hiện chương trình, dự án.
	Về quy định đấu thầu (Điều 47 dự thảo Nghị định): Đề nghị sửa lại khoản 1 Điều 47 dự thảo để phù hợp với Điều 3 Luật Đấu thầu năm 2013. Lý do: - Tại khoản 3 Điều 3 Luật Đấu thầu quy định: “Đối với việc lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư	Không nhất trí vì theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14, các thỏa thuận vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi với nhà tài trợ hoặc bên cho vay nước ngoài

thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi phát sinh từ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế đó”.

- Tại khoản 1 Điều 47 dự thảo Nghị định quy định: việc lựa chọn nhà thầu chỉ tuân thủ theo điều ước quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ nước ngoài. Tại khoản 13 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: *thỏa thuận về vốn ODA không phải là điều ước quốc tế*. Như vậy quy định về thủ tục đấu thầu tại Điều 47 dự thảo Nghị định bị hạn chế hơn so với Luật Đấu thầu.

- Trong thực tế triển khai, mặc dù các nội dung về đấu thầu, hợp đồng không quy định rõ tại các điều ước quốc tế với nhà tài trợ nhưng các thủ tục về đấu thầu, hợp đồng đều phải được nhà tài trợ chấp thuận trước khi thực hiện.

- Ngoài ra, các hợp đồng với nhà thầu quốc tế đối với các gói thầu ODA thông thường phải ký theo mẫu hợp đồng FIDIC (theo yêu cầu của nhà tài trợ), do đó khi có tranh chấp các nhà thầu chỉ căn cứ vào quy định hợp đồng để yêu cầu bổ sung chi phí và khiếu nại, khởi kiện ra trọng tài quốc tế; trong khi các quy định về quản lý hợp đồng hiện nay (khoản 3 Điều 1 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015) cũng chỉ quy định: “Đối với hợp đồng xây dựng thuộc các dự án sử dụng nguồn ODA, nếu điều ước quốc tế mà

không phải là thỏa thuận quốc tế.

		Việt Nam là thành viên có những quy định khác với các quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo các quy định của Điều ước quốc tế đó”, dẫn đến khó khăn cho các cơ quan quản lý của Việt Nam khi giải quyết tranh chấp với nhà thầu để hạn chế khiếu kiện, khiếu nại.	
		Bổ sung, làm rõ quy định về việc HEND cấp tỉnh, thành phố thuộc Trung ương thông qua danh mục dự án sử dụng vốn vay của chính quyền địa phương: - Đề nghị hướng dẫn cụ thể về thủ tục và thời điểm trình HEND cấp tỉnh, thành phố thuộc Trung ương thông qua danh mục dự án sử dụng vốn vay của chính quyền địa phương ở giai đoạn lập Đề xuất dự án sử dụng vốn ODA hay ở giai đoạn trước khi trình phê duyệt chủ trương đầu tư. Lý do: - Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23/11/2017 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018): Nhiệm vụ, quyền hạn của HEND cấp tỉnh là quyết định danh mục các dự án đầu tư từ vốn vay của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật. - Theo Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ: thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh phải vay lại 100% đối với nguồn vốn ODA.	Do nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đối với từng nhà tài trợ tùy thuộc vào chính sách về hợp tác phát triển của từng nhà tài trợ nên không có kế hoạch sẵn như nguồn vốn trong nước nên việc cơ quan chủ quản trình Đề xuất chương trình, dự án dựa trên kết quả trao đổi, làm việc với nhà tài trợ và nhu cầu đầu tư của địa phương, Việc HEND báo cáo UBND là quy trình nội bộ của địa phương nên sẽ không quy định tại Nghị định

		- Do vậy, về nguyên tắc trước khi trình Đề xuất dự án sử dụng vốn ODA của thành phố Hà Nội, dự án phải được HĐND thành phố Hà Nội thông qua nằm trong danh mục vốn vay của thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, thực tế bước lập Đề xuất dự án mới là bước ban đầu, các thông số kỹ thuật chưa đầy đủ nên việc xác định tổng vốn chưa chính xác, nếu phải thông qua HĐND thành phố Hà Nội dẫn đến thủ tục sẽ phức tạp hơn. Ngoài ra, ở bước Đề xuất dự án mới chỉ có các cam kết sơ bộ của nhà tài trợ, chưa chắc chắn đã được các Bộ, ngành và Thủ tướng chấp thuận. Vì vậy kiến nghị cần bổ sung quy định cụ thể về thời điểm trình HĐND cấp tỉnh, thành phố thuộc Trung ương thông qua danh mục dự án sử dụng vốn vay của chính quyền địa phương ở giai đoạn lập Đề xuất dự án sử dụng vốn ODA hoặc ở giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi/ đề xuất chủ trương đầu tư dự án để các đơn vị triển khai các thủ tục được thuận lợi.	
		Tại khoản 3 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định về Tiêu chí lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án quy định " d) Không trùng lặp với nội dung chương trình, dự án đã có đề xuất chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt". Đối với nội dung này trên thực tế có dự án đã được cơ quan chủ quản quyết định đầu tư dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) nhưng do yếu tố khách quan về nguồn vốn phải cắt giảm, đình	

		giãn hoãn không tiếp tục đầu tư, sau đó nghiên cứu tiêu chí sử dụng nguồn vốn ODA phù hợp tiếp tục đề xuất sử dụng vốn ODA. Để tránh trường hợp thanh tra, kiểm toán có ý kiến không phù hợp với tiêu chí, đề nghị xem xét chỉnh sửa như sau: " <i>d) Không trùng lặp với nội dung chương trình, dự án đã có đề xuất chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được đảm bảo nguồn vốn thực hiện</i> ".	
		Tại khoản 1 Điều 33 dự thảo Nghị định bị trùng 3 điểm d, đề nghị cơ quan chủ trì xem xét rà soát chỉnh sửa;	
		Tại điểm a khoản 1 Điều 50 dự thảo Nghị định ghi " <i>a) Công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 7, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77 của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan</i> ", đề nghị xem xét rà soát chỉnh sửa thành " <i>a) Công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77 của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan</i> ".	
		Dự thảo Nghị định có sử dụng các cụm từ như " <i>chi phí giải phóng mặt bằng và tái định cư</i> ", " <i>bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</i> ", " <i>chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư</i> ", đề nghị	

		xem xét rà soát thống nhất sử dụng cụm từ “ <i>chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</i> ” để phù hợp với tên chi phí trong cơ cấu tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng.	
		Đề nghị xem bổ sung điều khoản quy định đảm bảo thực hiện giải ngân kế hoạch vốn ODA phù hợp giữa pháp luật Việt Nam với bên cho vay, nhất là trường hợp chủ đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ thủ tục đề nghị thanh toán và đã được Kho bạc Nhà nước tỉnh xác nhận đủ điều kiện trước thời điểm 31 tháng 01 năm sau nhưng Chính phủ Việt Nam chưa nhận nợ và chưa giải ngân.	
		Theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu phải có thông báo kế hoạch giao vốn mới triển khai các thủ tục đầu tư tiếp theo. Trong khi đó tùy theo quy định của từng nhà tài trợ, có chương trình phải có kết quả đầu ra, khối lượng được kiểm toán nhà nước xác nhận theo quy định mới được giải ngân, thanh toán (như Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả”). Đối với tỉnh Lạng Sơn là tỉnh miền núi điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, việc bố trí vốn tạm ứng cho Chương trình vẫn chưa thực hiện được, nên việc lựa chọn nhà thầu triển khai thực hiện dự án còn nhiều khó khăn. Do chưa có quy định cụ thể trong việc bố trí kế hoạch vốn theo tỷ lệ phù hợp giữa các năm, dẫn đến nhiều dự án mặc dù bố trí vốn cả giai đoạn, nhưng nguồn vốn bị dồn về các năm cuối	

		của Chương trình dẫn đến chưa sát với tiến độ thực hiện và nhu cầu của dự án, ảnh hưởng trực tiếp đến khối lượng giải ngân. Đề nghị xem xét bổ sung điều khoản để giải quyết vướng mắc này.	
54	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Tại Khoản 10 Điều 3 (Giải thích từ ngữ) có nêu: “Dự án hỗ trợ kỹ thuật bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật độc lập và dự án hỗ trợ kỹ thuật để chuẩn bị dự án đầu tư”. Về nội dung này, hiện nay, Thành phố đang có 01 trường hợp trong quá trình thực hiện dự án, nhà tài trợ nhận thấy cần bổ sung 01 dự án hỗ trợ kỹ thuật viện trợ không hoàn lại cho dự án. Như vậy, dự án hỗ trợ kỹ thuật này thuộc loại nào theo khái niệm nêu trên. Kiến nghị dự thảo quy định thêm trường hợp này.	Trong trường hợp này dự án được xem là dự án hỗ trợ kỹ thuật độc lập.
		Tại Khoản 24 Điều 3 (Giải thích từ ngữ) có nêu: “Thời gian thực hiện chương trình, dự án là khoảng thời gian để dự án thực hiện và hoàn thành được xác định trong quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án”. Liên quan nội dung này, tại Khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 quy định: “2. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm.	Trường hợp này đã được quy định tại khoản 3 Điều 41 của Dự thảo Nghị định.

		Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương;” Khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua kế hoạch vốn trung hạn và giao hàng năm, Hội đồng nhân dân Thành phố thường yêu cầu thời gian bố trí kế hoạch vốn theo quy định nêu trên của Luật Đầu tư công (không phù hợp với thời gian thực hiện các dự án ODA thường rất dài). Kiến nghị dự thảo bổ sung quy định thêm về trường hợp này.	
		Về tham gia chương trình, dự án khu vực. Tại mục 2 phần VII (Nội dung cơ bản của Nghị định) phụ lục 1 - Tờ trình về việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP có nêu: “So với Chương III của Nghị định số 56/2020/NĐ-CP có điểm mới đó là đối với các chương trình, dự án khu vực không phải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương thực hiện và ứng xử loại hình dự án khu vực sử dụng vốn ODA không hoàn tại như các dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại khác”. Trong khi đó tại Điều 10 của dự thảo không nêu nội dung trên, vẫn giữ nguyên nội dung như đã	Khoản 1 Điều 23 của Dự thảo Nghị định không quy định các chương trình, dự án khu vực phải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương thực hiện.

		quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP. Kiến nghị dự thảo cần điều chỉnh, bổ sung nội dung này vào Điều 10.	
		Tại Khoản 1 Điều 15 (Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi) có nêu: “a) Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVa kèm theo Nghị định này; b) Tờ trình thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVb kèm theo Nghị định này; c) Văn bản phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án của cấp có thẩm quyền; d) Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của cơ quan chủ quản về chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; đ) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này; e) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án trong giai đoạn trước (đối với các chương trình, dự án thực hiện giai đoạn trước, tiếp tục thực hiện trong giai đoạn mới). g) Ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuẩn bị báo cáo	Bộ KHĐT sẽ nghiên cứu đề xuất này.

		nghiên cứu tiền khả thi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư công; h) Các tài liệu liên quan khác (nếu có);” Theo quy định nêu trên, kiến nghị bổ sung phụ lục mẫu hướng dẫn lập Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của cơ quan chủ quản về chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.	
		Tại khoản 3 Điều 41 (lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn nước ngoài cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi) có nêu: “3. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương.” Liên quan nội dung này, các căn cứ pháp lý quy định: + Tại Khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 quy định: “2. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không	Theo quy định tại khoản 25 Điều 3 của Dự thảo Nghị định thời gian bắt đầu dự án là thời điểm dự án được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch, bố trí vốn lần đầu tiên để thực hiện dự án.

	quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương;” + Tại Khoản 24 Điều 3 dự thảo định nghĩa: “Thời gian thực hiện chương trình, dự án là khoảng thời gian để dự án thực hiện và hoàn thành được xác định trong quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án”. Theo định nghĩa nêu trên, thời gian thực hiện chương trình, dự án không được hiểu như thời gian bố trí vốn và nhất là dự án ODA thời gian thực hiện dự án thường rất dài và theo thời gian của Hiệp định cam kết với nhà tài trợ; bên cạnh đó, căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ thì các dự án ODA của Thành phố phải vay lại 100% (không là dự án sử dụng vốn ngân sách TW). Như vậy, trong trường hợp không đáp ứng thời hạn theo quy định của Luật Đầu tư công, Thành phố sẽ thực hiện như thế nào. Kiến nghị điều chỉnh nội dung này thành: “Căn	
--	---	--

		cứ quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bố trí kế hoạch vốn đầu tư công theo thời gian thực hiện chương trình, dự án.”	
		Về nội dung doanh nghiệp nhà nước sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: - Xem xét quy định và hướng dẫn rõ hơn về “cơ quan chủ quản” trong trường hợp doanh nghiệp nhà nước sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài vì doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, theo các luật này, Doanh nghiệp nhà nước có “cơ quan đại diện chủ sở hữu”, không có “cơ quan chủ quản” nhằm thống nhất giữa luật và nghị định, tạo thuận lợi trong quá trình áp dụng. - Khoản 4 Điều 65 quy định: “Việc lập kế hoạch tài chính hằng năm cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi tuân thủ quy trình lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan”, như vậy, đối với doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA vẫn tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước hay có quy định riêng. - Khoản 7 Điều 98 về điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án cho doanh nghiệp nhà nước vay	Do đối tượng điều chỉnh trong Chương VI của Dự thảo Nghị định là DNNN sở hữu 100% vốn nhà nước nên các doanh nghiệp này có cơ quan chủ quản là các Bộ, ngành, địa phương.

		lại 100% vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi: kiến nghị thực hiện theo Phương án 1, cụ thể: “Đối với những dự án cho doanh nghiệp nhà nước vay lại 100% vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục tài trợ hoặc chủ trương đầu tư dự án trước khi Nghị định này có hiệu lực: Thực hiện theo quy định của Nghị định này” vì thực hiện theo Phương án này sẽ đảm bảo nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và Nghị định số 132/2018/NĐ-CP đã hết hiệu lực pháp luật, bị thay thế bởi Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.	
		Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 56/2020/NĐ-CP quy định: “2. Vốn để thực hiện các hoạt động thực hiện trước do chủ dự án bố trí từ nguồn vốn chuẩn bị dự án”. Kiến nghị bổ sung quy định hoặc giao cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn nguồn kinh phí triển khai “các hoạt động thực hiện trước trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn chuẩn bị đầu tư” tại Điều 17 dự thảo.	Trong mẫu Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (Phụ lục IIIa) quy định về các hoạt động thực hiện trước (khoản 10): “Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài, đề xuất các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 17 của Nghị định, trong đó nêu rõ kinh phí dự kiến, khung thời gian, trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài”.
		Xem xét bổ sung quy định về đồng tiền sử dụng trong các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA vì điểm a khoản 7 Điều 18 quy định “Vốn ODA	

		không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi (tính theo nguyên tệ của nhà tài trợ)", như vậy trong thỏa thuận về vốn ODA, chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư có cần quy đổi sang đồng Việt Nam hay không để đảm bảo phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối theo pháp luật Việt Nam.	
		Rà soát lỗi dẫn chiếu tại Điểm b khoản 3 Điều 19 dự thảo quy định: "Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung không quy định tại điểm a khoản 2 Điều này...", kiến nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại quy định này vì tại khoản 2 Điều 19 của dự thảo không có điểm a.	
		Cần nhắc quy định những sửa đổi nào là sửa đổi mang tính kỹ thuật (ví dụ: thể thức, kỹ thuật trình bày, chính tả...) để việc áp dụng bảo đảm đúng quy định pháp luật (Điểm c khoản 2 Điều 30 quy định: "Đối với những sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế chỉ mang tính kỹ thuật...").	
		Xem xét bổ sung tại khoản 1 Điều 35: "quyết định thành lập và kiện toàn thành viên Ban quản lý dự án..." cho đầy đủ vì trong quá trình hoạt động có thể có thay đổi thành viên Ban quản lý dự án và người được ủy quyền thực hiện đúng nội dung được ủy quyền (Khoản 1 Điều 35 dự thảo quy định: "...Trường hợp chủ dự án có đầy đủ tư cách pháp nhân, người đứng đầu cơ quan chủ quản có thể ủy quyền cho chủ dự án ban hành	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

		quyết định thành lập Ban quản lý dự án (trừ trường hợp...)”. Khoản 2 Điều 44 dự thảo quy định các khoản chi phí sử dụng vốn đối ứng, tuy nhiên, trong đó không có nội dung chi tham gia tổ tụng (nếu có), gồm: án phí, phí trọng tài, phí luật sư, thi hành án/phán quyết của trọng tài (nếu có)... vì trong quá trình triển khai dự án có thể phát sinh tranh chấp, khiếu nại, kiện tụng cần một khoản chi phí lớn và phải có kịp thời để tham gia tố tụng (các quy trình tố tụng đều có thời hạn nhất định), để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của chủ đầu tư, cơ quan chủ quản.	Khoản 2 Điều 44 dự thảo quy định các khoản chi phí sử dụng vốn đối ứng không có nội dung chi tham gia tố tụng (nếu có), gồm: án phí, phí trọng tài, phí luật sư, thi hành án/phán quyết của trọng tài (nếu có)...vì thuộc các khoản chi khác tùy thuộc vào tình hình cụ thể của từng chương trình, dự án và trách nhiệm của các bên khi tham gia tố tụng.
		Do dự thảo không quy định mẫu của Quyết định đầu tư chương trình, dự án; Thành phố kiến nghị bổ sung thêm điều khoản quy định những nội dung chính của Quyết định đầu tư chương trình, dự án tương tự như nội dung chính của Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại Điều 18 của dự thảo.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.
55	Sở KHĐT tỉnh Hà Nam	Khoản 3, Điều 19: Đề nghị sửa đổi theo hướng phân cấp hơn nữa các nội dung điều chỉnh không làm thay đổi đến khoản vay, phần vốn TW đã được phê duyệt trong chủ trương đầu tư dự án như sau: “Trường hợp điều chỉnh thời gian thực hiện dự án, bổ sung quy mô đầu tư chỉ làm thay đổi nguồn vốn và thời gian giải ngân phần vốn	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

		địa phương, không thay đổi nội dung trong quyết định chủ trương đầu tư đã phê duyệt: Cơ quan chủ quản báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận; phê duyệt điều chỉnh quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Đầu tư công sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.	
		Đề nghị thống nhất sử dụng các cụm từ dùng trong nghị định: “bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” (tại điểm c, khoản 3, Điều 38), “chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư” (tại điểm 1, khoản 2, Điều 44), đảm bảo phù hợp với tên chi phí trong cơ cấu tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.



**Ý KIẾN GÓP Ý CỦA BỘ TÀI CHÍNH VÀ Ý KIẾN TIẾP THU,
GIẢI TRÌNH CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VỀ DỰ THẢO
NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 56/2020/NĐ-CP
NGÀY 25/5/2020 CỦA CHÍNH PHỦ**

I. CHƯƠNG 1

1. Điều 3

- Khoản 7: về định nghĩa cơ quan chủ quản, chương trình dự án:

+ Đề nghị làm rõ cơ quan chủ quản đối với doanh nghiệp NN, theo đó cần xác định rõ (theo quy định hiện hành), doanh nghiệp nào thuộc Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp nào thuộc Ủy ban quản lý vốn NN.

+ Đề nghị cân nhắc nội dung “*được giao kế hoạch đầu tư công*” ở dòng cuối cùng vì không phù hợp đối với dự án vay lại và dự án của DNNN.

- Khoản 10: về định nghĩa dự án hỗ trợ kỹ thuật: Đề nghị bổ sung cụm từ “*chuẩn bị, thực hiện dự án đầu tư*” như sau:

“10. Dự án HTKT là dự án có mục tiêu hỗ trợ công tác nghiên cứu chính sách...hỗ trợ một số trang thiết bị, xây dựng mô hình trình diễn, chuẩn bị, thực hiện dự án đầu tư. Dự án HTKT gồm dự án HTKT độc lập và dự án HTKT để chuẩn bị, thực hiện dự án đầu tư”.

Lý do: Dự án HTKT bao gồm dự án HTKT độc lập và dự án HTKT để chuẩn bị, thực hiện dự án đầu tư. Tuy nhiên, giải thích về Dự án HTKT tại câu 1 Khoản 10 không đề cập tới hoạt động HTKT để chuẩn bị, thực hiện dự án đầu tư.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung “chuẩn bị, hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư” để tránh trùng lặp với dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại.

- Khoản 14: về định nghĩa hỗ trợ ngân sách: Đề nghị sửa lại như sau:

“Hỗ trợ ngân sách là phương thức cung cấp vốn ODA, vay ưu đãi, theo đó khoản hỗ trợ được chuyển vào ngân sách nhà nước trung ương quản lý, sử dụng theo cơ chế sử dụng vốn trong nước, phù hợp với quy định, thủ tục ngân sách nhà

nước ..., trong đó bao gồm hỗ trợ ngân sách chung và hỗ trợ ngân sách có mục tiêu cho chương trình mục tiêu quốc gia”.

Lý do: Theo Bộ Tài chính, chỉ có hình thức hỗ trợ hòa đồng ngân sách chung và hỗ trợ ngân sách cho CTMTQG là phù hợp với quy định hiện hành của Luật NSNN và Luật QLNC về hỗ trợ ngân sách; các hình thức HTNS có mục tiêu cho địa phương và cho bộ ngành về bản chất là hình thức cho vay theo chương trình, dự án đầu tư do chính quyền địa phương, bộ ngành làm cơ quan chủ quản, đã được quy định cụ thể tại Chương II Nghị định này. Nội dung này Bộ Tài chính xin tham gia cụ thể đối với Điều 9 của Dự thảo Nghị định.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Nghị định số 56/2020/NĐ-CP, chỉ quy định cụ thể hơn để giải quyết các vướng mắc trong thời gian qua đối với hỗ trợ ngân sách có mục tiêu.

- Khoản 15: về ngân hàng phục vụ: Đề nghị bỏ nội dung “căn cứ ý kiến về ngân hàng đủ điều kiện làm ngân hàng phục vụ cho dự án của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Nghị định số 56/2020/NĐ-CP vì đã có ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh về vấn đề này trước khi ban hành Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.

- Khoản 17, dòng 5, đề nghị ghi rõ “...vốn ODA không hoàn lại để chuẩn bị, thực hiện dự án đầu tư) bao gồm những nội dung chính:...”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung “chuẩn bị, hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư” để tránh trùng lặp với dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại.

- Khoản 19, điểm a): đề nghị bổ sung định nghĩa ODA không hoàn lại do nhà tài trợ trực tiếp quản lý, thực hiện và khoản ODA KHL do phía Việt Nam tự thực hiện như sau:

“1. Viện trợ nước ngoài do phía Việt Nam trực tiếp quản lý điều hành là phương thức viện trợ theo đó nhà tài trợ chuyển tiền/hàng viện trợ cho chủ dự án phía Việt Nam để tổ chức quản lý và thực hiện chương trình/dự án/phi dự án viện trợ (bao gồm các hoạt động về mua sắm, thực hiện hợp đồng, giải ngân, quyết toán vốn viện trợ) theo thỏa thuận giữa hai bên theo quy định của luật pháp Việt Nam.

2. Viện trợ nước ngoài do Bên tài trợ trực tiếp quản lý toàn bộ hoặc một phần vốn viện trợ KHL là phương thức viện trợ theo đó Bên tài trợ trực tiếp quản lý tài chính dự án (toàn bộ hoặc một phần vốn viện trợ KHL), chịu trách nhiệm chính trong toàn bộ quá trình triển khai dự án (mua sắm, giải ngân), hoặc ủy thác cho một tổ chức thứ ba (không phải chủ dự án) thực hiện chương trình/dự án/phi dự án viện trợ. Theo phương thức này, tiền viện trợ không hoàn lại không được chuyển vào tài khoản của chủ dự án phía Việt Nam”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Không tiếp thu đề xuất này vì nhiều khái niệm chưa rõ ràng, các từ ngữ sử dụng không có trong Nghị định.

- Khoản 22: Đề nghị bỏ “và các khoản vốn dư khác”.

Lý do: Quy định “các khoản vốn dư khác” là không rõ. Mặt khác, vốn dư chỉ gồm vốn dư sau đấu thầu, do thay đổi tỷ giá, vốn dự phòng không sử dụng hết. Các loại khác như vốn do không thực hiện một số hoạt động của dự án, vốn trước đây dự kiến chi cho các hoạt động chi thường xuyên, thuế,..., sau khi rà soát bị cắt đi là vốn không thực hiện/vốn hủy. Đối với vốn không thực hiện/vốn hủy, đề nghị cân nhắc xây dựng quy trình phê duyệt sử dụng số vốn này như đề xuất mới.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì thực tế có các khoản vốn dự khác không liệt kê được hết do tái cơ cấu dự án, cắt giảm một số hạng mục do không thực hiện được,...

- Khoản 23: Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 50/2020/NĐ-CP quy định về tiếp nhận viện trợ khẩn cấp phòng chống thiên tai, chưa có quy định về tiếp nhận viện trợ khẩn cấp cho phòng chống dịch bệnh. Phạm vi các khoản viện trợ khẩn cấp phòng chống thiên tai đã được bao hàm trong Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, do vậy, không rõ đối tượng các khoản viện trợ khẩn cấp thực hiện theo Nghị định này gồm những khoản viện trợ khẩn cấp nào? (nếu cần, có thể quy định rõ là các khoản viện trợ khẩn cấp để phòng chống dịch bệnh, thực hiện các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng cấp bách). Do đó, đề nghị Bộ KH&ĐT rà soát để đưa ra định nghĩa về viện trợ khẩn cấp trong Nghị định này đảm bảo đầy đủ, tránh trùng lặp với các quy định đã nêu ở văn bản quy phạm pháp luật khác.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì đã bao quát và không trùng lặp với Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

- Khoản 24: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

“24. Thời gian thực hiện chương trình, dự án là khoảng thời gian để dự án thực hiện và hoàn thành được xác định trong quyết định chủ trương đầu tư, chủ trương thực hiện, quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì trong Quyết định phê duyệt chủ trương thực hiện của Thủ tướng Chính phủ không có thời gian thực hiện.

- Khoản 25: Về định nghĩa thời gian bắt đầu dự án: Đề nghị bỏ.

Lý do: Việc quy định thời gian bắt đầu dự án là thời điểm dự án được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch, bố trí vốn lần đầu tiên để thực hiện dự án là không rõ về thời điểm phê duyệt của cấp nào (cấp QH hay TTCP hay Bộ, ngành, địa phương). Mặt khác, theo khoản 3 Điều 41, thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm. Cơ sở giao kế hoạch vốn để thực hiện là thời gian thực hiện được phê duyệt tại Quyết định chủ trương đầu tư. Tại bước chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư, CQCQ không thể xác định chính xác thời điểm được giao vốn hàng năm do phụ thuộc tiến độ phê duyệt dự án, đàm phán, ký kết hiệp định vay.

Trên thực tế, các dự án cấp phát vẫn phải được bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị dự án (trước thời gian thực hiện dự án). Ngoài ra, quy định nói trên không phù hợp với dự án cho vay lại của doanh nghiệp (không được cấp có thẩm quyền giao vốn).

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì đã được quy định trong Luật Đầu tư công và Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.

2. Điều 6

- Khoản 2, điểm a): Đề nghị làm rõ cấp có thẩm quyền quyết định một số vật tư, thiết bị dự phòng đặc biệt là TTCP và nội dung này cần được cơ quan chủ quản đưa vào đề xuất dự án/báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư để báo cáo TTCP.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

3. Điều 7

- Đề nghị bổ sung quy định về cơ chế tài chính đối với vốn VTKHL (hiện đang là khoảng trống về pháp lý trong Nghị định số 56/2020/NĐ-CP): Bộ Tài chính đề nghị áp dụng cơ chế cấp phát toàn bộ đối với vốn viện trợ không hoàn lại, bao gồm cả viện trợ không hoàn lại gắn với khoản vay, viện trợ không hoàn lại cho dự án đầu tư, viện trợ không hoàn lại cho các dự án hỗ trợ kỹ thuật (độc lập, chuẩn bị dự án đầu tư), phi dự án. Ngoại trừ trường hợp cấp phát cho doanh nghiệp NN thì cần nghiên cứu cơ chế hạch toán phù hợp.

- Đề nghị sửa lại Điều 7 như sau:

“Điều 7: Nguyên tắc áp dụng cơ chế tài chính trong nước đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

1. Đối với chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương: Cấp phát toàn bộ vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài từ ngân sách trung ương.

2. Đối với chương trình, dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương: Vay lại một phần hoặc toàn bộ vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài từ ngân sách trung ương theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Đối với chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài làm phần nhà nước tham gia trong dự án đối tác công tư (PPP): Vay lại toàn bộ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài từ ngân sách trung ương theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

3. Đối với chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn toàn bộ hoặc một phần của các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp: Cho vay lại toàn bộ hoặc một phần vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài từ ngân sách trung ương theo quy định của quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

4. Đối với vốn viện trợ không hoàn lại: Cấp phát toàn bộ đối với vốn viện trợ không hoàn lại bao gồm viện trợ không hoàn lại gắn với khoản vay, viện trợ không

hoàn lại cho dự án đầu tư, viện trợ không hoàn lại cho các dự án hỗ trợ kỹ thuật (độc lập, chuẩn bị dự án đầu tư), phi dự án.”

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

4. Điều 8

- Khoản 1, điểm e): Đề nghị bổ sung “đàm phán” trước “ký”.

“e) Tùy thuộc quy định của nhà tài trợ, thực hiện một trong các thủ tục sau: đàm phán, ký kết-điều ước quốc tế; đàm phán, ký thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi; đàm phán, ký văn bản trao đổi về dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại;

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

- Khoản 2: đề nghị cân nhắc sửa lại nội dung này. Theo dự thảo, các dự án viện trợ khẩn cấp vẫn phải thực hiện các bước đ,e,g,h tại Khoản 1, Điều 8. Tuy nhiên phần lớn các khoản viện trợ khẩn cấp không phải viện trợ cho dự án đầu tư (chủ yếu bằng hàng hóa, tiền), vì vậy, đề nghị thực hiện theo quy trình tương tự số Nghị định 50/2020/NĐ-CP, theo đó tùy tính chất khoản viện trợ sẽ thực hiện theo 2 bước (chủ trương tiếp nhận viện trợ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt văn kiện dự án của cơ quan tiếp nhận viện trợ) hoặc 1 bước (cơ quan tiếp nhận viện trợ phê duyệt sau khi xin ý kiến các cơ quan liên quan). Quy trình tương tự cũng nên áp dụng cho việc điều chỉnh chủ trương tiếp nhận viện trợ, quyết định phê duyệt văn kiện dự án.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Khoản 2 Điều 8 quy định theo hướng phân biệt giữa trình tự đầy đủ và trình tự rút gọn trong việc thẩm định, phê duyệt các khoản viện trợ. Trong đó, Mục a) đã phân định thủ tục cho viện trợ khẩn cấp và chỉ còn các bước đ) Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án; e) Tùy thuộc quy định của nhà tài trợ, thực hiện một trong các thủ tục sau: Đàm phán, ký kết điều ước quốc tế; ký thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi; ký văn bản trao đổi về dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại; g) Quản lý thực hiện và quản lý tài chính; h) Hoàn thành, chuyển giao kết quả.

Đối với quy định tương tự như Nghị định 50/2020/NĐ-CP hiện đang có vướng mắc trong quá trình tiếp nhận các khoản viện trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả thì cơ quan chủ quản vẫn phải xin ý kiến các cơ quan liên quan.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu và điều chỉnh theo hướng tiếp thu và cải tiến quy định của Nghị định 50/2020/NĐ-CP. Cụ thể điểm a, khoản 2 Điều 8 Dự thảo Nghị định quy định không bắt buộc phải xin ý kiến các cơ quan trong quá trình thẩm định.

- Khoản 4: Quy trình đối với khoản hỗ trợ ngân sách đề nghị sửa lại như sau:

“a) Lập, quyết định chủ trương tiếp nhận khoản HTNS (đối với CTMTQG, việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công).

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì đã được quy định trong Luật đầu tư công.

b) Đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về vốn ODA, vay ưu đãi cho khoản HTNS.

c) Quản lý thực hiện và quản lý tài chính;

d) Hoàn thành, chuyển giao kết quả.”

Lý do: nội dung bổ sung để phù hợp với Khoản 14 Điều 3 và Điều 9 về vay HTNS bao gồm HTNS chung cho NSTW và HTNS cho CTMTQG. Theo Luật ĐTC và Luật QLNC, điều kiện để đàm phán, ký kết thỏa thuận vay cho chương trình, dự án là chương trình, dự án phải hoàn thành các thủ tục phê duyệt đầu tư trong nước.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

5. Điều 9 – Chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách.

Bộ Tài chính đề nghị sửa theo hướng như sau:

(i). Về hình thức vay HTNS:

Vay HTNS chỉ bao gồm 02 hình thức sau: (i) Vay HTNS chung cho NSTW và (ii) Vay HTNS cho CTMTQG.

Lý do: Theo Luật QLNC (Điều 25), Luật NSNN (K4 Điều 7), Chính phủ chỉ vay nước ngoài để bù đắp bội chi ngân sách trung ương cho đầu tư phát triển, bù

đáp thiếu hụt tạm thời của NSTW, không có hình thức vay HTNS cho địa phương. Địa phương muốn sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi phải vay lại vốn vay ODA theo quy định về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi để thực hiện chương trình, dự án đầu tư công của địa phương.

HTNS có mục tiêu cho bộ, ngành, địa phương để thực hiện chương trình, dự án về bản chất là hình thức vay tài trợ chương trình dự án, do đó việc xác định cơ chế tài chính, lập, thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Chương II Nghị định này.

HTNS có mục tiêu đề nghị chỉ áp dụng cho Chương trình mục tiêu quốc gia do theo Luật NSNN, CTMTQT thuộc nhiệm vụ chi của NSTW nên đáp ứng điều kiện tiếp nhận và được cấp phát khoản vay HTNS để thực hiện.

(ii). Về thủ tục trình duyệt khoản vay:

- *Đối với khoản vay HTNS chung:* Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì trình CP/TTCP về chủ trương tiếp nhận khoản vay vì khoản vay HTNS là để cân đối NSTW theo quy định của Luật NSNN, không theo quy trình của Luật Đầu tư công.

- *Đối với khoản vay HTNS cho CTMTQG:* Cơ quan chủ quản đề xuất khoản vay HTNS cho chương trình mục tiêu quốc gia. Chương trình mục tiêu quốc gia cần trình duyệt theo đúng quy trình của Luật Đầu tư công. Sau khi chương trình hoàn tất các thủ tục phê duyệt đầu tư. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương tiếp nhận khoản vay, đồng thời, Bộ Tài chính tiến hành thủ tục đàm phán, ký kết thỏa thuận vay tiếp nhận khoản vay HTNS cho Chương trình và giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Không nhất trí vì vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển theo Luật Đầu tư công. Đề nghị giữ nguyên như Nghị định số 56/2020/NĐ-CP, chỉ quy định cụ thể hơn để giải quyết các vướng mắc trong thời gian qua đối với hỗ trợ ngân sách có mục tiêu.

II. CHƯƠNG II

6. Tiêu đề Chương II:

- Tiêu đề sửa lại như sau:

“Chương II: Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi; chương trình, dự án đầu tư

sử dụng vốn ODA không hoàn lại và dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại chuẩn bị dự án đầu tư”

Lý do: Việc bổ sung “đầu tư công” nhằm phân biệt với chương trình, dự án của DNNN sẽ được quy định tại Chương IV.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

7. Điều 12:

+ Đề nghị sửa lại tên Điều để phù hợp với tiêu đề Chương:

“Điều 12. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại cho chương trình, dự án đầu tư, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại chuẩn bị dự án đầu tư”.

+ Khoản 3: Đề nghị sửa như sau:

“3. Người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại nhóm C. Trường hợp chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại nhóm C do Nhà tài trợ thực hiện, cơ quan chủ quản báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc nhà tài trợ thực hiện trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

8. Điều 13:

- Khoản 1:

+ Điểm a: Đề nghị bổ sung quy định tại thời điểm các cơ quan lập đề xuất chương trình, dự án gửi Bộ KHĐT, Bộ TC và các cơ quan liên quan, cơ quan chủ quản cần giải trình rõ lý do đề xuất vay theo điều kiện ràng buộc của nhà tài trợ (nếu có).

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

+ Điểm d: Đề nghị sửa như sau:

“d) Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án với các nội dung sau: Tên chương trình, dự án, tên nhà tài trợ, đồng tài trợ nước

ngoài (nếu có), điều kiện ràng buộc của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có); tên cơ quan chủ quản; mục tiêu, quy mô dự kiến; thời gian thực hiện dự kiến; tổng mức đầu tư dự kiến và cơ cấu nguồn vốn; cơ chế tài chính trong nước dự kiến; phương thức cho vay lại; đề xuất sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi cho vật tư, thiết bị dự phòng trong trường hợp đặc thù (nếu có) và các nội dung khác có liên quan".

Lý do: nhằm phù hợp với nội dung mới được bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 6.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

- Khoản 4: Đề nghị bỏ quy định "đối với nhiều dự án sử dụng cùng một khoản vốn ODA, vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Trường hợp cơ quan chủ quản các dự án thống nhất và ủy quyền bằng văn bản, cơ quan được ủy quyền thực hiện trình tự lập, lựa chọn, phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án chung cho khoản vay ODA, vay ưu đãi".

Lý do: Như đã nêu tại công văn tham gia ý kiến.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định để giải quyết trường hợp nhà tài trợ cung cấp một khoản vay cho nhiều dự án.

9. Điều 14

- Khoản 4: Đề nghị sửa lại như sau:

"4. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A, thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 25 của Luật Đầu tư công, cụ thể như sau:

a) Cơ quan chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trình Thủ tướng Chính phủ;

c) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư".

- Khoản 7: Đề nghị quy định rõ thành 02 trường hợp sau:

(i) Trường hợp các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS), Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có thay đổi về cấu phần hoặc khối lượng công việc của các hạng mục so với nội dung Đề xuất dự án, thì cơ quan chủ quản bổ sung báo cáo các nội dung thay đổi so với Đề xuất dự án tại Tờ trình thẩm định FS, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

(ii) Trường hợp các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS), Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có thay đổi toàn bộ nội dung đầu tư, mục tiêu ban đầu của chương trình, dự án, cơ quan chủ quản thực hiện thủ tục trình duyệt Đề xuất dự án theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì nếu thay đổi toàn bộ nội dung của Đề xuất dự án, việc thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư chắc chắn không thực hiện được.

10. Điều 17

- Khoản 2: Đề nghị Bộ KH&ĐT rà soát quy định tại Luật Đấu thầu để đảm bảo các hoạt động thực hiện trước liên quan tới lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định.

- Ngoài ra, đề nghị bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Đối với việc lựa chọn nhà thầu thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi phát sinh từ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế đó. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về lựa chọn nhà thầu khác với quy định của Luật trong nước thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Lý do: Đối với các khoản vay tín dụng hỗ trợ xuất khẩu của các nhà tài trợ song phương (Đan Mạch, Bỉ, Phần Lan, Áo...), việc đấu thầu, ký kết hợp đồng thương mại thực hiện trước khi ký kết hiệp định vay và thực hiện dự án. Quy định này là phù hợp với khoản 3, 4 Điều 3 Luật Đấu thầu 2013.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

11. Điều 18:

- Khoản 6 (về thời gian thực hiện dự án): Đề nghị rà soát quy định về bố trí vốn nước ngoài (Điều 41) để làm rõ việc bố trí vốn cho thanh toán, quyết toán dựa trên cơ sở nào khi thời gian thực hiện dự án đã kết thúc và không làm thủ tục gia hạn thực hiện dự án. Nếu quy định như dự thảo thì thời hạn giải ngân của thỏa thuận vay luôn dài hơn thời gian thực hiện do bao gồm cả thời gian thanh toán, quyết toán. Trong thực tiễn, rất nhiều dự án phải thực hiện thủ tục gia hạn thời gian thực hiện để có cơ sở được bố trí vốn giải ngân vốn vay trong thời gian thanh, quyết toán.

- Khoản 7:

"7. Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn (tính theo đồng Việt Nam, quy đổi nguyên tệ).

a) Vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi (tính theo nguyên tệ của nhà tài trợ).

b) Vốn đối ứng."

- Khoản 8: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

"8. Cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại đối với chương trình, dự án theo Đề xuất dự án đã được duyệt tại tiết d, Khoản 1 Điều 13".

- Đề nghị bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Phương thức thực hiện (đối với dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại): phía Việt Nam thực hiện hoặc Nhà tài trợ tự thực hiện".

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

12. Điều 19

- Khoản 3: Quy định tại dự thảo chưa bao trùm được hết các trường hợp và không rõ.

+ Điểm a: đề nghị Bộ KH và ĐT rà soát, chỉnh sửa tham chiếu cho phù hợp vì khoản 2, Điều 52 của Luật Đầu tư công liên quan tới điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ đối tượng đầu tư công khác được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, không phải thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

Ngoài ra, đề nghị Bộ KH&ĐT làm rõ cơ sở pháp lý khi quy định trường hợp chỉ gia hạn thời gian thực hiện thì CQCQ báo cáo TTCP xem xét, quyết định (không qua Bộ KH&ĐT và lấy ý kiến của Bộ Tài chính). Quy định này là trái với khoản 2 Điều 25 Luật Đầu tư công (về thủ tục điều chỉnh QĐ chủ trương đầu tư).

+ Điểm b: Quy định như dự thảo chưa bao gồm hết các trường hợp và không phải mọi trường hợp đều cần thực hiện theo thủ tục của khoản 4 Điều 14 vì việc điều chỉnh chương trình, dự án có thể dẫn tới 2 trường hợp: (i) làm thay đổi nội dung của QĐ chủ trương đầu tư hoặc (ii) không làm thay đổi các nội dung của QĐ chủ trương đầu tư (trong trường hợp này, CQCQ chỉ cần điều chỉnh quyết định đầu tư).

+ Ngoài ra, trường hợp điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và thay đổi cả những nội dung khác của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư thì theo quy trình nào (điểm a hay b của Khoản 3).

+ Ngoài ra, đề nghị điều chỉnh tham chiếu cho phù hợp vì dự thảo không có điểm a) Khoản 2.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì Nghị định chỉ quy định những trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư.

13. Điều 22:

- Khoản 5:

Đề nghị bổ sung trường hợp điều chỉnh nội dung chương trình dự án mà không dẫn đến điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư (ví dụ điều chỉnh tỷ lệ nội tệ, ngoại tệ; chuyển dự phòng lên hợp phần xây lắp...) thì CQCQ chỉ cần sửa đổi Quyết định đầu tư (sau khi tổng hợp ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT) để làm căn cứ sửa ĐUQT/thỏa thuận quốc tế.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

III. CHƯƠNG III – LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG THỰC HIỆN VÀ PHÊ DUYỆT VĂN KIỆN DỰ ÁN HTKT ĐỘC LẬP, PHI DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI.

14. Điều 25.

- Khoản 4: đề nghị bổ sung như sau:

“đ) Phương thức thực hiện: phía Việt Nam thực hiện hoặc Nhà tài trợ tự thực hiện.”

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

IV. CHƯƠNG IV – KÝ KẾT ĐÚQT VÀ THỎA THUẬN VỀ VỐN ODA, VAY ƯU ĐÃI

15. Tiêu đề của Chương:

Đề nghị rà soát, bổ sung từ “đàm phán” trước từ “ký kết” trong Tiêu đề Chương IV và Điều 28, 29 và các nội dung tương ứng của các Điều. Theo đó tên Chương IV điều chỉnh thành *“Chương IV. Đàm phán, ký kết điều ước quốc tế và thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài”*.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

16. Điều 28

+ Khoản 1: Đề nghị thay thế căn cứ đề xuất đàm phán, ký kết điều ước quốc tế khung về vốn ODA, vốn vay ưu đãi gắn với chương trình, dự án cụ thể là “Quyết định đầu tư” thay cho “Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư” như dự thảo hiện nay.

Lý do: trên thực tế điều ước quốc tế khung gắn với chương trình, dự án cụ thể (ví dụ như công hàm trao đổi đối với các dự án của Nhật Bản) đã quy định chi tiết các cam kết về trị giá vay, điều kiện cho vay của nhà tài trợ đối với một chương trình, dự án cụ thể và các quy định này khó có thể thay đổi khi đàm phán, ký kết thỏa thuận vay cụ thể. Do vậy, cần căn cứ vào quyết định đầu tư của chương trình, dự án.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

+ Khoản 2, điểm a: đề nghị bổ sung điều kiện đàm phán ký kết điều ước quốc tế và thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài gồm Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt cho vay lại (đối với trường hợp vay lại).

“2.a) Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại: Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án được phê duyệt; quyết định đầu tư chương trình, dự án và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt cho vay lại (đối với trường hợp dự án vay lại)”.

Lý do: theo Nghị định 97/2018/NĐ-CP về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, một trong những điều kiện đàm phán, ký kết là dự án được thẩm định đủ điều kiện vay lại và được TTCP phê duyệt cho vay lại.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

17. Điều 29. Cơ quan đề xuất ký kết điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

- Đề nghị sửa Khoản 2 như sau:

“Bộ Tài chính là cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế khung và cụ thể về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại cho chương trình, dự án hỗn hợp có sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi; vốn ODA không hoàn lại hỗ trợ ngân sách trừ vốn ODA không hoàn lại được quy định tại khoản 3 Điều này”.

Lý do: Để phù hợp với sửa đổi của Điều 9.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính.

18. Điều 30 – Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn ĐUQT về vốn ODA, vay ưu đãi:

- Khoản 1: Về đàm phán, ký kết điều ước quốc tế:

+ Đối với ĐUQT cụ thể về vốn vay ODA, vay ưu đãi: Việc Bộ KH đề xuất áp dụng thủ tục đồng thời đàm phán, ký kết theo Điều 71 Luật ĐUQT như dự thảo Nghị định là không thể thực hiện được do tính chất phức tạp của nguồn vốn vay, đòi hỏi phải cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đàm phán, phương án đàm phán, kết quả thẩm định cho vay lại (đối với dự án vay lại) trước khi trình ký kết. Do đó, vẫn cần tách thành các bước: trình đàm phán, trình ký kết, trình phê duyệt/phê chuẩn như quy trình thông thường theo Luật ĐUQT. Tuy nhiên, để giảm thủ tục,

trình tự thủ tục ký kết ĐUQT cụ thể về vốn vay ODA, vay ưu đãi, có thể áp dụng thủ tục rút gọn tại Điều 72 của Luật ĐUQT (theo đó, giảm thời gian tham gia ý kiến của các cơ quan từ 15 ngày xuống còn 5 ngày ở mỗi bước).

+ Đối với ĐUQT cụ thể về vốn viện trợ KHL độc lập: Thực hiện đồng thời đề xuất đàm phán và ký kết theo quy định tại Điều 71 và thủ tục rút gọn về thời gian tham gia ý kiến tại Điều 72 Luật Điều ước quốc tế.

Theo đó, Khoản 1 sửa lại như sau:

"1. Trình tự, thủ tục ký kết ĐUQT về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật về ĐUQT và quản lý nợ công:

Trình tự thủ tục ký kết ĐUQT cụ thể về vốn vay ODA, vay ưu đãi áp dụng thủ tục rút gọn tại Điều 72 của Luật ĐUQT.

Trình tự thủ tục ký kết ĐUQT cụ thể về vốn viện trợ KHL độc lập áp dụng đồng thời đề xuất đàm phán và ký ĐUQT tại Điều 71 và thủ tục rút gọn tại Điều 72 của Luật ĐUQT".

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

- Khoản 2: Về sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐUQT:

Đề nghị áp dụng theo thủ tục rút gọn tại Điều 73, 74 Luật ĐUQT như sau:

(i) Đối với gia hạn ĐUQT: Do việc gia hạn ĐUQT căn cứ vào Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư về thời gian thực hiện/giải ngân của Dự án nên đề nghị áp dụng theo Điều 74, cụ thể:

+ Trong trường hợp gia hạn ĐUQT mà không thay đổi các nội dung khác, cơ quan đề xuất không phải lấy ý kiến các cơ quan liên quan.

+ Hồ sơ trình về việc gia hạn ĐUQT gồm các tài liệu quy định tại khoản 6 Điều 54 Luật ĐUQT, trừ ý kiến của các cơ quan liên quan.

(ii) Đối với sửa đổi, bổ sung ĐUQT: đề nghị phân thành 02 trường hợp như sau:

+ *Trường hợp 1*: Nếu các sửa đổi, bổ sung ĐUQT liên quan tới các nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án (như thay đổi tên CQCQ, chủ dự án, phân bổ lại cơ cấu vốn ODA, vay ưu đãi/vốn đối ứng, điều chỉnh nội dung Dự án,...) hoặc sửa đổi, bổ sung mang tính kỹ thuật (lỗi văn bản, câu chữ, trình bày) thì đề nghị áp dụng theo thủ tục rút gọn của Điều 73, theo đó,

không cần lấy ý kiến các cơ quan liên quan. Cơ quan chủ trì trình Chính phủ cho phép sửa đổi ĐUQT căn cứ Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đã duyệt.

Hồ sơ trình: theo khoản 6 Điều 54, trừ ý kiến của các cơ quan liên quan.

+ *Trường hợp 2*: Nếu các sửa đổi, bổ sung ĐUQT liên quan tới các nội dung chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, thì thủ tục sửa đổi bổ sung ĐUQT thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 54 Luật ĐUQT (cơ quan đề xuất lấy ý kiến bằng văn bản của BNG, BTP và cơ quan có liên quan; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt sửa đổi, bổ sung).

Hồ sơ trình: theo khoản 6 Điều 54.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

19. Điều 31

- Khoản 1: Đề nghị thay thế căn cứ đề xuất đàm phán, ký kết thỏa thuận khung về vốn ODA, vốn vay ưu đãi gắn với chương trình, dự án cụ thể là “Quyết định đầu tư” thay cho “Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư” như dự thảo hiện nay.

Lý do: tương tự như điều ước quốc tế khung gắn với chương trình, dự án cụ thể đã quy định tại khoản 1 Điều 28.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và điều chỉnh trong Dự thảo Nghị định.

20. Điều 33 – Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi bổ sung, gia hạn thỏa thuận về vốn ODA, vay ưu đãi:

- Khoản 1, điểm b và khoản 2, điểm b: Đề nghị sửa “15 ngày” thành “5 ngày”, tương tự thời hạn góp ý của các cơ quan đối với điều ước quốc tế tại Điều 30.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và điều chỉnh trong Dự thảo Nghị định.

- Khoản 1, điểm c: đề nghị bỏ vì đã quy định tại điểm d).

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và điều chỉnh trong Dự thảo Nghị định.

- Khoản 2:

+ Điểm c: Đề nghị bỏ cụm từ “tổng hợp ý kiến và”, theo đó sửa như sau:

“c) Bộ Tài chính ~~tổng hợp ý kiến và~~ báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi”.

+ Điểm d: Đề nghị sửa “15 ngày” thành “5 ngày”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và điều chỉnh trong Dự thảo Nghị định.

+ Điểm đ) sửa lại như sau:

“đ) Trường hợp sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi ~~đến~~ do thay đổi các nội dung của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 19 và điều chỉnh Quyết định đầu tư theo Điều 22 của Nghị định này trước khi thực hiện trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản này”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và điều chỉnh trong Dự thảo Nghị định.

+ Đề nghị bổ sung điểm e) như sau:

e) Trường hợp sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi gắn liền với nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung tương ứng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Tài chính thực hiện trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại điểm c, d khoản này”.

Lý do:

(i) Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi cần căn cứ trên cả quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư và quyết định điều chỉnh đầu tư của chương trình, dự án.

(ii) Trường hợp sửa đổi thỏa thuận vay do thay đổi các nội dung của Quyết định chủ trương đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sửa đổi, mà không lấy ý kiến các cơ quan (tương tự như đề xuất sửa đổi ĐUQT tại Điều 30).

(iii) Trong trường hợp việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi gắn với việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung tương ứng (ví dụ như trường hợp gia hạn thời hạn giải ngân quy định tại cả công hàm trao đổi và thỏa thuận vay cụ thể ký với Chính phủ Nhật Bản), nhằm giảm bớt thủ tục hành chính trong việc phải xin ý kiến các cơ quan liên quan về cùng một nội dung nhưng theo cả trình tự sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung theo Luật Điều ước quốc tế và trình tự sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vay theo Luật Quản lý nợ công, căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung, Bộ Tài chính không lấy lại ý kiến các cơ quan mà thực hiện ngay thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vay.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và điều chỉnh trong Dự thảo Nghị định.

V. CHƯƠNG V – QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, PHI DỰ ÁN

21. Điều 35:

Đề nghị sửa tên Điều thành “Quản lý Dự án” (thay cho “Thành lập Ban quản lý dự án”) vì khoản 4 không liên quan tới Ban quản lý dự án.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

22. Điều 36:

- Khoản 4, đề nghị bổ sung nhiệm vụ “...; giám sát và đánh giá tình hình thực hiện, tình hình giải ngân, đảm bảo...”

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

23. Điều 37

- Khoản 9: Đề nghị bỏ cụm từ “Chi đạo Ban quản lý dự án” và sửa lại như sau:

“9. Thực hiện hạch toán, kế toán, ... và tuân thủ quy định về đóng ~~era~~ dự án tại điều ước quốc tế, thỏa thuận cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án”.

Lý do: Theo Khoản 4 Điều 35, nhiều trường hợp Chủ dự án tự quản lý chương trình, dự án, không phải trường hợp nào cũng thành lập Ban quản lý dự án.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

- Khoản 11: Đề nghị thay “cơ quan tài chính” bằng “Bộ Tài chính hoặc cơ quan cho vay lại” sửa lại như sau:

“Đối với chương trình, dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, chủ dự án có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ và kịp thời vốn vay lại theo các điều kiện vay lại đã ký kết với Bộ Tài chính và cơ quan được ủy quyền cho vay lại, cơ quan tài chính, ngân hàng có thẩm quyền”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

- Đề nghị bổ sung một khoản sau khoản 12 như sau:

“Chịu trách nhiệm thông báo cho Bộ Tài chính về ngân hàng phục vụ được lựa chọn để Bộ Tài chính thực hiện thủ tục rút vốn, giải ngân cho dự án”.

Lý do: Nội dung này để phù hợp với quy định của Điều 62 (ngân hàng phục vụ là để phục vụ cho Bộ Tài chính hoặc chủ dự án) và đáp ứng yêu cầu hoàn tất các điều kiện để tiếp nhận khoản vay theo yêu cầu của một số nhà tài trợ.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

- Ngoài ra, đề nghị bổ sung nhiệm vụ của chủ dự án theo nguyên tắc, khi không có BQLDA thì chủ dự án phải thực hiện toàn bộ các công việc giao BQLDA. Vì vậy, đề nghị bổ sung 1 khoản quy định chủ dự án “*giải ngân, quản lý tài chính và tài sản của chương trình, dự án*”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Không nhất trí vì đã quy định tại Khoản 9 Điều này.

24. Điều 38:

- Khoản 3, điểm e): Đề nghị sửa “....*quy định về đóng cửa dự án tại điều ước quốc tế....*”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

25. Điều 39: Đề nghị không quy định chi tiết quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án tại dự thảo Nghị định này do quy định về thành lập BQLDA (thuộc nhiều loại hình) đã được quy định chi tiết tại Luật Xây dựng, Luật Đầu tư nhằm tránh chồng chéo và quy định không đầy đủ và phù hợp. Do đó, đề nghị bỏ Điều này.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

26. Điều 41

- Khoản 2: đề nghị bỏ vì khoản 1 đã bao trùm quy định đối với các dự án đầu tư công. Vì vậy, đối với các dự án không thuộc phạm vi giao kế hoạch vốn đầu tư công (phần vốn cho vay lại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp) đề nghị không đưa vào quy định của Điều này.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

27. Điều 43:

- Khoản 9: Quy định tại Dự thảo không rõ và không đầy đủ. Đề nghị đưa toàn bộ nội dung về lập kế hoạch, quản lý tài chính nguồn viện trợ khẩn cấp vào Chương VIII (Quản lý tài chính nguồn viện trợ không hoàn lại) theo nguyên tắc quy định tương tự như đối với viện trợ khẩn cấp khắc phục thiên tai theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Viện trợ ODA khẩn cấp ngoài quy định của Nghị định 50/2020/NĐ-CP là các nguồn vốn đầu tư công mà quy trình lập kế hoạch đã có quy định tại Luật Đầu tư công. Bên cạnh đó, Nghị định 50/2020/NĐ-CP cũng quy định tuân thủ các quy định về quản lý ngân sách nhà nước. Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng điều chỉnh Mục a Khoản 4 Điều 80 về nguyên tắc quản lý tài chính đối với viện trợ khẩn cấp cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai theo hướng phù hợp quy định của Nghị định 50/2020.

28. Điều 44:

- Khoản 4: Đề nghị sửa lại, tương tự như quy định của Nghị định 56/2020/NĐ-CP:

"4. Đối với chương trình, dự án vay lại toàn bộ:

a) Đối với trường hợp e - địa phương vay lại toàn bộ: ~~Chủ dự án tự bố trí vốn đối ứng do địa phương bố trí từ nguồn ngân sách địa phương;~~

b) Đối với trường hợp doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập vay lại toàn bộ ~~e~~ - cơ quan, tổ chức ~~trừ đối tượng được quy định tại điểm a khoản này~~: Chủ dự án tự bố trí vốn đối ứng hoặc trình cơ quan chủ quản quyết định để bảo đảm đủ vốn đối ứng cho chương trình, dự án theo quy định trước khi ký hợp đồng vay lại.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

- Khoản 7: Đề nghị bỏ.

Lý do: Theo Khoản 3,4,5 Điều này và Khoản 4 Điều 20 Nghị định 94/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công, vốn đối ứng được bố trí từ trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan chủ quản (đối với dự án cấp phát toàn bộ); hoặc do Chủ dự án bố trí từ vốn chủ sở hữu hoặc nguồn vốn hợp pháp khác (đối với dự án vay lại). Như vậy, theo quy định hiện hành vốn đối ứng không gồm vốn vay ODA, vay ưu đãi. Mặt khác, khái niệm vốn đối ứng đã được nêu tại khoản 20 Điều 3 Nghị định này.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

29. Điều 48:

- Đề nghị có quy định riêng về vốn dư đối với vốn vay ODA, vay ưu đãi và vốn dư ODA không hoàn lại do tính chất của 2 nguồn vốn này là khác nhau nên phương thức ứng xử cần có quy định phù hợp.

Phạm vi của Điều 48 chỉ áp dụng đối với vốn dư vay ODA, vay ưu đãi. Vốn dư ODA không hoàn lại được quy định thành một điều riêng tại Chương VIII (Quản lý tài chính vốn ODA không hoàn lại).

- Khoản 3: Đề nghị bỏ vì điều khoản này không rõ ràng và mang tính chủ quan trong việc xác định việc sử dụng vốn dư không làm thay đổi mục tiêu chính,

đặc biệt là các mục tiêu tổng quát, tại Quyết định chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đã duyệt. Mặt khác, dự án đã hoàn thành mục tiêu dự kiến ban đầu, nên việc tiếp tục sử dụng vốn dư (về bản chất vẫn là vốn vay với điều kiện ngày càng kém ưu đãi) không nhất thiết phải ưu tiên giữ lại để sử dụng cho hạng mục bổ sung.

- Khoản 4: Đồng ý chỉ sử dụng vốn dư, vốn hủy/không thực hiện cho đề xuất dự án mới.

Theo đó, khoản 1, 2, 3 và 4 đề nghị sửa và viết lại như sau:

"1. Vốn dư chỉ được sử dụng sau khi đã bố trí đầy đủ ngân sách để hoàn thành các mục tiêu dự kiến của dự án.

2. Vốn dư chỉ được sử dụng để (i) hòa đồng ngân sách và do Thủ tướng Chính phủ quyết định và (ii) sử dụng cho dự án đầu tư mới hoặc các mục đích khác phù hợp với nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương:

+ Đối với vốn dư để hòa đồng ngân sách: Bộ Tài chính chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ về phương án sử dụng vốn dư cho mục đích hòa đồng ngân sách theo quy trình vay hỗ trợ ngân sách chung quy định tại Điều 9 Nghị định này.

+ Đối với dự án mới: Cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án mới. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan làm việc với nhà tài trợ nước ngoài để thống nhất việc sử dụng vốn dư, cơ chế tài chính áp dụng và thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư quy định tại Điều 14, 15, 16, 17, 18 của Nghị định này'.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

- Khoản 4: Về hủy vốn dư:

Do việc hủy vốn dư chỉ thực hiện sau khi các mục tiêu của dự án đã hoàn thành, không làm thay đổi chủ trương đầu tư Dự án, mà chỉ là thủ tục thực hiện theo hiệp định vay giữa Bên vay (Bộ Tài chính) với nhà tài trợ. Do đó, để giảm thủ tục hành chính, đề nghị không cần lấy ý kiến của Bộ KH&ĐT đối với nội dung này. Đề nghị quy định lại theo hướng:

" 5. Khi có nhu cầu hủy vốn, Cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Tài chính đề nghị hủy vốn.

Nếu việc hủy vốn phát sinh chi phí hủy vốn, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Mọi chi phí phát sinh liên quan tới hủy vốn, cơ quan chủ quản và chủ dự án bố trí nguồn chi trả (đối với dự án vay lại).

Nếu việc hủy vốn không phát sinh chi phí hủy vốn, Bộ Tài chính căn cứ quy định của thỏa thuận vay thực hiện thủ tục hủy vốn”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

VI. CHƯƠNG IV – DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TIẾP CẬN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI

30. Từ Điều 51 – 57: Đề nghị sửa lại Chương này theo nguyên tắc đã được Bộ Tài chính trình bày tại công văn góp ý như sau:

« Chương VI

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC SỬ DỤNG

VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 51. Lĩnh vực và điều kiện sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài

1. Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để đầu tư dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên quy định tại Điều 5 của Nghị định này phù hợp với ngành, nghề kinh doanh trong quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Điều kiện sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài:

a) Doanh nghiệp nhà nước vay lại toàn bộ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài phù hợp với các quy định của pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

b) Doanh nghiệp nhà nước chấp nhận ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với vốn viện trợ không hoàn lại đi kèm khoản vay ODA (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư.

Điều 52. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt Đề xuất dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi

1. Doanh nghiệp nhà nước lập Đề xuất dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Quản lý nợ công gửi cơ quan chủ quản/cơ quan đại diện chủ sở hữu. .

2. Cơ quan chủ quản hoặc Cơ quan đại diện chủ sở hữu gửi Bộ Tài chính công văn kèm hồ sơ Đề xuất dự án, trong đó đề xuất cơ quan cho vay lại và phương thức vay lại.

3. Bộ Tài chính chủ trì xác định thành tố ưu đãi, đánh giá tác động của khoản vay mới đối với các chỉ tiêu an toàn nợ công, xác định cơ chế tài chính trong nước, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương sử dụng khoản vay cho dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Quản lý nợ công.

4. Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương sử dụng khoản vay cho Dự án.

Điều 53. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, phương án huy động vốn

1. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của các Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư; thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn thực hiện theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Luật quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

2. Căn cứ phê duyệt chủ trương sử dụng khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ, ý kiến của nhà tài trợ về khả năng tài trợ vốn cho dự án, doanh nghiệp nhà nước lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc phương án huy động vốn trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phương án huy động vốn theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đối với các dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại các Điều 33, 34, 35 và 36 Luật Đầu tư và pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

4. Đối với các dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, việc lập phương án huy động vốn thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, các quy định có liên quan của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

5. Các nội dung chính của Quyết định chủ trương đầu tư, phương án huy động vốn thực hiện theo Điều 18 Nghị định này.

6. Trong quá trình xây dựng, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc phương án huy động vốn, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm lấy ý kiến tổ chức tín dụng được ủy quyền cho vay lại. Ý kiến của tổ chức tín dụng phải được gửi cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chủ quản hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 54. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp của doanh nghiệp nhà nước, pháp luật về xây dựng dự án đầu tư và các quy định của pháp luật liên quan.

3. Trong quá trình xây dựng, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm lấy ý kiến tổ chức tín dụng được ủy quyền cho vay lại theo pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ. Ý kiến của tổ chức tín dụng phải được gửi cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chủ quản hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 55. Trao đổi với nhà tài trợ về việc tài trợ vốn

1. Căn cứ phê duyệt chủ trương sử dụng khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính thông báo cho nhà tài trợ về chủ trương sử dụng khoản vay nước ngoài cho dự án được phê duyệt.

2. Căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, phương án huy động vốn cho dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Tài chính trao đổi với nhà tài trợ về điều kiện vay sơ bộ cho dự án và thông báo cho các cơ quan liên quan.

3. Căn cứ công văn đề nghị của chủ dự án, quyết định phê duyệt đầu tư và kết quả thẩm định khả năng trả nợ của tổ chức tín dụng được ủy quyền cho vay lại, Bộ Tài chính trao đổi với nhà tài trợ để gửi dự thảo điều ước quốc tế khung gắn với dự án cụ thể, điều ước quốc tế cụ thể hoặc thỏa thuận vay cho dự án để báo cáo Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đàm phán.

Điều 56. Đàm phán, ký kết điều ước quốc tế và thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Việc đàm phán, ký kết điều ước quốc tế và thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Chương IV của Nghị định này và pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Điều 57. Điều chỉnh dự án đầu tư

Trường hợp việc điều chỉnh dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước dẫn đến việc tăng tổng mức vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, thay đổi mục tiêu và tính chất dự án đầu tư so với phê duyệt ban đầu, thực hiện điều chỉnh Đề xuất dự án, điều chỉnh quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, phương án huy động vốn và thủ

tục thẩm định lại khả năng trả nợ của chủ dự án theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 Nghị định này.

Điều 58. Quản lý tài chính vốn vay nước ngoài

1. Chủ dự án là đối tượng vay lại thực hiện lập kế hoạch vay, trả nợ hằng năm đối với khoản vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài cho dự án theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công.

2. Mở tài khoản dự án và ngân hàng phục vụ:

a) Chủ dự án lựa chọn ngân hàng phục vụ và mở tài khoản cho dự án vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài tại ngân hàng thương mại là tổ chức tín dụng được ủy quyền cho vay lại đối với dự án trong trường hợp tổ chức tín dụng chịu rủi ro tín dụng.

b) Chủ dự án lựa chọn ngân hàng phục vụ và mở tài khoản cho dự án vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài tại ngân hàng thương mại đủ tiêu chuẩn là ngân hàng phục vụ theo quy định của Luật Quản lý nợ công và Nghị định về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ trong trường hợp tổ chức tín dụng không chịu rủi ro tín dụng.

3. Kiểm soát hồ sơ thanh toán và giải ngân vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài

a) Tổ chức tín dụng được ủy quyền cho vay lại thực hiện kiểm soát thanh toán vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo quy định về kiểm soát thanh toán của ngân hàng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị kiểm soát thanh toán và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm soát. Hình thức kiểm soát hồ sơ thanh toán thực hiện theo Điều 70 Nghị định này.

b) Trong vòng 03 ngày làm việc, Bộ Tài chính thực hiện thủ tục giải ngân với bên cho vay nước ngoài trên cơ sở đề nghị của chủ dự án và kết quả kiểm soát thanh toán của tổ chức tín dụng được ủy quyền cho vay lại.

c) Các hình thức, trình tự và thủ tục rút vốn đối với khoản vốn vay ODA, vay ưu đãi cho dự án thực hiện theo khoản 3 Điều 73 Nghị định này.

4. Việc hạch toán và tỷ giá hạch toán vốn vay ODA, vay ưu đãi cho vay lại tại Bộ Tài chính thực hiện theo Điều 77 và Điều 78 Nghị định này.

5. Doanh nghiệp nhà nước hoặc liên doanh vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi gửi báo cáo bằng văn bản cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan chủ quản hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu hàng quý, hàng năm về tình hình thực hiện dự án đầu tư, tình hình rút vốn và trả nợ vay lại. Ngoài ra, doanh nghiệp thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. *Kế toán, kiểm toán, quyết toán: Thực hiện theo quy định hiện hành về đầu tư, quản lý tài chính doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.*

7. *Quản lý tài sản: Doanh nghiệp nhà nước thực hiện quản lý tài sản hình thành từ vốn vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản doanh nghiệp và quy định của pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ về tài sản bảo đảm tiền vay.*

Điều 59. *Giám sát, đánh giá dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước hoặc liên doanh sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi*

Hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư thực hiện theo quy định tại các điều 70 và điều 71 Luật Đầu tư theo đó cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư và giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý theo nội dung và tiêu chí đã được phê duyệt tại quyết định đầu tư. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và nhà đầu tư có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư trực thuộc Bộ Kế hoạch và đầu tư.”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định. Vì các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nhằm phục vụ mục tiêu đầu tư phát triển không chỉ đơn thuần là cung cấp vốn vay nên Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án trên cơ sở tổng hợp ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

VII. CHƯƠNG VII – QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI

31. Điều 60:

- Khoản 2: Đề nghị sửa lại như sau:

“b) Chủ dự án ~~vốn ngân sách nhà nước~~ mở tài khoản nguồn vốn của dự án tại Kho bạc Nhà nước chủ dự án là doanh nghiệp nhà nước mở tài khoản tại hoặc ngân hàng phục vụ để tiếp nhận nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi chỉ cho các hoạt động của chương trình, dự án.

Lý do: Việc mở tài khoản dự án tại đâu còn phụ thuộc vào yêu cầu của nhà tài trợ theo ĐUQT đã ký.

- Khoản 3: Đề nghị bổ sung “hoặc ngân hàng phục vụ (trong trường hợp doanh nghiệp vay lại toàn bộ)” và sửa như sau:

“3. Tài khoản vốn đối ứng: Chủ dự án mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện giao dịch (sau đây gọi là Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch) ... của dự án hoặc ngân hàng do chủ dự án lựa chọn (trong trường hợp doanh nghiệp vay lại toàn bộ)”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

32. Điều 61

- Khoản 3: Đề nghị bỏ tham chiếu đến Điều 65 do điều này quy định về “Lập kế hoạch tài chính hàng năm cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

33. Điều 66:

- Khoản 4: Đề nghị bổ sung “đồng gửi cơ quan chủ quản và cơ quan cho vay lại” và sửa như sau:

“4. Đối với dự án cho vay lại của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chủ dự án gửi Bộ Tài chính, đồng gửi cơ quan chủ quản và cơ quan được ủy quyền cho vay lại, đăng kýtheo quy định”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

- Khoản 5: Đề nghị bỏ

Lý do: Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 84/2018/TT-BTC ngày 13/9/2018 của Bộ Tài chính quy định mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công. Đối với việc lập kế hoạch tài chính hàng năm của các dự án cấp phát, vay lại, đã được quy định rõ tại Điều 65 và Khoản 1,2,3,4 Điều này.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

34. Điều 68

- Khoản 4, điểm b: Đề nghị bỏ cụm từ “và giải ngân” và sửa lại như sau:

“b) Các khoản thanh toán khối lượng hoàn thành được kiểm soát chi và giải ngân đến ngày 31 tháng 01 năm sau”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

- Khoản 8: Dòng 1, đề nghị thay chữ “thanh toán” bằng “kiểm soát chi”. Dòng 6 đề nghị bỏ cụm từ “và thanh toán”. Khoản này sửa lại như sau:

“8. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán kiểm soát chi của chủ dự án cho mọi hình thức rút vốn,để thực hiện kiểm soát chi ~~và thanh toán~~ cho chủ dự án. Chủ dự án chịu trách nhiệm về phương thức lựa chọn nhà thầu...vốn vay ODA và vay ưu đãi.”

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

35. Tiêu đề Mục 4 sửa lại như sau “Rút vốn, quản lý, hạch toán vốn vay ODA, vay ưu đãi” do các quy định tại mục này liên quan tới vốn vay ODA, vay ưu đãi. Các quy định về vốn viện trợ đã được nêu tại Chương III.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

36. Điều 72

- Khoản 2: Đề nghị bỏ đoạn “Trường hợp bất khả kháng khoản 2 Điều 68 của Luật Đầu tư công” và bổ sung Khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp bất khả kháng không giải ngân trước ngày 31 tháng 01 năm sau (bao gồm trường hợp đã kiểm soát chi và gửi đơn rút vốn trước ngày 31 tháng 01 năm sau nhưng nhà tài trợ chưa thông báo ~~nhận nợ~~ rút vốn), thực hiện theo quy định về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm tại khoản 2 Điều 68 của Luật Đầu tư công”

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

37. Điều 73

- Khoản 1: Đề nghị bỏ toàn bộ điểm d) vì theo đề nghị sửa Điều 9 thì không còn hình thức vay HTNS cho ngành, lĩnh vực cụ thể.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

- Khoản 3:

+ Đề nghị sửa đổi tiêu đề điểm a) như sau: “a) Các hình thức rút vốn và điều kiện áp dụng:”

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

+ Điểm a: đoạn 4 đề nghị sửa đổi như sau:

“Tài khoản tạm ứng là tài khoản mở riêng cho dự án tại ngân hàng phục vụ hoặc kho bạc nhà nước để chủ dự án chủ động trong việc thanh toán cho các khoản chi tiêu thường xuyên và hợp lệ của dự án, giảm bớt số lần rút vốn vay. Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo chi tiêu và gửi đơn hoàn chứng từ hàng tháng. Thời hạn hoàn chứng từ cho Bộ Tài chính đối với các khoản chi tiêu từ tài khoản tạm ứng không vượt quá 180 ngày. Trường hợp quá 180 ngày kể từ ngày rút vốn về tài khoản tạm ứng, chủ dự án không thực hiện hoàn chứng từ và báo cáo chi tiêu, chủ dự án phải chuyển sang áp dụng hình thức thanh toán trực tiếp, trừ trường hợp được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản về việc được tiếp tục áp dụng hình thức tài khoản tạm ứng.”

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

+ Điểm c: Đề nghị bổ sung, sửa đổi như sau:

“c) Hồ sơ rút vốn gửi Bộ Tài chính: Đối với mỗi đợt rút vốn, chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền lập và gửi Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ rút vốn theo từng hình thức rút vốn. Hồ sơ rút vốn quy định tại Phụ lục X IX kèm theo Nghị định này.

Chủ dự án chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lệ về hồ sơ rút vốn bao gồm: số kiểm soát chi bảo đảm một khoản chi không được kiểm soát và thanh toán hai lần, khối lượng nghiệm thu thanh toán, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, các thông tin chỉ dẫn thanh toán cho các nhà thầu và hồ sơ phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính của nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi.”

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

+ Điểm d: đề nghị bổ sung, sửa đổi như sau:

"d) Việc rút vốn theo phương thức điện tử được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính sau khi thống nhất với nhà tài trợ quy định của pháp luật về thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử".

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

- Điểm d: Đề nghị bỏ toàn bộ nội dung tại dự thảo do đã quy định tại điểm d) trên.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

- Ngoài ra, đề nghị bổ sung một khoản tại Điều 73 về việc giới thiệu hoặc hủy mẫu chữ ký, cụ thể :

"1. Giới thiệu và/hoặc hủy mẫu chữ ký ký đơn rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Cơ quan chủ quản gửi công văn cho Bộ Tài chính giới thiệu và/hoặc hủy mẫu chữ ký đối với các dự án áp dụng cơ chế tài chính cấp phát/cho vay lại theo tỷ lệ; chủ dự án gửi công văn cho Bộ Tài chính giới thiệu và/hoặc hủy mẫu chữ ký đối với dự án áp dụng cơ chế tài chính cho vay lại toàn bộ. Trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ quản/chủ dự án, Bộ Tài chính gửi thư cho nhà tài trợ giới thiệu và/hoặc hủy mẫu chữ ký ký đơn rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi".

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

38. Điều 76

- Khoản 4: Đề nghị sửa đổi như sau:

"4. Các khoản chi thuộc kế hoạch năm đã được ~~Kho bạc Nhà nước~~ kiểm soát chi và thực hiện giải ngân chuyển tiền cho nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ hàng hóa trước ngày 31 tháng 01 năm sau, Kho bạc Nhà nước hạch toán ghi thu ghi chi vào niên độ năm thực hiện. Các khoản chi đã được ~~Kho bạc Nhà nước~~ kiểm soát chi, ~~chứng từ chuyển tiền cho nhà thầu, nhà cung cấp sau~~ trước ngày 31 tháng 01 năm sau và thực hiện giải ngân sau ngày 31 tháng 01 năm sau, chủ dự án bố trí kế hoạch năm sau để hạch toán ghi thu ghi chi"

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

39. Điều 78

- Tiêu đề sửa lại như sau: “Điều 68. Tỷ giá hạch toán và giải ngân”

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và bổ sung trong Dự thảo Nghị định.

- Khoản 2: Đề nghị thay chữ “VNĐ” bằng “đồng tiền khác đồng tiền vay”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

40. Điều 79

Khoản 1: đề nghị sửa như sau:

“1. Các khoản chi nguồn vốn ODA, vay ưu đãi được xác nhận kiểm soát chi và thực hiện giải ngân đến trước ngày 31 tháng 01 năm sau; trong vòng 05 ngày làm việc thực hiện hạch toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

41. Điều 81

- Khoản 2: Đề nghị thay cụm từ “đóng khoản vay” thành “kết thúc giải ngân khoản vay” và sửa như sau:

“2. Trong vòng 30 ngày kể từ khi ~~đóng khoản~~ kết thúc giải ngân khoản vay ODA, vay ưu đãi, ... để làm cơ sở quyết toán dự án”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

42. Điều 83

Đề nghị bổ sung như sau: “Việc quản lý tài sản công trình từ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi... sử dụng tài sản công”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

43. Điều 84

- Khoản 2: Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý của quy định “*Thời điểm thanh toán tiền bảo hành công trình là thời điểm tính kế hoạch vốn hàng năm được giao cho dự án*”

Lý do: Kế hoạch vốn được giao theo thời gian thực hiện đã được duyệt tại quyết định chủ trương đầu tư của dự án. Trong khi khoản 6 Điều 18 quy định thời gian thực hiện dự án không bao gồm thời gian thanh, quyết toán. Trong khi đó, thời gian bảo hành có thể kéo dài nhiều năm sau thời gian thực hiện (hoàn thành công trình). Quy định này không phù hợp với Luật Đầu công (Dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm).

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị bỏ quy định này vì không phù hợp với Luật Đầu tư công.

CHƯƠNG VIII – QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI

44. Điều 86

- Khoản 1: Đề nghị sửa lại như sau:

“1. ~~Vốn ODA không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước do phía Việt Nam thực hiện~~ được dự toán, kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu ghi chi, quyết toán ... theo quy định pháp luật về quản lý nhà nước và pháp luật có liên quan”

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

45. Điều 87

- Khoản 2: đề nghị bỏ toàn bộ điểm b) vì đã quy định tại Khoản 1 Điều 79. Theo đó, Khoản 2 sửa lại như sau:

“2. Tài khoản vốn ODA không hoàn lại: Chủ dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại tại hệ thống Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc ngân hàng thương mại ~~trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ~~. Trình tự, thủ tục mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và việc quản lý, sử dụng tài khoản thực hiện theo quy định hiện hành.

~~Kho bạc nhà nước tổ chức việc kiểm soát, thanh toán cho dự án từ nguồn vốn ODA”.~~

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

46. Điều 89

- Khoản 4, 5 và 8: Thay chữ “ngân hàng phục vụ” bằng “ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản” vì định nghĩa “ngân hàng phục vụ” chỉ áp dụng đối với vốn vay ODA, vay ưu đãi.

- Khoản 8: đề nghị sửa lại như sau:

“8. Khi kết thúc hoạt động chi tiêu trên tài khoản vốn ODA không hoàn lại tại ngân hàng ~~phục vụ thương mại~~ nơi mở tài khoản hoặc kho bạc nhà nước, trường hợp không có cam kết tại điều ước quốc tế... Việc sử dụng số dư lãi phát sinh thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

47. Điều 90

- Khoản 2: đề nghị bỏ toàn bộ điểm c) về giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp và giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư của chủ dự án.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

48. Vốn dư ODA không hoàn lại:

Trên quan điểm vốn ODA không hoàn lại là nguồn vốn cần được khuyến khích tiếp nhận và sử dụng tối đa cho mục tiêu hiệu quả của dự án, Bộ Tài chính đề nghị bổ sung một Điều khoản riêng tại Chương VIII này như sau:

“Điều xx. Vốn dư ODA không hoàn lại:

1. Vốn dư của vốn ODA không hoàn lại do phía Việt Nam thực hiện (vốn dư) là khoản vốn phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình, dự án bao gồm vốn dư sau đấu thầu, vốn dư do thay đổi tỷ giá và các khoản vốn dư khác, bao gồm cả vốn dư phòng không sử dụng hết.

2. Vốn dư chỉ được sử dụng sau khi đã bố trí đầy đủ ngân sách để hoàn thành các mục tiêu dự kiến của dự án. Không sử dụng vốn dư cho giải phóng mặt bằng, chi trả thuế và chi thường xuyên.

3. Trường hợp cần thiết sử dụng vốn dư để nâng cao kết quả của dự án và không dẫn đến thay đổi mục tiêu chính tại Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư, Quyết định chủ trương thực hiện, Quyết định văn kiện phê duyệt dự án của chương trình, dự án đang thực hiện:

Cơ quan chủ quản trên cơ sở trao đổi thống nhất với Nhà tài trợ về việc sử dụng vốn dư, xin ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về sự hiệu quả, sự cần thiết để quyết định việc sử dụng vốn dư và thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương chủ trương thực hiện và Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án đang thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

4. Trường hợp có nhu cầu sử dụng vốn dư để thực hiện chương trình, dự án mới:

a) Đối với dự án đầu tư: cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án mới. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan làm việc với nhà tài trợ nước ngoài để thống nhất việc sử dụng vốn dư và thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương thực hiện quy định tại Điều 25 của Nghị định này.

b) Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án:

Cơ quan chủ quản trên cơ sở trao đổi, thống nhất với nhà tài trợ về sử dụng vốn dư phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan thực hiện trình tự, thủ tục thủ tục quyết định chủ trương thực hiện dự án, phi dự án, phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án theo quy định tại Điều 25, 26 của Nghị định này.

5. Hoàn trả vốn dư:

a) Trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về vốn viện trợ đã ký quy định việc hoàn trả vốn dư (nếu có) cho nhà tài trợ sau khi hoàn thành chương trình, dự án, cơ quan chủ quản dự án hoàn trả vốn dư cho nhà tài trợ theo quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về vốn viện trợ đã ký kết.

b) Trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về vốn viện trợ đã ký không quy định việc hoàn trả vốn dư (nếu có) cho nhà tài trợ sau khi hoàn thành chương trình, dự án và cơ quan chủ quản không có nhu cầu sử dụng vốn dư theo quy định tại khoản 3, khoản 4 điều này, trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn thành chương trình, dự án Chủ dự án thực hiện chuyển toàn bộ phần vốn dư vào ngân sách nhà nước và thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sau khi thực hiện chuyển tiền".

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì vốn ODA không hoàn lại cần tận dụng sử dụng tối đa cho các dự án.

IX. CHƯƠNG IX – NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN TỔ CHỨC TRONG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VAY ƯU ĐÃI.

49. Điều 91

- Khoản 4: Đề nghị sửa như sau: “4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn cho các dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi” để phù hợp với Khoản 5 Điều 92.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì Bộ Tài chính thuộc các cơ quan có liên quan.

- Khoản 10: Đề nghị bỏ vì theo Khoản 3 Điều 29 Luật QLNC, Bộ Tài chính không cần lấy ý kiến Bộ KH&ĐT.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì phù hợp với điểm c, khoản 9 Điều 2 Nghị định số 86/2017/NĐ-CP của Chính phủ về chức năng và nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Khoản 12: Đề nghị bỏ nội dung “và thúc đẩy giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp xử lý các vấn đề về giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ”

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì phù hợp với Luật Đầu tư công và Nghị định số 86/2017/NĐ-CP của Chính phủ về chức năng và nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ “giám sát và đánh giá các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của pháp luật; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan đến nhiều bộ, ngành”, bổ sung khoản 12 này như sau: “và thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp xử lý các vấn đề về thực hiện

và giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

Lý do: Chức năng thúc đẩy giải ngân vốn vay ODA, vay ưu đãi là của Bộ Tài chính, vì vậy đề nghị chuyển nội dung này sang Điều 92.

50. Điều 92

- Khoản 2: Đề nghị thay cụm từ “Hướng dẫn chuẩn bị” bằng “Chủ trì”.
- Sau Khoản 4: Đề nghị bổ sung 2 Khoản mới như sau:

“5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ đề xuất dự án của Doanh nghiệp nhà nước theo Khoản 3 Điều 29 Luật Quản lý nợ công.

6. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương tiếp nhận khoản vay, viên trợ hỗ trợ ngân sách chung cho ngân sách nhà nước.”

Theo đó, đề nghị đánh số lại các khoản tiếp theo.

- Khoản 8:

+ Điểm b): đề nghị bổ sung cụm từ “**thúc đẩy giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi**”

+ Điểm d): Đề nghị thay chữ “kiểm tra” bằng “giám sát” và đề nghị bỏ cụm từ “trong việc sử dụng vốn” do thuộc trách nhiệm Bộ KH&ĐT.

+ Đề nghị bổ sung thêm điểm mới như sau: **“h) Thúc đẩy giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp xử lý các vấn đề về giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ”.**

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định.

51. Điều 93:

- Khoản 2, 4: Đề nghị bỏ vì không liên quan tới chức năng của NHNN.
- Khoản 5: Đề nghị bỏ.

Lý do: theo dự thảo công văn góp ý.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

- Khoản 7:

+ Điểm b): 2 phương án xử lý chuyển tiếp không xử lý được vấn đề vướng mắc về thủ tục và cơ quan đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư, cơ quan phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư và cơ quan phê duyệt điều chỉnh đầu tư đối với các dự án vay lại 100% của doanh nghiệp do Bộ chủ quản phê duyệt đầu tư trước đây nay chuyển sang UBQLVNN tại doanh nghiệp quản lý. Đề nghị dự thảo theo hướng các cơ quan đã đề xuất/phê duyệt trước đây là cơ quan đề xuất/phê duyệt điều chỉnh đối với các dự án này. Nội dung này, Bộ Tài chính đã đề xuất tại Chương VI.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

- Đối với vốn viện trợ không hoàn lại, đề nghị bổ sung một khoản quy định về điều khoản chuyển tiếp quy định quản lý tài chính đối với vốn viện trợ không hoàn lại như sau:

“8. Đối với các chương trình, dự án ODA không hoàn lại được phê duyệt trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, các chủ chương trình, dự án được tiếp tục thực hiện thủ tục xác nhận viện trợ cho đến khi kết thúc thời gian chính lý quyết toán của niên độ ngân sách năm 2021. Đối với các chương trình, dự án ODA không hoàn lại được phê duyệt sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực, việc thực hiện chế độ quản lý tài chính vốn ODA không hoàn lại được thực hiện theo quy định của Nghị định này”.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

XI. PHỤ LỤC

55. Phụ lục II:

- Mục III, khoản 3: Đề nghị xác định thời gian thực hiện, phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định này và Điều 68 Luật Đầu tư công.

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì thời gian thực hiện đã quy định ở khoản 24 Điều 3.

56. Phụ lục IX

- Khoản 5 Mục V về hồ sơ rút vốn bổ sung Tài khoản tạm ứng (TKTU):

Đề nghị chỉnh sửa tên Mục này đầy đủ là “Rút vốn bổ sung TKTU và/hoặc báo cáo chi tiêu từ TKTU (hoàn chứng từ)” do có trường hợp vừa báo cáo chi tiêu vừa bổ sung TKTU, có trường hợp chỉ hoàn chứng từ, có trường hợp chỉ bổ sung TKTU.

Theo đó, đề nghị có quy định riêng đối với từng trường hợp, cụ thể như sau:

“a) Đối với trường hợp rút vốn bổ sung: Để rút vốn bổ sung TKTU, Chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau:

(i) Văn bản đề nghị rút vốn bổ sung TKTU và báo cáo chi tiêu từ TKTU chứng minh đã chi tiêu tối thiểu 70% số vốn đã rút về TKTU lần trước và chi tiêu 100% số vốn đã rút về TKTU các lần trước đó;

(ii) Đơn rút vốn hoặc thư đề nghị rút vốn, các sao kê theo mẫu của nhà tài trợ (nếu có) có xác nhận của Chủ dự án.

(iii) Kế hoạch chi từ TKTU chi tiết cho giai đoạn tối đa 03 tháng tới. Tỷ giá quy đổi để rút vốn về tài khoản tạm ứng là tỷ giá mua chuyển khoản đồng ngoại tệ tương ứng của ngân hàng phục vụ hoặc ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản tại thời điểm ngày lập đơn rút vốn.

b) Đối với trường hợp hoàn chứng từ:

Để rút vốn hoàn chứng từ, chủ dự án gửi các tài liệu sau cho Bộ Tài chính:

(i) Công văn đề nghị rút vốn hoàn chứng từ/báo cáo chi tiêu từ TKTU;

(ii) Đơn rút vốn và các sao kê theo quy định của nhà tài trợ có xác nhận của Chủ dự án;

(iii) Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính hoặc bản đóng dấu treo của Chủ dự án nếu kiểm soát chi điện tử); Bảng hạch toán ghi ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi (đối với dự án cấp phát). Đối với khoản chi tạm ứng hợp đồng ký với nhà thầu, nhà cung cấp, chủ dự án gửi Bộ Tài chính bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng thương mại (Bản chụp); giá trị bảo lãnh tạm ứng tương đương giá trị tạm ứng, thời gian bảo lãnh tạm ứng kéo dài cho đến khi chủ dự án thu hồi hết số vốn đã tạm ứng;

(iv) Sao kê TKTU và ủy nhiệm chi đối với từng giao dịch của Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản hoặc ngân hàng phục vụ, chi tiết số tiền nguyên tệ, người thụ hưởng và ngày giao dịch, tỷ giá áp dụng và giá trị VNĐ tương đương, số dư đầu kỳ, số chi trong kỳ và số dư cuối kỳ; nếu có tài khoản cấp 2 thì gửi kèm sao kê.

c) Trường hợp rút vốn bổ sung TKTU và hoàn chứng từ: Chủ dự án nộp Bộ Tài chính các tài liệu quy định đối với trường hợp bổ sung TKTU và hoàn chứng từ tại mục a) và b) nêu trên".

Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**Ý KIẾN SƠ Y CỦA NHÓM 6 NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN
VÀ Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 56/2020/NĐ-CP
NGÀY 25/5/2020 CỦA CHÍNH PHỦ**

Ý kiến của Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Kế hoạch vốn đầu tư/lĩnh vực ưu tiên/phương thức tài trợ và quản lý thực hiện		
1. <u>Sử dụng vốn ODA/vay ưu đãi</u>: Chúng tôi đề nghị sửa khoản 2, điều 5 đề vốn vay ưu đãi được ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, y tế, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, đây là các lĩnh vực có tỷ suất hoàn vốn cao cho phát triển kinh tế của đất nước.	Ý kiến/đề xuất của 6 NHPT không được tiếp thu. Điều 5 đã bổ sung lĩnh vực “tăng trưởng xanh, đổi mới sáng tạo” là lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn ODA không hoàn lại. Các phần khác giữ nguyên không thay đổi so với NĐ 56.	- Điều 5 bổ sung “tăng trưởng xanh, đổi mới sáng tạo, thảm họa, dịch bệnh” trong các lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại vì đây là những ưu tiên cao hiện nay của Chính phủ. - Các lĩnh vực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, y tế, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu Chính phủ ưu tiên sử dụng vốn vay ODA vì khả năng thu hồi vốn trực tiếp không cao. - Các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng (phần cứng), đặc biệt những dự án quy mô lớn, liên ngành, liên vùng, có tác động lan tỏa, có khả năng hoàn vốn trực tiếp Chính phủ sử dụng vốn vay ưu đãi vì chi phí vốn cao.

Ý kiến của Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Cần phải làm rõ quy định sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi cho các hoạt động đào tạo cụ thể, mua sắm vật tư, thiết bị dự phòng đặc biệt được cấp có thẩm quyền quyết định (Điều 6.2.a). Chúng tôi nhận thấy: Dự thảo đã rút lại quy định ưu tiên sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước trong Điều 5 của Dự thảo 1. Dự thảo 2 đã bổ sung một số giải thích từ ngữ mới gồm (i) vốn dư; (ii) viện trợ khẩn cấp; (iii) thời gian thực hiện chương trình, dự án.	Điều 6.2.a đưa ra phương án loại trừ để giải quyết vướng mắc hiện nay trong việc thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc không sử dụng vốn vay cho chi thường xuyên. Việc sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài để mua sắm vật tư, thiết bị dự phòng đặc biệt là để tránh tình trạng sau này phải mua sắm các thiết bị này với giá cao, phải đấu thầu lại, tốn kém và không hiệu quả. Lĩnh vực ưu tiên tiên sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước được quy định tại khoản 1 Điều 51. Dự thảo Nghị định bổ sung một số giải thích từ ngữ mới để thống nhất các hiểu còn khác nhau về những từ ngữ này.
2. <u>Mô hình dự án đa thành phần</u>: có thể cần xây dựng một cơ chế, quy trình riêng, đơn giản hơn. Chúng tôi đề nghị tiếp tục thảo luận để thống nhất các nguyên tắc cũng như làm rõ chức năng nhiệm vụ, trách	Ý kiến/đề xuất của 6 NHPT không được tiếp thu. Dự thảo 2 không có quy định về mô hình dự án đa thành phần.	Việc quy định mô hình dự án đa thành phần sẽ dẫn đến mô hình dự án ô trước đây do không rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan đầu mối và các cơ quan tham gia.

Ý kiến của Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
nhiệm giải trình của các cơ quan liên quan và các bên tham gia dự án đa thành phần.		
3. <u>Tham gia của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN)</u>: (i) Chúng tôi kiến nghị sửa đổi nội dung giải thích từ ngữ “cơ quan chủ quản” trong điều 3, khoản 7 theo đó “cơ quan chủ quản” bao gồm cả “DNNN/liên doanh”; và (ii) bổ sung các điều khoản tiếp theo quy định một quy trình hiệu quả cho các cơ quan này khi chuẩn bị và trình hồ sơ Đề xuất dự án lên Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Ý kiến/đề xuất của 6 NHPT được tiếp thu phần lớn trong Dự thảo 2. Quy trình thủ tục trong Dự thảo 2 rõ ràng và đơn giản hơn so với Dự thảo 1. Đã bổ sung một chương mới về việc DNNN tiếp cận vốn ODA và vốn vay ưu đãi, cùng với quy trình được đơn giản hóa áp dụng cho DNNN, tức là (i) chỉ một lần trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại giai đoạn Đề xuất dự án; (ii) bổ sung điều 57 về điều chỉnh đề xuất dự án; (iii) điều chỉnh hiệp định vay theo quy định chung tại Chương IV. Ý kiến/đề xuất của 6 NHPT không được tiếp thu. DNNN không có vai trò là “cơ quan chủ quản”, thay vào đó là Ủy ban Quản lý vốn NN (đối với DNNN nhà nước nắm 100% vốn chủ sở hữu), và Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép kinh doanh đối với các DNNN khác là “cơ quan chủ quản” đối với các dự án của các DNNN.	Theo quy định của Luật Quản lý nợ công, doanh nghiệp nhà nước phải gửi Đề xuất dự án cho các Bộ, ngành, địa phương (cơ quan chủ quản) để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Vì vậy, doanh nghiệp nhà nước không có vai trò làm cơ quan chủ quản.

Ý kiến của Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Dự thảo 2 không quy định rõ nội dung DNNN được phép tiếp nhận vốn ODA viện trợ không hoàn lại theo cơ chế cấp phát và không có nghĩa vụ hoàn trả về tài chính hoặc vay lại. Điều này dễ dẫn đến việc các cơ quan Chính phủ diễn giải khác nhau và áp dụng không thống nhất đối với DNNN. Điều 3.9 chỉ quy định rất chung về cơ chế tài chính áp dụng đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi	Tại điểm c, khoản 1 Điều 51 Dự thảo Nghị định quy định: <i>“Doanh nghiệp nhà nước chấp nhận ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với vốn viện trợ không hoàn lại đi kèm khoản vay ODA (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư.”</i>
Quy trình, thủ tục		
4. <u>Chuẩn bị dự án</u>: chúng tôi đề xuất sửa đổi các điều từ 12-17 nhằm (i) giảm bớt nội dung của Đề xuất dự án, bằng cách giảm mức độ chi tiết của Đề xuất (ví dụ như hạn chế số trang của Đề xuất dự án), quy định rõ tiêu chí sàng lọc dự án của Bộ TC và Bộ KHĐT để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (ii) Thủ tướng CP ủy quyền cho Bộ KHĐT/Bộ Tài chính phê duyệt một trong hai giai đoạn Đề xuất dự án hoặc Chủ trương đầu tư; (iii) có điều khoản quy định rõ ràng về việc	Ý kiến/đề xuất không được tiếp thu, mặc dù có một số điều chỉnh nhỏ - Chương trình, dự án viện trợ khẩn cấp sử dụng vốn ODA không hoàn lại không yêu cầu phải phê duyệt Đề xuất dự án, Chủ trương đầu tư (Điều 8.2.a). - Hình thức nộp hồ sơ qua kênh điện tử của Dự thảo 1 đã bị rút lại, cụ thể tại điều 13.2 và 16.2 của Dự thảo 2 đã bỏ hình thức nộp hồ sơ Đề xuất dự án và Chủ trương đầu tư qua kênh điện tử. Thời gian xem xét và trình Đề xuất dự án lên Thủ tướng Chính phủ giữ nguyên 45 ngày kể từ ngày Bộ KHĐT/Bộ Tài chính nhận được đầy đủ hồ sơ. Mặc dù, quy định này được ghi trong Nghị định 56,	- Điểm a, khoản 2 Điều 8 quy định viện trợ khẩn cấp sử dụng vốn ODA không hoàn lại không yêu cầu phải phê duyệt Đề xuất dự án, Chủ trương đầu tư. - Hình thức nộp hồ sơ và thời gian xem xét và trình Đề xuất dự án lên Thủ tướng Chính phủ giữ nguyên như Nghị định số 56/2020/NĐ-CP trên cơ sở thực tế xử lý công việc.

Ý kiến của Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
cho phép kết hợp nghiên cứu tiền khả thi và nghiên cứu khả thi được thực hiện bởi 1 nhà tư vấn duy nhất; (iv) điều chỉnh quy trình dự án cho phép cơ quan chủ quản phân bổ vốn chuẩn bị dự án cho nghiên cứu tiền khả thi và nghiên cứu khả thi để các hoạt động soạn thảo Điều khoản tham chiếu (TOR) thuê tư vấn chuẩn bị dự án và tư vấn đấu thầu có thể triển khai trước khi Đề xuất dự án được phê duyệt, duy chỉ có việc ký hợp đồng với tư vấn phải được thực hiện sau khi Đề xuất dự án được duyệt; (v) cho phép Hội đồng nhân dân thực hiện phê duyệt dự án một cách linh hoạt bằng cách trực tiếp phê duyệt hoặc ủy quyền cho Thường trực HĐND phê duyệt; (vi) yêu cầu các bộ nghiêm túc tuân thủ thời gian góp ý kiến bằng cách áp dụng “cơ chế hết hạn” theo đó nếu như cơ quan hỏi ý kiến không nhận được ý kiến góp ý trong khung thời	chúng tôi đề xuất giảm thời gian xuống còn 30 ngày như trong Dự thảo 1. - Các quy định khác (tại các điều 12-17) giữ nguyên không thay đổi.	- Các quy định khác (tại các điều 12-17) giữ nguyên không thay đổi do khâu lựa chọn Đề xuất dự án trình Thủ tướng Chính phủ đóng vai trò quan trọng, tránh tình trạng sau này chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi không được phê duyệt sẽ gây tốt kém. Việc phân bổ vốn để thuê tư vấn thuê tư vấn chuẩn bị dự án (xây dựng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và nghiên cứu khả thi) và tư vấn đấu thầu có thể triển khai trước khi Đề xuất dự án được phê duyệt không phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công.

Ý kiến của Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
gian quy định, tự động áp dụng quy tắc “không có ý kiến” có nghĩa là “không phản đối”; (vii) sửa đổi điều khoản về thẩm quyền để Chủ tịch nước ủy quyền cho Thủ tướng Chính phủ quyết định đàm phán (trong trường hợp dự án do các Ngân hàng Phát triển đa phương tài trợ).		
5. <u>Điều chỉnh dự án:</u> Chúng tôi đề xuất điều chỉnh các điều 18-19 để quy định rõ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chủ trương đầu tư trong trường hợp tổng mức đầu tư dự án vượt 15% so với mức đã duyệt ban đầu. Các thay đổi không trọng yếu khác (ví dụ như kéo dài thời gian, sử dụng vốn dư/vốn tiết kiệm) cần được ủy quyền cho Bộ KHĐT/Bộ Tài chính hoặc cơ quan chủ quản phê duyệt, sau đó thông báo cho các bộ ngành trung ương khác và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	<i>Ý kiến/đề xuất của 6 NHPT không được tiếp thu</i>, ngoại trừ một thay đổi nhỏ: (i) Điều 18.6 làm rõ cách tính thời gian thực hiện dự án, cũng như thời gian thanh toán, quyết toán dự án. (ii) Theo điều 19: điều chỉnh thời gian thực hiện dự án không làm thay đổi nội dung còn lại của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (dự án nhóm A điều chỉnh không quá 6 năm, nhóm B không quá 4 năm nhóm C không quá 3 năm theo điều 52 khoản 2 Luật Đầu tư công), cơ quan chủ quản báo cáo Thủ tướng CP chấp thuận, sau đó cơ quan chủ quản phê duyệt điều chỉnh quyết định đầu tư. (iii) Điều 48, áp dụng quy trình đơn giản hơn đối với sử dụng vốn dư, trong trường	- Việc quy định rõ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chủ trương đầu tư trong trường hợp tổng mức đầu tư dự án vượt 15% so với mức đã duyệt ban đầu không phù hợp với Luật Đầu tư công. - Đề xuất ủy quyền cho Bộ KHĐT/Bộ Tài chính hoặc cơ quan chủ quản phê duyệt các thay đổi không trọng yếu khác (ví dụ như kéo dài thời gian, sử dụng vốn dư/vốn tiết kiệm sau đó thông báo cho các Bộ ngành trung ương khác và báo cáo Thủ tướng Chính phủ không khả thi vì Luật Đầu tư công quy định cấp nào phê duyệt thì cấp đó điều chỉnh. - Dự thảo Nghị định đã tinh giản tối đa quy trình, thủ tục điều chỉnh chủ trương, đầu tư trong khung thể chế hiện hành. Bộ Kế

Ý kiến của Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	hợp sử dụng vốn dự không làm thay đổi mục tiêu chính tại Quyết định chủ trương đầu tư. Quy trình này bao gồm: Bộ KHĐT báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định, cơ quan chủ quản không phải thực hiện toàn bộ quy trình điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định. Tất cả các khoản điều chỉnh khác (ngoài điều chỉnh tại mục (ii) nêu trên) đều phải thực hiện theo quy trình điều chỉnh chủ trương đầu tư.	hoạch và Đầu tư đang đề xuất sửa đổi Luật Đầu tư công theo hướng phân cấp cho cơ quan chủ quản phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn vay Nhóm B, C, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại Nhóm B và dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư.
6. <u>Đàm phán, ký kết, và điều chỉnh điều ước quốc tế/thỏa thuận về vốn ODA, vay ưu đãi</u>: Chúng tôi đề xuất quy định rõ trong điều 30 và điều 33 các nội dung (i) cho phép kết hợp đàm phán và ký kết để chỉ 1 lần trình Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ thay vì 2 lần trình như hiện nay; (ii) bổ sung điều khoản đơn giản hóa quy trình điều chỉnh hiệp định tài chính trong đó Bộ Tài chính kết hợp đề xuất phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư với đề xuất phê duyệt điều chỉnh hiệp	Ý kiến/đề xuất của 6 NHPT được tiếp thu một phần, cụ thể: - Điều 30 và điều 33 đã được sửa đổi cho phép kết hợp đàm phán và ký trong một lần trình; hợp lý hóa quy trình thủ tục trong các trường hợp khẩn cấp, và ODA viện trợ, có nghĩa là không phải lấy ủy quyền của Chủ tịch nước riêng cho công tác đàm phán, mà đồng thời đề xuất đàm phán và ký điều ước quốc tế trong 1 lần trình. - Không yêu cầu lấy ý kiến các cơ quan liên quan đối với những sửa đổi chỉ mang tính kỹ thuật (điều 30). Ý kiến/đề xuất chưa được tiếp thu:	Dự thảo Nghị định đã tiếp thu hầu hết các ý kiến góp ý của Nhóm 6 NHPT về nội dung này.

Ý kiến của Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
định tài chính. Ngoài ra, vấn đề quan trọng cần quy định rõ là: việc phân bổ lại giữa các hạng mục của dự án ghi trong hiệp định tài chính (không tăng tổng mức) Bộ Tài chính không phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, vì quy trình hiện nay làm dừng giải ngân của dự án trong nhiều tháng, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.	- Điều 33 không quy định kết hợp điều chỉnh Chủ trương đầu tư với điều chỉnh hiệp định tài chính trong một lần trình. - Điều 33 không cho phép Bộ Tài chính điều chỉnh phân bổ vốn (phân bổ lại giữa các hạng mục của hiệp định vay) mà không phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.	
Quản lý tài chính, đấu thầu, và giải ngân		
7. <u>Kế hoạch ngân sách năm</u>: Chúng tôi đề xuất điều 42 quy định rõ thời điểm Bộ KHĐT/Chính phủ phân bổ vốn trước cuối năm trước năm kế hoạch nhằm đảm bảo đủ thời gian để các Ban Quản lý dự án triển khai kế hoạch thực hiện dự án.	Ý kiến/đề xuất của 6 NHPT không được tiếp thu 6 NHPT khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị việc phân bổ ngân sách phải thực hiện trước thời điểm cuối năm trước.	Việc phân bổ vốn ngân sách thực hiện theo quy trình chung về xây dựng và giao kế hoạch đầu tư công hằng năm. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ nghiên cứu đề xuất này của 6 NHPT.
8. <u>Chi đầu tư, chi thường xuyên</u>: Chúng tôi đề xuất quy định định nghĩa/phân loại rõ ràng các khoản chi thường	Ý kiến/đề xuất của 6 NHPT được tiếp thu một phần, cụ thể:	Đã nêu cụ thể ở trên về chi đầu tư và chi thường xuyên vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Ý kiến của Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
xuyên/chỉ hoạt động hợp lệ đối với các dự án ODA và vay ưu đãi trong điều 6, khoản 2, và loại bỏ các hạng mục chi này trong điều 43, phù hợp với thông lệ tốt của quốc tế.	Đã sửa điều 6.2 cho phép sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi cho các hoạt động đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực phục vụ chuyển giao công nghệ, kỹ năng vận hành trang thiết bị, máy móc; mua một số vật tư, thiết bị dự phòng đặc biệt được cấp có thẩm quyền quyết định. Ý kiến/đề xuất của 6 NHPT không được tiếp thu: không đề cập đến văn bản riêng quy định rõ ràng và đầy đủ về định nghĩa, nội hàm chỉ thường xuyên phù hợp với thông lệ tốt của quốc tế.	
9. <u>Đấu thầu/Các hoạt động thực hiện trước:</u> Chúng tôi đề xuất sửa điều 17 nhằm (i) cho phép kết hợp dịch vụ tư vấn nghiên cứu tiền khả thi và nghiên cứu khả thi trong 1 hợp đồng tư vấn; và (ii) cho phép bắt đầu công tác tuyển chọn tư vấn nghiên cứu tiền khả thi và nghiên cứu khả thi cho đến bước đánh giá, lựa chọn nhà tư vấn (trừ việc ký hợp đồng) trước khi Đề xuất dự án được chấp thuận. Chúng tôi cũng đề xuất bổ sung vào điều 46,	Ý kiến/đề xuất của 6 NHPT được tiếp thu một phần, cụ thể: - Sau khi chủ trương đầu tư được chấp thuận, cho phép phê duyệt kế hoạch đấu thầu, lựa chọn nhà thầu tư vấn lập hồ sơ thiết kế chi tiết (điều 17.2). - Cho phép thực hiện các hoạt động đấu thầu trước bao gồm: chuẩn bị kế hoạch đấu thầu; yêu cầu nộp hồ sơ quan tâm; yêu cầu nộp hồ sơ sơ tuyển; hồ sơ mời thầu; yêu cầu nộp hồ sơ dự thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu. Việc trao thầu và ký hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi ĐUQT hoặc thỏa thuận về ODA và vay ưu đãi có hiệu lực (điều 17.3).	Dự thảo Nghị định đã quy định những hoạt động trước có thể thực hiện được trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang đề xuất sửa đổi Luật Đấu thầu để tạo cơ sở pháp lý giao Chính phủ hướng dẫn, cho phép thực hiện nhiều hơn các hoạt động trước.

Ý kiến của Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
khoản 1 sau câu “trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về lựa chọn nhà thầu khác với quy định của Luật Đấu thầu thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó”, bổ sung câu “<u>Chủ đầu tư</u> quyết định lựa chọn nhà thầu theo quy định/hướng dẫn đấu thầu của nhà tài trợ không phải báo cáo xin ý kiến của các cơ quan cấp trên”.	- Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi về đấu thầu, chủ dự án trình cơ quan chủ quản xem xét, quyết định việc áp dụng quy định của ĐUQT (điều 37.5). (bỏ quy định này của dự thảo 1) 6 NHPT khuyến nghị: 6 NHPT đề xuất (i) Các hoạt động thực hiện trước cần được quy định rõ trong Đề xuất dự án, ví dụ, chuẩn bị báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/báo cáo chủ trương đầu tư, các tài liệu về an toàn xã hội, môi trường; và (ii) sửa điều 18 để quy định rõ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phải nêu các hoạt động thực hiện trước được phép thực hiện. Sáu Ngân hàng tin tưởng rằng việc quy định cụ thể cho phép thực hiện các hoạt động trước sẽ giảm thời gian từ thời điểm chấp thuận khoản vay đến thời điểm giải ngân lần đầu tiên ít nhất là một năm.	

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5495/VPCP-QHQT
V/v thời hạn hoàn thành dự thảo
Nghị định thay thế Nghị định số
56/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Xét báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 5093/BKHĐT-KTĐN ngày 04 tháng 8 năm 2021 về tình hình hoàn thiện Nghị định thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định), Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh có ý kiến như sau:

1. Bộ Tư pháp khẩn trương hoàn thiện thẩm định dự thảo Nghị định trước ngày 20 tháng 8 năm 2021.

2. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định, ý kiến các cơ quan liên quan và các nhà tài trợ nước ngoài để hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 8 năm 2021.

3. Các Bộ, cơ quan rút kinh nghiệm trong việc chậm trễ góp ý về dự thảo Nghị định; nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao, bảo đảm Nghị định được ban hành đúng hạn, có chất lượng và khả thi trong quá trình triển khai thực hiện.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để các Bộ, cơ quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg, PTTg Phạm Bình Minh;
- Các Bộ: GTVT, NN&PTNT, TNMT, CT, YT, GDĐT, XD;
- UBND TP: Hà Nội, TP. HCM;
- NHNN VN;
- VPCP: BTCN, các PCN: Nguyễn Xuân Thành;
- Các Vụ: KTTH, CN, PL, TH;
- Lưu: VT, QHQT. HN (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Xuân Thành



Bộ Tư pháp
12.08.2021
11:28:25
107.00

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 272/BTP-VP

V/v yêu cầu bổ sung
hồ sơ thẩm định

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Tư pháp nhận được Công văn số 4893/BKHĐT-KTĐN của Bộ kế hoạch và Đầu tư đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 56/2010/NĐ-CP ngày 25/5/2010 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài như sau :

Theo quy định tại Điều 92 của Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật và Luật ban hành sửa đổi năm 2020 thì hồ sơ gửi đến Bộ Tư pháp yêu cầu thẩm định còn thiếu các tài liệu sau:

Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình Chính phủ về dự thảo nghị định;

b) Dự thảo nghị định;

c) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

d) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo, nếu trong dự thảo có quy định, thủ tục hành chính; báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;

đ) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu quy định tại điểm a và điểm b khoản này được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử. (Ngoài dự thảo Nghị định ở điểm b là dự thảo còn lại các văn bản đều phải có số và ký tên đóng dấu. văn bản điện tử Bộ Tư pháp đã hoàn lại Quý Bộ từ ngày 28/7/2021, lúc 11:19 tuy nhiên Bộ Tư pháp không thấy quý Bộ bổ sung.

Đề nghị Quý Cơ quan bổ sung hồ sơ nói trên trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được Công văn này. Bộ Tư pháp sẽ tiến hành thẩm định sau khi hồ sơ đã được bổ sung đầy đủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PLQT để biết.
- Lưu: VT

TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Quốc Hoàn

BỘ TƯ PHÁP
HỆ THỐNG VĂN BẢN VÀ ĐIỀU HÀNH

[BẢN LÂM VIỆC \(/APP/PAGES/BAN-LAM-VIEC.ASPX\)](#) | [VĂN BẢN ĐẾN \(/APP/PAGES/VAN-BAN-DEN.ASPX\)](#) | [QUẢN LÝ CÔNG VIỆC \(/APP/PAGES/HO-SO-CONG-VIEC.ASPX\)](#)

QUẢN LÝ VĂN BẢN ĐẾN

- ☒ Toàn bộ văn bản đến
 - ☒ Văn bản điện tử chờ vào sổ
 - ☒ Văn bản chưa chuyển xử lý
 - ☒ Văn bản đến từ Chính phủ
- ☒ Giấy mời
 - ☒ Chưa vào sổ
 - ☒ Đã vào sổ
- ☒ Văn bản đã chuyển
 - ☒ Văn bản đến nội bộ
 - ☒ Văn bản đến cá nhân
 - ☒ Văn bản đến xem để biết
 - ☒ Văn bản từ bộ ngành, địa phương, chính phủ
 - ☒ Văn bản đến liên thông
 - ☒ Văn bản bị từ chối
 - ☒ Văn bản chuyển cá bị

Đanh sách Văn bản bị từ chối

Hôm nay - Hôm nay

Xuất excel Xóa

4893/

Tìm số ký hiệu

Tìm số đề

2021

Số đến	Số ký hiệu	Trích yếu	Ngày đến
		Thẩm định dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ và quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	
	4893/BKHĐT-KTĐN	Nội dung từ chối: Xin báo lại Quý Bộ vì hồ sơ thẩm định của Quý Bộ không đúng theo luật ban hành. Bộ Tư pháp không thẩm định phụ lục. khi nào Quý Bộ gửi đúng, gửi đủ hồ sơ theo luật ban hành thì Bộ Tư pháp tiến hành thẩm định.. Thời gian: 11:19 28/07/2021	27/07/2021

1 Trang 1 / 1 20 bản ghi Chưa xử lý Đang xử lý Đã xử lý